

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Hoa Vô Ưu này được kết tập từ các bài giảng của Hòa thượng Viện Chủ Thiền viện Thường Chiếu Thích Thanh Từ.

Trong đó, gồm một số bài Hòa thượng được thỉnh giảng cho sinh viên một số trường Đại học ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, một số bài Hòa thượng thường giảng cho Tăng Ni, Phật tử các nơi và tại các Thiền viện.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp thiền và hâm mộ tu thiền của Tăng Ni, Phật tử nhưng chưa đủ điều kiện tu học trực tiếp nơi Hòa thượng, chúng tôi trình xin ý kiến của Ngài và được Ngài hoan hỷ cho biên tập lại các bài giảng trên.

Tuy nhiên, vì là văn giảng nên tập sách không sao tránh khỏi sự trùng lặp tất yếu của nó. Rất mong độc giả đạt ý quên lời. Được thế, hy vọng tập sách sẽ đến tay quý vị với những lợi ích thiết thực nhất.

Như vậy, chúng ta có thể tìm hiểu, thâm nhập và hành trì pháp thiền. Đồng thời trên bước đường tu học, chúng ta có thêm bạn đồng hành luôn cảm thông với chúng ta.

Mùa Hạ năm Canh Thìn

Thường Chiếu, ngày 24-06-2000.

THÍCH NHẬT QUANG

ĐƯỜNG LỐI TU THIỀN

THIỀN TÔNG VIỆT NAM

Thiền viện Trúc Lâm 1997

Hôm nay tôi nói về đường lối chủ trương của Thiền viện Trúc Lâm cho tất cả quý vị hiểu, nắm được vững. Từ đó, quý vị tu và giải thích cho những người cần hiểu biết, không còn ngờ vực về Thiền nữa.

Chủ trương đường lối tu của Thiền viện Trúc Lâm là thế nào? Quý vị nghe bài diễn văn khai mạc lúc đặt viên đá đầu tiên, cũng như bài diễn văn khai mạc làm lễ Khánh thành, quý vị cũng biết đại khái đường lối ở đây rồi. Nhưng hôm nay chúng tôi muốn đi thẳng vào thực tế cuộc sống và đời tu của Thiền sinh, cũng như người Phật tử muốn tập tu theo ở đây biết cho thật rõ, chớ không phải chỉ biết khái quát như trước nữa.

Như vậy đề tài này là Khôi phục Thiền tông Việt Nam hay Làm sống dậy Thiền tông đời Trần. Khôi phục Thiền tông Việt Nam là sở nguyện lâu nay của chúng tôi. Khôi phục Thiền tông Việt Nam tức là làm sống dậy Thiền tông đời Trần. Nguyên trong bài diễn văn chúng tôi đã nói: "Thiền tông đời Trần đủ tư cách đại diện cho Phật giáo Việt Nam". Cho nên chúng tôi làm sống dậy Thiền tông đời Trần tức là khôi phục Thiền tông Việt Nam.

Làm sống dậy Thiền tông đời Trần bằng cách nào?

Trong đây chúng tôi chia làm hai phần:

I- Lý thuyết:

Chúng tôi giảng các tư liệu về Phật giáo Thiền tông đời Trần còn sót lại mà hiện nay chúng tôi có. Đứng về mặt lý thuyết, chúng ta phải hiểu cái nhìn, cái thấy và phần nghiên cứu của các Tổ đời trước như thế nào. Các Ngài đã nói ra hoặc viết lại thành sách vở, nên ngày nay chúng ta lượm lặt được. Phần đó chúng ta phải hiểu cho thấu suốt. Hiểu cho thấu suốt rồi, chúng ta mới nắm vững được lý thuyết.

Phần lý thuyết, chúng tôi bắt đầu từ vua Trần Thái Tông lần xuống cho tới Tổ Huyền Quang, tức là Tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm. Như vậy từ vua Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, vua Trần Thánh Tông, Điều Ngự Giác Hoàng tức Sơ Tổ, ngài Pháp Loa, ngài Huyền Quang với những tư liệu hiện giờ chúng tôi

tim được, chúng tôi sẽ giảng cho Tăng Ni, Phật tử hiểu, nắm cho vững. Đó là phần lý thuyết.

II- Thực hành:

Về phần thực hành, chúng tôi chia làm hai:

a) Chúng tôi hướng dẫn Tăng Ni ở Thiền viện Trúc Lâm mỗi đêm có một thời Sám hối, gọi là Sám hối sáu căn. Bài Sám hối này do vua Trần Thái Tông soạn, có sẵn trong bộ Khóa Hư Lục.

Trong Khóa Hư Lục, bài Sám hối này chia làm sáu thời. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn đó, ngài Trần Thái Tông chia mỗi căn là một thời Sám hối. Nhưng ở đây thấy Tăng Ni ít thì giờ, nên chúng tôi dồn sáu căn chung lại thành một thời, gọi là Sám hối sáu căn. Đó là phần thực hành về hình thức tụng niệm.

b) Phần thực hành bằng cách tu ở nội tâm tức là giờ ngồi thiền. Hoặc tất cả những giờ chúng ta hoạt động bên ngoài cũng đều phải biết ứng dụng tu. Tôi lấy câu của ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ trả lời cho ngài Trần Nhân Tông khi còn làm Thái tử làm chỗ y cứ. Ngài Trần Nhân Tông hỏi về bốn phạm và tông chỉ phải thực hành thế nào, ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ đáp bằng một câu: "Phản quan tự kỷ bốn phạm sự, bất tùng tha đắc". Tức là xem xét lại chính mình, đó là phạm sự chính, không phải từ bên ngoài mà được. Chỉ nghe một câu này, Ngài liền ngộ và biết được lối đi, để hướng dẫn toàn thể Tăng Ni thời đó.

Như vậy "Phản quan tự kỷ" là một trọng trách vô cùng to lớn. Do đó hằng ngày chúng ta tu thiền ứng dụng "Phản quan tự kỷ" là phạm sự chính, chớ không phải trông cầu cái gì ở bên ngoài. Đó là trọng tâm tu thiền mà Thiền viện Trúc Lâm chúng tôi chủ trương.

Chủ trương đó được căn cứ trên hai phần: Một là phần hình thức tụng niệm Sám hối sáu căn do vua Trần Thái Tông soạn. Hai là phần chuyên tu thiền, ứng dụng câu "Phản quan tự kỷ" là trọng tâm. Đó là đại cương về đường hướng chúng tôi chủ trương.

Kế đến đi sâu vào phần chi tiết. Có người nghe chúng tôi giải thích như vậy liền đặt câu hỏi: Tại sao không Sám hối như từ xưa đến giờ là Sám hối Hồng danh hoặc Từ bi thủy sám, Lương Hoàng sám... mà lại Sám hối sáu căn? Từ trước đến giờ, các chùa chưa có ai ứng dụng lối Sám hối này. Vậy thì lối Sám hối này có gì quan trọng mà Thiền viện chúng tôi ứng dụng tu hành trong mỗi đêm? Đó là một câu hỏi hay một vấn đề mà Phật tử các nơi ngờ vực.

Chúng tôi sẽ giải thích cho quý vị biết Sáu hồi lục căn quan trọng như thế nào, mà Thiên viện chúng tôi phải ứng dụng. Ở đây, chia làm hai phần:

1.Sáu hồi sáu căn:

Từ xưa đến giờ chúng ta quen cho rằng những gì người Trung Hoa soạn, dịch hay viết đều là hay là quý. Còn những gì của người Việt Nam soạn hay viết, chúng ta lại xem thường. Đó là tinh thần lệ thuộc ngoại bang khá nặng! Vì vậy tất cả những nghi thức ở Trung Hoa soạn, chúng ta lấy đó làm căn bản để tu. Ngược lại những nghi thức của các vị ở Việt Nam soạn thì chúng ta lại ngờ vực, không quan trọng.

Đối với chúng tôi, chúng tôi thấy mình là người Việt Nam, tổ tiên mình tu, các Ngài tìm được cái gì hay, thấy cái gì đúng thì mình phải ứng dụng theo, mới thích hợp với tâm trạng của người Việt Nam. Người khác xa lạ thì làm sao đúng với tâm trạng của dân tộc mình. Do đó chúng tôi chỉ lấy những lời soạn hay những bài viết của các Thiền sư Việt Nam để giải thích cho quý vị hiểu và tu tập. Qua đó quý vị tự thấy tầm vóc quan trọng của các vị tiền bối trong Phật pháp như thế nào, đáng cho chúng ta kính trọng hay không. Nhiều khi chúng ta quên đi những cái hay của bậc tiền bối nước nhà, mà lại trông cậy vào nơi khác. Đó là điều không hay.

Nói tới Sáu hồi lục căn là nói tới Sáu hồi sáu căn. Tất cả những tội lỗi chúng ta gây ra đều xuất phát từ sáu căn. Cho nên sáu căn là nền tảng tạo thành tội lỗi. Như mắt thấy sắc liền nhiễm sắc. Tai nghe tiếng, tâm phân biệt tiếng rồi buồn, thương, giận, ghét cũng là gốc gây ra tội lỗi. Mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm v. v... tất cả những căn đó đều là mầm để chúng ta tạo thành tội lỗi. Cho nên người xưa nói sáu căn là lục tặc, tức sáu căn là sáu đũa giặc.

Tại sao nó là sáu đũa giặc? Bởi vì nó lôi kéo bóng dáng sáu trần vào trong tâm, làm quấy rầy, xáo động tâm thể chân thật của mình. Tâm thể chân thật của chúng ta như một kho báu, như một hạt minh châu. Khi pháp trần xáo động thì hạt minh châu bị che mờ, nên nói chúng ta bị mất đi của báu. Khi đó sáu căn là những kẻ giặc làm mất đi những cái quý báu của mình. Vì vậy mà nói nó là lục tặc.

Nhưng đối với người tu thì sáu căn cũng là cửa ngõ của giải thoát, chớ không phải chỉ là lục tặc thôi. Các Thiền sư thường dạy khi sáu căn thanh tịnh thì nó trở thành lục thông, khi sáu căn ô nhiễm thì nó là lục tặc. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: Nếu người nào sáu căn thanh tịnh thì đầy đủ các công năng như lục thông... Điều đó rất rõ ràng.

Bây giờ tôi dẫn chúng ta tầm vóc quan trọng của sáu căn, khiến cho người xưa nói nó là sáu cửa giải thoát hay sáu thông. Để cụ thể hơn, chúng tôi sẽ dẫn

những bài kinh từ hệ Nguyên thủy cho đến hệ Phát triển, để quý vị thấy rõ tinh thần tu về sáu căn ở đây.

Bài kinh số 88 trong Tương Ứng Bộ tên là Purna, Trung Hoa dịch là Phú Lô Na, có đoạn ghi như vậy: Ngài Phú Lô Na đến trước Phật thưa rằng: "Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần". Nghĩa là Ngài thỉnh Phật giảng cho một bài pháp rất vắn tắt để Ngài ở chỗ yên tịnh tu hành.

Phật dạy: "Này Purna! Có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỳ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú, luyện trước, hỷ sanh. Này Purna! Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi. Này Purna! Có những tiếng do tai nhận thức, có những hương do mũi nhận thức, có những vị do lưỡi nhận thức, có những xúc do thân nhận thức. Này Purna! Có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỳ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú, luyện trước, nên hỷ sanh. Này Purna! Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi.

Văn Pali dịch hơi dài dòng một chút. Nói đơn giản hơn, sáu căn mà an trú, luyện trước sáu trần thì đó là khổ sanh. Ngược lại Phật dạy: Này Purna! Có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỳ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú, luyện trước, do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú, không luyện trước, nên hỷ đoạn diệt. Này Purna! Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt. Này Purna! Có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỳ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú, không luyện trước, do vị ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú, không luyện trước, nên hỷ đoạn diệt. Này Purna! Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt. Như vậy là hết khổ.

Đây là một bài pháp Phật dạy rất vắn tắt. Ngài Purna chỉ nghe dạy có bấy nhiêu đó mà tới xứ khác an trú tu ba tháng chứng quả A-la-hán. Pháp Phật dạy đây chỉ là sáu căn tiếp xúc với sáu trần không nhiễm trước, không đắm mến thì hết khổ. Hết khổ là Niết-bàn, chứ không có gì xa lạ hết.

Thêm một bài kinh khác. Có vị Tỳ-kheo cũng đến hỏi Phật về phương pháp tu vắn tắt. Phật giảng xong, thầy Tỳ-kheo ấy đúc kết lại như sau:

Bạch Thế Tôn! Lời giảng vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi là: Thấy sắc niệm mê say, tác ý đến ái tưởng, tâm tham đắm cảm thọ, tham luyện sắc, an trú, thọ tăng trưởng, từ sắc sinh tham dục và hại tâm. Do não hại tâm, vị ấy như vậy khổ tích lũy, gọi là xa Niết-bàn.

Thế nên nếu thấy sắc chúng ta có tâm luyến trước, tham ái, đó là đã đi xa Niết-bàn. Nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị... đều như vậy. Cuối cùng Ngài nói: Vị ấy không tham sắc, thấy sắc không luyến ái, không an trú theo sắc ấy. Vị ấy thấy từ cách thọ cảm giác tiêu mòn, không tích lũy, như vậy chánh niệm hành, như vậy khổ không chứa, được gọi là gần Niết-bàn. Gần Niết-bàn, xa Niết-bàn là do cái gì? Sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không dính mắc, không tích lũy, không ưa thích, đó là gần Niết-bàn, rõ ràng như vậy. Đó là tôi dẫn kinh theo hệ Nguyên thủy do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ chữ Pali.

Trong Tạp A-hàm, có bài kinh này. Một hôm đức Phật nói với các thầy Tỳ-kheo: Ví như một đàn khỉ đi ăn, có một con khỉ không thích theo đàn, nó đi riêng. Tới chỗ người thợ săn để mồi, nó thích quá mà không ngờ miếng mồi có bọ nhự. Nó nhảy đến chụp mồi thì một tay bị dính vào nhự. Nó lấy tay kia gỡ nên bị dính luôn. Nó tiếp tục dùng hết chân này gỡ, đến chân kia gỡ nên hai chân cũng bị dính luôn. Nó há miệng cạp thì miệng cũng dính. Sau cùng còn cái đuôi, nó vẫy vô, thế là dính luôn. Như vậy sáu bộ phận: hai tay, hai chân, miệng và đuôi dính chặt vào miếng mồi. Lúc đó chú thợ săn lại nắm cổ lôi đi, con khỉ không giãy giụa gì được hết.

Qua câu chuyện đó, Phật ví con khỉ bỏ đàn như vị Tỳ-kheo không chịu sống trong đoàn thể, mà lại muốn đi riêng cho tự do, nên gặp sáu trần liền nhiễm. Nhự là dụ cho sáu trần. Khi dính với sáu trần rồi thì chú thợ săn lại nắm cổ lôi đi, là dụ cho ma vương nắm cổ lôi đi, không còn giãy giụa gì được hết.

Như vậy nếu sáu căn dính với sáu trần thì chúng ta rơi vào đường ma, chớ không bao giờ giải thoát được. Ngược lại sáu căn không dính với sáu trần thì chúng ta được tự do, tức là giải thoát. Qua đó, chúng ta thấy tinh thần kinh điển Nam tông hay Bắc tông đều nói một ý giống nhau không khác.

Bây giờ tôi dẫn sang kinh của hệ Phát triển. Như trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A-nan bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Cái gì là căn bản của phiền não, cái gì là cội gốc của Niết-bàn?" Lúc đó đức Phật Thích-ca lặng thinh không đáp, bỗng nghe trên hư không cả trăm ngàn đức Phật, khác miệng đồng lời đáp chung câu này: "Này A-nan! Căn bản phiền não là sáu căn của ông. Cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông".

Như vậy chúng ta tu ở đâu? Ngay nơi sáu căn của mình. Nếu sáu căn khéo tu thì chúng ta giải thoát được sanh tử. Nếu sáu căn không khéo tu thì chúng ta bị trầm luân trong sanh tử. Không phải tìm kiếm ở đâu xa mà ngay nơi sáu căn, chúng ta biết ứng dụng tu cho đúng, đó là giải thoát sanh tử.

Rõ ràng những kinh thuộc hệ A-hàm cho đến những kinh thuộc hệ Phát triển đều nói một ý không khác. Gần với chúng ta nhất là Lục Tổ Huệ Năng, Ngài

ngộ ở kinh Kim Cang câu Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Nói cho đủ là nhân ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Vân hà hàng phục kỳ tâm, vân hà an trụ kỳ tâm? Nghĩa là khi phát tâm Vô thượng Bồ-đề rồi, làm sao hàng phục tâm ấy, làm sao an trụ tâm ấy?

Đức Phật trả lời: Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Chúng ta cứ nhớ câu Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, mà không nhớ câu trước Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm... Tức là không nên sanh tâm trụ trước nơi sắc, không nên sanh tâm trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên không có chỗ trụ mà sanh tâm Vô thượng Bồ-đề.

Như vậy rõ ràng muốn đạt được tâm an trụ Vô thượng Bồ-đề thì đừng trụ trước nơi sáu trần. Không trụ trước nơi sáu trần, đó là an trụ tâm Vô thượng Bồ-đề. Lục Tổ nghe tới đó liền ngộ. Nghĩa là tâm Bồ-đề không phải ở đâu, mà chính khi không dính với sáu trần thì tâm Bồ-đề hiện tiền. Rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa. Từ lời dạy các thầy Tỳ-kheo thời đức Phật cho đến những lời dạy trong kinh lưu truyền về sau này, chư Tổ nghe và ngộ cũng đều từ sáu căn mà ra.

Như vậy Sám hối sáu căn có phải là một phương tiện canh chừng, nhắc nhở chúng ta mỗi ngày phải nhớ đừng để sáu căn dính với sáu trần. Đó là nền tảng Phật pháp từ thời đức Phật còn tại thế cho đến bây giờ. Đây không phải là chuyện ở đâu các Ngài bịa ra để bắt mình theo. Cho nên chúng ta dùng phương tiện, ứng dụng tu mỗi đêm Sám hối sáu căn, để mình nhớ không cho sáu căn đuổi theo và dính mắc với sáu trần. Đêm nào cũng nhắc đi nhắc lại, không cho mất nhiệm sắc, không cho tai nhiễm thanh v. v... Nếu chúng ta nhớ mãi không dính như vậy, đó là cơ duyên tốt để chúng ta tiến tới giải thoát, tiến tới Niết-bàn. Đó là tôi giải thích phần thứ nhất Sám hối sáu căn.

2. Tu Phán quan tự tánh:

Điều này tôi nhắc lại cho thật kỹ. Vua Trần Nhân Tông khi còn là Thái tử, được vua cha là Trần Thánh Tông ủy thác cho Tuệ Trung Thượng Sĩ chỉ dạy, nên Ngài thường đến học đạo với Tuệ Trung Thượng Sĩ. Một hôm Ngài hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ:

- Bản phận và tông chỉ của người tu thiền là thế nào?

Tuệ Trung Thượng Sĩ liền đáp:

- Phán quan tự kỷ bản phận sự, bất tùng tha đắc.

Nghe câu đó rồi, Ngài liền lãnh hội và biết lối đi. Giống như ngài Thần Quang nghe Tổ Bồ-đề-đạt-ma nói một câu liền lãnh hội và biết lối vào.

Câu Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc mang ý nghĩa gì? Tôi giải thích cho quý vị nghe từng chữ. Phản nghĩa là quay lại. Quan nghĩa là xem xét. Tự kỷ là chính mình. Tự là mình, kỷ cũng là mình, hai chữ ráp lại là chính mình. Xem xét hay quán sát lại chính mình, đó là phận sự chính của người tu thiền.

Ở đây, ngài Trần Nhân Tông hỏi về bốn phận và tông chỉ của người tu thiền. Bốn phận mình là phải luôn luôn xem xét lại chính mình. Đó là bốn phận mà cũng chính là tông chỉ của nhà thiền, không phải từ nơi khác mà được. Tinh thần Thiền tông đời Trần là Phản quan tự kỷ. Ngài Trần Nhân tông lãnh hội được tinh thần này và từ đó Ngài tu được ngộ đạo. Sau này, Ngài xuất gia làm Sơ Tổ phái Trúc Lâm Yên Tử. Do đó chúng ta thấy tầm vóc quan trọng của câu này đến bậc nào!

Khi còn làm Thái Thượng Hoàng, Ngài có làm bài phú "Cư trần lạc đạo" bằng văn Nôm. Tôi trích một đoạn trong phần thứ sáu:

Thực thể,

Hãy xá vô tâm,

Tự nhiên hợp đạo,

Dừng tam nghiệp mới lặng thân tâm,

Đạt một lòng thì thông được Tổ giáo.

Thực thể tức là thực vậy đó. Hãy xá vô tâm nghĩa là mình phải được vô tâm. Dừng tam nghiệp mới lặng thân tâm, là ba nghiệp dừng được rồi thì thân tâm mới yên lặng. Đạt một lòng thì thông được Tổ giáo tức là đạt được nhất tâm, chùng đó mới thông suốt được giáo lý của Tổ.

Phải làm sao mình mới được vô tâm, làm sao mình dừng được tam nghiệp, làm sao mình được một lòng? Đó đều là lối phải nhìn lại, phải xả bỏ những gì đang làm rối loạn, đang làm điên đảo ở nội tâm mình. Cho nên mình phải hằng quán sát, hằng thấy rõ chính mình, mới được nhất tâm bất loạn. Đó là Tổ giáo, tức là lời dạy của chư Tổ trong nhà thiền.

Sau này, tới đầu thế kỷ thứ 18, Thiền sư Hương Hải khi trở về Bắc được vua Lê Dụ Tông mời đến triều hỏi đạo lý. Vua hỏi:

- Nghe Hòa thượng là người thông suốt giáo lý của Phật dạy, vậy xin Hòa thượng dạy Trẫm phương pháp tu hành.

Ngài liền ứng khẩu đọc bài kệ:

Phản văn tự kỷ mỗi thường quan

Thẩm sát tư duy tử tế khan

Mạc giáo mộng trung tâm tri thức

Tương lai diện thượng đồ sư nhan

Dịch:

Hằng ngày quán lại chính nơi mình

Xét nét kỹ càng chớ dễ khinh

Trong mộng tìm chi người tri thức

Mặt Thầy sẽ thấy trên mặt mình.

Ngài Hương Hải cách đời Trần tới bốn thế kỷ, mà Ngài tự nhận mình thuộc hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, tức là con cháu hệ phái Trúc Lâm Yên Tử. Cho nên khi vua hỏi phương pháp tu, Ngài liền đọc bài kệ này. Bài kệ này hoặc là Ngài làm, hoặc là Ngài lược lật của những vị Thiền sư khác, nhưng tinh thần dạy tu đúng là tinh thần của Sơ Tổ Trúc Lâm không khác.

Phản văn tự kỷ mỗi thường quan. Văn là nghe, nghe lại chính mình, thường quan sát như vậy. Nghe đây là nghe, là thấy, là biết lại chính mình.

Thẩm sát tư duy tử tế khan là luôn luôn mình tư duy, xét nét cho kỹ càng, chín chắn. Như vậy việc tu của mình là gì? Là mỗi ngày nghe thấy những gì, mình đều quay lại quan sát ở chính mình, chớ đừng chạy theo cảnh bên ngoài. Hằng quan sát như vậy đó là tu.

Mạc giáo mộng trung tâm tri thức là đừng bảo đi tìm thiện tri thức trong mộng. Nghĩa là tất cả thiện tri thức bên ngoài không thật. Vì các ngài chẳng phải là chỗ cứu kính bất sinh bất diệt của mình. Nên dù các ngài có dạy gì, cũng là dạy ở bên ngoài, mà tướng bên ngoài là tướng sanh diệt, nên nói là trong mộng.

Tương lai diện thượng đồ sư nhan nghĩa là sau này, trên mặt mình nhìn thấy mặt Thầy. Mặt Thầy là Thầy nào? Như vậy chúng ta đi cầu Phật hay đi cầu Thầy ở bên ngoài không bằng cầu Phật cầu Thầy nơi chính mình. Nơi mình mới có ông Thầy thật, ông Phật thật. Tại sao? Bởi vì ngay nơi chúng ta, ai ai cũng có Vô sư trí, là thiện tri thức bất sanh bất diệt. Khi đạt được Vô sư trí đó thì gọi là Phật, chớ không có gì lạ. Cho nên ngay nơi mặt mình mà mình thấy được mặt Thầy, chớ

không phải tìm đâu xa. Qua bài kệ này, chúng ta thấy Ngài rất xứng đáng kế thừa hệ phái Thiên Trúc Lâm Yên Tử của Sơ Tổ Trúc Lâm.

Chúng ta thấy người trước người sau tu, cùng theo nhau trên một tinh thần, chớ không phải đợi ông thầy trao y bát cho đệ tử mới gọi là kế thừa. Chính nơi tinh thần thâm nhập, hiểu thấu đường hướng của người trước, ứng dụng đúng, thì gọi là kế thừa. Người ta nói hệ phái Trúc Lâm ngắn, chỉ có ba đời. Nhưng sự thật cho tới thế kỷ thứ 18 vẫn còn có người kế thừa. Sau này chúng ta nghe Thiền sư Chân Nguyên cũng kế thừa hệ phái Trúc Lâm. Cho tới Thiền sư Minh Chánh thế kỷ thứ 19 cũng kế thừa hệ phái Trúc Lâm. Tuy hệ phái Trúc Lâm có ngắt quãng một giai đoạn dài, nhưng trong đó sự thâm truyền không dứt. Đến ngày nay chúng ta cố gắng ứng dụng theo lối tu ấy, gọi là làm sống dậy tinh thần Thiên tông đời **Trần**.

Tôi sẽ dẫn kinh để minh chứng tinh thần đạo Phật nằm trong mấy chữ Phản quan tự kỷ bốn phần sự. Nếu quý vị đọc kinh A-hàm thì sẽ thấy những phương pháp dạy tu như Tứ niệm xứ, Ngũ đình tâm, Lục diệu pháp môn v. v... Những pháp đó có phải là phản quan tự kỷ không? Thí dụ như pháp Tứ niệm xứ là: Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

Quán thân bất tịnh là quán ai? Tức là xem xét lại nơi thân mình. Quán thọ là thọ cái gì? Thọ từ nơi sáu căn của mình mà có. Tức là quán những cảm thọ do xúc, con mắt xúc với sắc trần có cảm thọ thích hay không thích. Lỡ tai xúc chạm với thanh trần có cảm thọ ưa hay không ưa. Tất cả những cảm thọ đó đều là khổ chứ không vui. Ví dụ lưỡi xúc chạm với món ăn là vị. Nếu món ăn ngon thì khổ hay vui? Vui, sao Phật nói tất cả cảm thọ đều là khổ? Tất cả chúng ta quen cho rằng những gì hợp với sáu căn gọi là vui, không hợp gọi là khổ. Nhưng ngược lại, đức Phật nói dù cho thích hợp hay không thích hợp đều khổ hết. Nghe thế nhiều người không bằng lòng. Nhưng sự thật là vậy.

Chữ "Khổ" đây đừng hiểu là khó chịu, mà khổ là hoại diệt. Cho nên trong nhà Phật nói vô thường, khổ, không, vô ngã. Dù cho mình có xúc chạm với cái thích hay không thích, thì tướng thích không thích đó chỉ qua rồi mất, không còn. Qua rồi mất tức là vô thường, vô thường là khổ. Như vậy thích cũng là vô thường, không thích cũng là vô thường. Mà vô thường đều là khổ. Cho nên tất cả thọ đều là khổ. Nhưng vì chúng ta tưởng nó thường nên thấy vui, chớ nó có vui thật đâu.

Ví dụ lưỡi vừa xúc chạm thức ăn ngon mấy phút rồi hết. Cái vui đó có trong một thời gian rất ngắn liền mất. Mất tức là vô thường, vô thường là khổ. Nên Phật kết luận những gì vô thường đều là khổ. Nhưng chúng ta bám vào cái vô thường, phân biệt khổ, phân biệt vui rồi đuổi theo nó cho đó là hạnh phúc hoặc đau khổ. Chớ sự thật tất cả đều là vô thường, nên Phật nói đều là khổ. Quán thọ thị khổ là như vậy.

Quán tâm vô thường, tức là những tâm sở duyên theo sáu trần đều là tướng vô thường. Đó là quán lại nơi tâm mình.

Tóm lại, trong Tứ niệm xứ đều là Phản quan tự kỷ, chớ không chạy tìm kiếm cái gì ở ngoài. Cho tới Ngũ đình tâm, Lục diệu pháp môn đều là xoay trở về mình. Như vậy trong các kinh A-hàm đều có dạy Phản quan tự kỷ, còn những kinh khác thì sao?

Chúng ta hằng đêm tụng kinh Bát-nhã. Kinh Bát-nhã có phản quan không? Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, ngũ uẩn của ai? Hằng soi thấy năm uẩn của mình đều không tự tánh, không thật, hư huyền. Kinh A-hàm nói vô thường cho nên đặt nặng khổ, còn kinh Bát-nhã soi thấy năm uẩn đều không tự tánh, duyên hợp không có chủ thể, cho nên nói là không, là hư giả. Cả hai đều dạy quán chiếu lại mình. Như vậy cả kinh A-hàm và kinh Bát-nhã đều soi lại mình, đều là phản quan.

Tinh thần của chư Phật dạy chúng ta tu đều là phản quan lại mình. Chư Tổ chủ trương Phản quan tự kỷ là chủ trương đúng với tinh ba Phật giáo, không sai chạy được. Vì vậy ông Suzuki nói Thiền là cốt tủy của đạo Phật. Người ta không hiểu tưởng đâu Thiền là cái gì xa lạ, nhưng không ngờ Thiền là gốc, là cội nguồn của Phật giáo.

Đó là tôi dẫn Kinh, kể đến tôi dẫn Tổ.

Quý vị nhớ khi ngài Huệ Khả mới đến Tổ Bồ-đề-đạt-ma, Tổ cứ ngồi nhìn vách hoài không thèm ngó ngang gì. Ngài Huệ Khả biết đây là một vị Tổ đặc đạo, nên quyết tâm cầu Tổ chỉ dạy cho được. Vào mùa đông, tuyết xuống tới đầu gối, mà Ngài vẫn khoanh tay đứng suốt đêm ở trước sân chùa Thiếu Lâm. Sáng Tổ Đạt-ma nhìn ra thấy, hỏi:

- Người cầu việc gì mà khổ hạnh như vậy?

Ngài thưa:

- Con vì cầu pháp Vô thượng Bồ-đề cho nên mới khổ hạnh thế này.

Tổ quở:

- Pháp Vô thượng Bồ-đề đâu phải dễ cầu. Diệu đạo Vô thượng của chư Phật, dù nhiều kiếp tinh tấn, hay làm được việc khó làm, hay nhẫn được việc khó nhẫn, còn không thể đến thay! Huống là dùng chút công lao nhỏ này mà cầu được sao?

Ngài liền xuống nhà bếp mượn dao chặt cánh tay dâng lên Tổ để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Tổ khen "Khá", rồi đặt tên Ngài là Huệ Khả. Huệ là trí tuệ. Khả là khá, là có khả năng.

Chúng ta thấy người cầu pháp phải liều chết thì mới được pháp, chớ còn lừng chừng thì không được gì hết.

Khi được chấp nhận làm đệ tử, một hôm ngài Huệ Khả bạch cùng Tổ Bồ-đề-đạt-ma:

- Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con phương pháp an tâm.

Tổ Đạt-ma nhìn bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Câu này mới nghe như một câu ngớ ngẩn, tâm ở đâu mà đem. Nhưng người học trò đã tha thiết chết sống cầu đạo, thì dù một lời nói tầm thường của ông thầy cũng không dám bỏ qua. Khi Tổ bảo "đem tâm ra ta an cho", Ngài mới xoay lại tìm tâm xem nó ở đâu. Tìm lại thì nó mất tãm mất dạng, Ngài liền bạch:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Ngay đó ngài Huệ Khả liền biết đường vào, tức là biết lối tu.

Tìm lại tâm có phải phản quan không? Trọng tâm nằm ở đó. Tìm lại tâm mình mà tâm mình là tâm nào? Ngài cũng như tất cả chúng ta, lâu nay quen cho cái suy nghĩ lăng xăng là tâm mình, nên lúc nào cũng thấy nó nhảy nhót lăng xăng bất an. Bây giờ muốn được an tâm nên cầu Tổ dạy pháp an tâm. Nhưng Tổ không dạy gì, chỉ bảo: "Đem tâm ra ta an cho". Ngài Huệ Khả tìm lại không thấy, thì Tổ bảo "Ta đã an tâm cho ngươi rồi".

Pháp gì an tâm? Không có một pháp, chỉ là dùng trí tuệ nhìn lại cái mà lâu nay mình chấp là tâm đó, nó có thật hay không? Tìm lại thấy nó không thật, đó là an tâm. Như vậy an tâm mà không có pháp. Từ đó chúng ta nhìn chư Tổ trước ứng dụng tu như thế nào thì các Tổ sau cũng đều như thế ấy. Các Ngài dùng phương tiện để chỉ cho chúng ta thấy cái mà chúng ta gọi là tâm đó, chỉ là cái hư dối vọng tưởng không thật. Lâu nay mình tưởng nó là thật cho nên bị nó lôi cuốn, bị nó dẫn đi. Bây giờ biết nó không thật là đã an tâm. Trọng tâm là tìm lại, là quay lại xem xét tận tình, xem điều đó thật hay không.

Tổ Huệ Khả nhận ra, thấy rõ như vậy nên tâm Ngài an. Từ đó về sau Ngài thấy rõ được cái gì là hư dối không lầm, nhận chân được cái thật của chính mình, gọi là ngộ đạo.

Tổ thứ ba là Tổ Tăng Xán, trong bài Tín Tâm Minh của Ngài, chúng ta thấy cũng là lời phản quan. Đại đạo vô nan, duy hiềm giảng trạch. Đại đạo không khó, khó là tại mình hay phân biệt, hay chọn lựa. Nếu không phân biệt, không chọn lựa thì tự nhiên minh bạch. Cho nên kết thúc Ngài chỉ nói: Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm. Nghĩa là tin được tâm mình thì không thấy có hai, còn thấy có hai là chưa tin được tâm mình. Hai tức là niệm này, niệm kia. Còn niệm này, niệm kia tức là chưa thấy được tâm mình. Thấy được tâm mình thì hai niệm không còn. Như vậy cũng là xoay lại thấy rõ mình.

Còn Tổ Huệ Năng chủ trương ba trọng tâm: Vô niệm vi Tông, Vô tướng vi Thể, Vô trụ vi Bản. Làm sao biết mình vô niệm? Tức là cũng phải phản quan, thấy được mình có dấy niệm hay không dấy niệm. Vô niệm đây không phải đè tâm, mà theo Lục Tổ dạy: Vô niệm là khi đối với cảnh, đối với trần mà không có tâm dính mắc gọi là Vô niệm. Ngài ngộ như thế nào thì Ngài dạy lại đúng như vậy. Đối với pháp trần, thấy tâm niệm mình không còn bị kẹt, không còn bị dính, đó là được Vô niệm. Vô niệm là chủ của tu thiền. Quý vị thấy từ chư Tổ trước cho đến chư Tổ sau, hướng đi không hai.

Chúng ta tu, trong nhà Phật thường hay dạy làm sao đừng để cho tâm mình chạy theo, dính mắc với trần cảnh, làm mờ tánh giác của mình. Cho nên trong nhà Phật cũng như trong nhà Thiền thường dạy phải "Bồi trần hợp giác". Nếu "Bồi giác hợp trần" là chúng sanh, nếu "Bồi trần hợp giác" là Phật, là Tổ.

Sao gọi là Bồi trần hợp giác, sao gọi là Bồi giác hợp trần? Bồi có chỗ đọc là Bội, nghĩa là ngược lại, trái lại. Thường thường ban đêm đốt đèn, chúng ta nhìn thấy ánh sáng ở trước. Nếu cứ như vậy mà đi thì càng đi càng gần ánh sáng. Còn nếu chúng ta xây lưng lại đi, thì càng đi càng tối. Ánh đèn ví dụ cho tánh giác. Đối với tánh giác mà chúng ta hướng về thì chúng ta gần với tánh giác. Còn nếu đối với tánh giác mà chúng ta xây lưng đi, thì càng đi càng xa tánh giác.

Trần là gì? Là sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu hằng ngày tâm chạy theo, dính mắc với sáu trần thì gọi là bồi giác hợp trần, tức chúng ta là phàm phu. Chúng sanh hằng ngày, sáng mở mắt ra thì nghĩ kiếm gì ăn lót lòng cho ngon. Nghĩ ăn lót lòng cho ngon là bồi gì hợp gì? Lưỡi xúc chạm vị mà thích ngon là thích vị ngon, đó là hợp trần. Tìm tiếng gì nghe cho êm tai cũng là bồi giác hợp trần. Muốn nhìn cái gì cho đẹp đẹp một chút, cũng là bồi giác hợp trần. Cả thế gian có ai không như vậy đâu. Sáng ra cứ chạy theo trần, dính với trần, thì đâu có nhớ tánh giác. Đây chẳng khác nào như người quay lưng với ánh sáng mà đi mãi về phía tối, đó gọi là Bồi giác hợp trần.

Ngược lại Bồi trần hợp giác, nghĩa là đừng cho sáu căn dính với sáu trần. Con mắt có muốn nhìn cái gì đẹp không? Lỗ tai có muốn nghe tiếng hay không? Lỗ mũi có muốn ngửi mùi thơm không? Hay là sáng thức dậy biết rằng mình chỉ

được một bữa cơm với tương thối, nhiều lắm là hai món rau luộc, nước tương hoặc đồ kho với cơm. Mấy trần đó tuy không được thích lắm, nhưng mình vẫn nhận. Đó là gỡ được một chút rồi. Nhạc cũng không nghe là gỡ được một chút nữa. Chỉ con mắt thích nhìn mấy cảnh hoa đẹp. Hoa đẹp thì ít hại, người đẹp mới hại hơn. Gỡ từ từ, lấy cái này thế cái khác. Những gì có tính hấp dẫn nhiều, chúng ta bớt. Bớt tức là gỡ dần. Gỡ dần dần tức là Bối. Nếu bối trần là trở về tánh giác.

Như vậy chúng ta tu là Bối trần hợp giác, còn người không biết tu là Bối giác hợp trần. Tôi dẫn một bài kệ của vua Trần Nhân Tông, khi Ngài còn là một cư sĩ:

XUÂN VẤN

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không

Nhất xuân tâm sự bách hoa trung

Như kim khám phá đông hoàng diện

Thiền bản bồ đoàn khán thụ hồng.

Dịch:

Thuở bé chưa từng rõ sắc không

Xuân về hoa nở rộn trong lòng

Chúa Xuân nay bị ta khám phá

Chiếu trái giường thiền ngắm cánh hồng.

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không: Hồi còn trẻ đâu từng rõ lý sắc không. Bởi không rõ lý sắc không cho nên Nhất xuân tâm sự bách hoa trung. Một mùa Xuân tới trăm hoa đua nở, lòng mình cũng rộn theo. Hoa này đẹp, hoa kia xấu, theo đó mà phân tích, theo đó mà rộn ràng. Đó là lúc Ngài còn mê chưa hiểu lý sắc không, cho nên những gì đẹp, những gì lạ thì tâm Ngài cũng duyên theo, rộn rã theo, không an.

Như kim khám phá đông hoàng diện: Như ngày nay khám phá ra bộ mặt thật của chúa Xuân hay nói rõ hơn bộ mặt thật của chính mình. Thấy được mặt thật đó rồi thì Thiền bản bồ đoàn khán thụ hồng. Ngồi trên giường thiền nhìn thấy từng cánh hoa rơi rơi tả tả mà tâm lặng, không rộn rã như ngày xưa nữa.

Như vậy khi còn mê thì trái tánh giác chạy theo trần. Cho nên trần cảnh đẹp xấu, hay dở v. v... mình đều bị nó chi phối, bị nó dẫn chạy luôn luôn. Khi biết mình có cái chân thật, biết các pháp là hư dối, không thật, chừng đó mình mới ngồi trên giường thiền nhìn thấy trăm hoa rơi rụng mà không một chút xao xuyến, tức là lòng mình lạnh với sáu trần. Bởi được sáu trần là hợp với tánh giác. Nếu dính với sáu trần là quên tánh giác, nên nói tánh giác bị sáu trần cướp đi.

Người xưa cũng như mình, có những lúc còn mê thì bị sáu trần chi phối, nhưng khi tỉnh rồi thì lạnh nhạt với sáu trần. Khi lạnh nhạt với sáu trần là lúc đó trở về với tánh giác. Như vậy mê với ngộ không phải tìm kiếm ở đâu xa. Chỉ đối với sáu trần mình say mê, đó là mê; đối với sáu trần mình lạnh nhạt, đó là tỉnh. Dễ quá! Như trở bàn tay, bên này là xấp, lật lại là ngửa, chớ không có gì xa lạ hết. Nhưng chỉ vì chúng ta không chịu lật lại, cứ để úp hoài úp mãi thành ra mê tánh giác. Đó là bệnh của chúng sanh.

Như vậy Thiền tông đời Trần rất phù hợp với tinh thần kinh điển Phật dạy và chư Tổ trước kia đã dạy. Chúng ta tu theo tinh thần Thiền tông đời Trần, không phải vì tính cố chấp dân tộc riêng tư, mà do các Ngài nhận ra đạo lý một cách đúng đắn, hợp với lời Phật dạy, đúng với tinh thần Tổ dạy, cho nên chúng ta hướng theo để ứng dụng tu.

Ngày nay tại Thiền viện Trúc Lâm, chúng ta phải tu như thế nào? Đó là trọng tâm tôi muốn nói.

Như trên chúng tôi đã nói rõ. Thứ nhất, mỗi đêm Tăng Ni ở đây đều làm lễ Sám hối lục căn. Đó là tôi muốn cho Tăng Ni luôn luôn gỡ những dính mắc đối với sáu trần, những gì lâu nay chúng ta quen bị nó cột trói, bây giờ gỡ lằn, đừng để cho dính mắc nữa. Làm sao sáu căn chúng ta đối với sáu trần đừng dính, không còn bị nó lôi kéo, đó là chúng ta đã thành công. Cho nên mỗi đêm quý vị đừng sợ đau gối, rón quai Sám hối, đem hết tâm thành của mình Sám hối cho tha thiết. Sám hối để hổ thẹn, biết rõ điều đó là xấu, là tội lỗi mình chừa tránh, đừng cho dính mắc. Nếu không dính mắc sáu trần thì tâm dễ an vô cùng. Còn dính một trần nào cũng đều là bất an hết. Đó là gốc của sự tu.

Phần thứ hai, Phản quan tự kỷ bằng cách nào? Ở đây chúng tôi chia ra làm hai phần:

1. Dành cho những người sơ cơ:

Người sơ cơ mới bước vào đạo, muốn tu thiền mà chưa biết gì hết, chúng tôi dạy họ tu phương pháp Sổ tức quán. Sổ là đếm. Tức là hơi thở. Sổ tức là phương pháp đếm hơi thở. Đếm bằng cách nào? Ngồi yên hít vô cùng, thở ra sạch. Khi biết cùng và biết sạch là tâm mình đã duyên theo hơi thở. Hít vô cùng thở ra

sạch, đếm một. Hít vô cùng thở ra sạch, đếm hai. Đếm tới mười, bỏ. Đếm lại một, hai, ba cho tới mười; cứ đếm như vậy hoài. Nếu đếm tới sáu mà lỡ quên thì đếm lại từ một, chớ không cho đếm tiếp tục. Quên là do tâm mình nhớ chuyện khác. Tâm không thể nghĩ một lúc hai việc. Nếu nhớ hơi thở, nhớ số thì không nhớ chuyện thế gian. Vừa nhớ chuyện thế gian thì quên số, quên hơi thở. Cho nên khi lộn là mình đã nhớ chuyện thế gian, đã phóng tâm rồi. Vì vậy mình phạt nó, bắt nó phải nhớ hơi thở, nhớ số trở lại từ đầu.

Ứng dụng nhớ hơi thở, hít vô cùng thở ra sạch, đếm từ một đến mười là chúng ta làm hai việc một lượt: Nhớ hơi thở và nhớ số. Thời gian sau thuần thực, chỉ nhớ hơi thở và nhớ số thôi, không nhớ chuyện thế gian nữa. Cho đến nửa giờ đồng hồ ngồi thiền không nhớ chuyện gì. Do không nhớ chuyện gì nên không lộn. Ngang đó chúng ta dừng bớt một phần. Hai phần mà bớt một phần, tức là dừng phần đếm mà chỉ nhớ hơi thở. Hít vô cùng thở ra sạch, hơi thở tới đâu tâm mình duyên theo tới đó. Chuyên nhớ hơi thở, không nhớ chuyện khác. Nếu nhớ chuyện khác thì quở rầy, trở lại nhớ hơi thở. Nhớ như vậy tới bao giờ ngồi nửa tiếng đồng hồ chỉ nhớ hơi thở, không bao giờ quên thì đó là thành công chặng thứ hai. Hai chặng đó là hai chặng dành cho người sơ cơ.

2. Dành cho người tu đã thuần thực:

Qua hai chặng ở trên rồi, đến đây là không còn nhớ hơi thở, mà khi hít vô thở ra cũng duyên theo hơi thở. Nhìn thấy tâm mình có niệm khởi thì biết có niệm khởi, không theo. Không có niệm khởi thì biết không có niệm khởi. Cứ nhìn vậy thôi, không những nhìn trong lúc ngồi thiền, mà lúc nấu cơm, lật rau, bửa củi, cuốc đất... việc nào chúng ta cũng như vậy hết. Vừa thấy niệm khởi là buông.

Chuyên tu không phải chỉ giới hạn vào ngồi thiền, mà mọi giờ mọi phút mọi giây đều tu. Cho nên chư Tổ thường nói đi, đứng, nằm, ngồi đều là Thiền hoặc hái rau, bửa củi đều là Thiền. Thiền là vậy đó, nghĩa là bất cứ trường hợp nào vừa thấy niệm khởi liền buông. Đây là giai đoạn rất thiết yếu. Niệm khởi tức là vọng tưởng. Tôi thường dùng hai chữ vọng tưởng để phá cái chấp cho niệm là niệm thật. Trong nhà thiền, đệ tử của Mã Tổ là ngài Vô Nghiệp, khi gặp Thiền tăng hỏi câu gì, Ngài cũng đều trả lời "Chớ vọng tưởng". Chỉ một câu đó là sự nghiệp cả đời của Ngài. Thấy niệm khởi biết nó hư dối không theo, đó là "Chớ vọng tưởng".

Như vậy nếu cả ngày không vọng tưởng thì mình thành gỗ, thành đất vô tri phải không? Nhiều người không biết, họ suy lý rằng: "Mình có nghĩ có suy tính thì mới biết, không nghĩ không suy tính thì đâu có biết gì, như vậy là gỗ là vô tri". Đó là tại họ chưa tu. Nếu quý vị ngồi nửa tiếng đồng hồ không khởi một niệm nào, gió thổi qua nghe mát, có ai động ở đằng trước mình nghe tiếng động, có ai đi ngang

mình thấy. Thấy người đi ngang, nghe tiếng động, biết xúc chạm, đó là vô tri hay tri? Tri nhưng mà không động.

Biết mà không động, không suy nghĩ, thì cái biết đó mới không có phân biệt, hằng biết mà không động. Còn cái biết do nội tâm suy nghĩ là cái biết đầy động. Đầy động cho nên sanh diệt vô thường. Mình bám vào cái đầy động vô thường cho là tâm mình, nên mình cứ chạy trong vòng luân hồi sanh tử. Nếu biết rõ khi những niệm đầy động yên rồi, chỉ còn cái hằng tri hằng giác, cái đó không động. Không động mà tri thì cái tri giác đó mới thật là tâm mình. Nhận cái không sanh không diệt, hằng tri hằng giác là mình, thì mình có bị luân hồi sanh tử không? Cái gì động thì vô thường sanh diệt, còn không động thì không vô thường sanh diệt. Không vô thường sanh diệt là Niết-bàn. Niết-bàn tức là Vô sanh.

Chúng ta tìm Niết-bàn ở đâu? Chỉ buông xả các niệm vô thường sanh diệt, sống bằng cái hằng tri hằng giác, bất sanh bất diệt, đó là chúng ta sống Niết-bàn, tìm đâu cho xa. Cho nên nói "Ngay nơi mặt mình có mặt Thầy", đừng kiếm ở đâu xa. Đó là chủ trương mà tôi hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử tu để cầu giải thoát, chớ không phải tìm kiếm ở nơi nào huyền bí xa xôi.

Chúng ta không cần cầu được lục thông, không cần cầu được những gì huyền bí mà chúng ta chỉ cần đừng dính với sáu trần. Chúng ta chỉ cần tâm niệm vọng tưởng lặng yên. Cả hai: đừng dính sáu trần, tâm lặng yên thanh tịnh mà biết cái chân thật hiện tiền, đó là gốc của sự tu.

Vừa rồi tôi có giải thích cho một số Tăng Ni lý do tại sao tôi bắt ngồi thiền nhiều. Ở đây, tôi nói lại cho quý vị nghe thật kỹ, để thâm hiểu được ý nghĩa mà chúng tôi bắt quý vị phải thực hành. Có nhiều người đặt câu hỏi: "Tại sao các nơi dạy tu, đi đứng nằm ngồi cũng Thiền, cần gì một ngày một đêm Thầy bắt ngồi tới sáu tiếng đồng hồ, đau chân gần chết". Quý vị thử ngồi hai tiếng xem có ê ẩm không? Vậy mà cứ cách khoảng vài tiếng ngồi hai tiếng. Ngồi một ngày ba lần, nhiều người trình với tôi là ngồi sưng chân. Phải chăng tôi dùng phương tiện hành phạt để quý vị khổ sở vô ích? Chính vì vậy tôi phải giải thích cho Tăng Ni, Phật tử hiểu chủ trương của tôi.

Sở dĩ chúng tôi bắt quý vị ngồi nhiều là vì trong nhà thiền, chư Tổ dạy: Trong bốn oai nghi đều là Thiền, nhưng ngồi là thù thắng hơn hết. Vì ngồi mới đủ sức mạnh để nhận ra và điều phục những vọng tưởng. Còn đi đứng ở ngoài, nó yếu lắm. Khi vọng tưởng đầy lên nhẹ nhẹ mình bỏ qua, không để ý. Khi ngồi mọi thứ đều lặng, đều vắng, chỉ có một việc là soi chiếu lại mình. Cho nên vọng niệm vừa nháng lên là thấy liền, mình điều phục nó dễ hơn. Cái thù thắng nhất thì mình phải thực hành nhiều chứ! Cho nên một ngày một đêm hai mươi bốn tiếng, tôi bắt quý vị dành sáu tiếng, tức một phần tư của ngày để ngồi thiền.

Ngồi thiền là một phương tiện thù thắng nhất, bởi vì sáu căn tiếp xúc sáu trần, cái gì mạnh nhất? Con mắt thấy sắc, lỗ tai nghe tiếng. Con mắt thấy sắc không chưa nên tội, lỗ tai nghe tiếng không chưa nên tội. Có cái gì nữa mới thành tội? Có ý phụ họa theo nữa mới thành tội. Thấy sắc rồi liền dấy niệm phân biệt đẹp xấu nên thành tội. Nghe tiếng rồi ý phụ họa theo, nói hay dở nên thành tội. Như vậy tuy nói sáu căn dính theo sáu trần, nhưng thật ra cái dính theo là ý. Ý là chủ động để dính. Nếu không có ý thì không dính gì hết. Ý là chất keo, hướng theo cái gì thì dính mắc cái đó.

Bởi vậy mình phải thấy chú "Ý" là rất quan trọng. Quan trọng cho nên mình phải dùng phương tiện hành hạ, đánh đập chú cho chú khờ đi mới được. Trong nhà thiền gọi là "Chấn trâu". Phải có roi, có dây hành chú. Và chỉ có giờ ngồi thiền hành mới mạnh, còn đi ở ngoài hành không mạnh bằng. Vì vậy khi ngồi thiền, con mắt không thấy gì, lỗ tai không nghe gì... lúc đó dồn hết tâm lực đánh chú "Ý" cho chú phải khờ, phải yếu đi. Tôi nói giờ ngồi thiền là giờ rất quan trọng, vì quan trọng nên chúng ta phải ứng dụng nhiều.

Tất cả những người xuất gia hay Phật tử tại gia, đều nghĩ mình tu theo Phật là cốt giải thoát sanh tử, nhưng hỏi sanh tử từ đâu mà ra? Sanh tử là do nghiệp dẫn, nghiệp lôi. Nghiệp dẫn lôi cho nên mình đi trong sanh tử luân hồi. Muốn hết sanh tử chúng ta phải hết nghiệp. Nghiệp từ đâu ra để mình tiêu diệt cho hết? Ai cũng biết nghiệp từ thân, khẩu, ý. Ba chỗ đó là chỗ tạo thành nghiệp. Tạo thành nghiệp rồi thì nghiệp dẫn đi trong sanh tử.

Thân, khẩu chưa đến nỗi nào tạo nghiệp nặng mà chỉ có ý. Nếu ý nghĩ lành, thân khẩu làm lành là thiện nghiệp. Nếu ý nghĩ dữ, thân khẩu làm dữ là ác nghiệp. Thiện nghiệp thì đi ba đường lành: trời, người, a-tu-la. Ác nghiệp thì đi ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy tất cả những gì ý tạo ra; lành là giúp người cứu vật, dữ là hại người hại vật; đó là tạo nghiệp lành nghiệp dữ.

Bây giờ không giúp người cũng không hại người mà chỉ nhớ Phật thôi. Niệm Phật tức là nhớ Phật, nhớ Phật có khởi niệm không? Khởi niệm nhưng đó là tịnh niệm. Tịnh niệm thì sanh cõi Tịnh, là cõi Phật A Di Đà. Tất cả những nghiệp đó đều là hướng sanh: sanh cõi lành, sanh cõi dữ, sanh cõi Tịnh... đều là sanh. Còn sanh thì chưa phải Niết-bàn. Vì Niết-bàn là vô sanh.

Muốn cho không còn đi đâu hết, được vô sanh, thì phải làm sao? Thì ý phải lặng, phải đi tới vô niệm. Vô niệm tức là Niết-bàn. Muốn vô niệm thì cái gì do ý dấy động mình đừng theo, để cho nó cùn mần đi, trụi hết đi. Đừng cho nó còn cánh tay nào bám vào sáu trần hết thì ý lẩn lẩn lặng. Cho nên ngày xưa thời đức Phật còn tại thế, các Tôn giả như ngài Xá-lợi-phất thường ví dụ cho chư Tăng nghe, Ngài nói tâm Ngài bây giờ giống như con trâu không sừng. Con trâu không sừng thì nó khỏi báng ai hết, nếu còn sừng thì nó báng người ta. Cũng vậy, chúng

ta tu chùng nào ý không còn dấy động, không chạy đâu nữa thì chùng đó mới thật thanh tịnh.

Trong Tứ Thập Nhị Chương có một bài kinh, Phật bảo: "Tỳ-kheo các ông không nên tin ý mình. Chùng nào các ông chứng được A-la-hán mới tin được tâm mình". Như vậy còn ở trong niệm khởi thì nó chuyển biến không dừng. Giờ này tốt, giờ thứ hai chưa chắc nó tốt. Còn sinh còn khởi thì không bảo đảm trước sau như một. Chỉ bao giờ ý niệm lặng mới là vô sanh, là Niết-bàn, lúc đó mới tin. Còn dấy động là chưa tin, bởi vì nó có thể tạo nghiệp lành, tạo nghiệp dữ, tạo nghiệp tịnh tùy theo duyên của nó.

Cho nên chúng ta tu nhất là tu thiền, phải biết rõ ý niệm không thật, ý niệm là gốc để sanh trong các cõi. Chúng ta tu muốn giải thoát sanh tử thì phải dừng theo ý niệm. Chúng ta buông, chúng ta xả ý niệm, chùng nào hoàn toàn lặng lẽ, hằng tri hằng giác là không dấy niệm. Chùng đó chúng ta mới thấy Niết-bàn hiện tại, không còn đâu xa nữa. Đến chỗ cuối cùng đó là chỗ mà chư Phật, chư Tổ hằng dạy chúng ta phải đến.

Như vậy muốn giải thoát sanh tử không phải cầu đời này đời kia, mà ngay trong đời này cũng được. Nếu chúng ta sạch hết những niệm khởi chạy theo các hướng thì tâm mình hằng thanh tịnh. Mà hằng thanh tịnh thì còn gì tạo nghiệp lôi kéo đi nơi này nơi nọ. Tất cả chúng ta tu hiện giờ là cốt đi tới chỗ cuối cùng, làm sao cả ngày cũng ăn, cũng nói, cũng đi, cũng làm mà vẫn an nhiên tự tại, không có niệm nào khuấy rầy mình hết. Người đó tuy hình thức là sống ở cõi trần gian mà tâm đã vào Niết-bàn.

Quý vị nghĩ chư vị A-la-hán thời Phật còn tại thế, được Niết-bàn sau khi chết hay lúc còn sống? Chúng A-la-hán là được Niết-bàn, mà các Ngài vẫn giảng, vẫn làm Phật sự. Như vậy Niết-bàn không phải đợi chết mới có, mà ngay trong cuộc sống này nếu chúng ta thật sự làm đúng như lời Phật dạy thì chúng ta sống Niết-bàn.

Khi không khởi niệm, lúc đó buồn hay vui? Có niệm mới có vui có buồn, không niệm còn gì buồn còn gì vui. Buồn vui trong nhà Phật nói đều là khổ vì nó vô thường. Không khởi niệm, không buồn không vui thì khổ hay không khổ? Vô thường là khổ, không vô thường là không khổ. Niết-bàn nghĩa là an tịnh, lặng lặng nhẹ nhàng. Nói vui đó là gượng nói, vì có vui là có khổ, đôi đũa. Vì vậy tới chỗ đó thì rõ ràng là tịnh lạc. Hằng giờ hằng phút hoạt động mà tâm mình lúc nào cũng an tịnh thì không còn buồn vui, tâm an nhiên tự tại, đó là giải thoát hiện tiền.

Buồn vui là cái cột trói lôi kéo, mà bây giờ mình không buồn vui, cái gì cột trói, cái gì lôi kéo? Thì ngay cuộc đời là tự tại giải thoát. Cho nên đi sâu trong đạo

rồi mới thấy nghĩa giải thoát của Phật pháp rất cụ thể, rất thực tế, chứ không phải chuyện tưởng tượng, chuyện mơ ước.

Vì vậy ở đây chủ trương khi những niệm trong tâm không còn dấy động, không còn sanh diệt để dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử, thì lúc đó ngay nơi đây hết sanh tử. Tôi nghĩ Tăng Ni và Phật tử chịu khó ứng dụng tu, quyết tử tu thì chắc chắn thành tựu không nghi. Quyết tử với ai? Quyết tử không phải là tranh đấu với người khác mà là mình liều chết để tu. Tại sao tu "khỏe gần chết" mà nói liều chết? Quý vị hiểu nghĩa "khỏe gần chết" không? Bởi vì "chết" hết những tâm niệm lăng xăng thì lúc đó "khỏe". Khỏe vì các tâm niệm của mình đã chết hết rồi, chứ còn tâm niệm lăng xăng thì mệt ghê lắm.

Khi nào chúng ta ngồi thiền mà tâm niệm cứ chạy ngược chạy xuôi hoài, thì bữa đó mệt muốn xuất hạn mồ hôi. Còn ngồi thiền mà tâm nhẹ nhàng, lâu lâu có một hai dấy động nhỏ thôi, thì hôm đó nhẹ nhàng thành thoi. Tu như vậy mới thấy nguồn an lạc của sự tu. Nhưng chúng ta phải can đảm quyết tâm thì mới đi tới chỗ đó, chứ không thể chần chờ lồi thoi mà có kết quả được.

Chúng ta thường có hai thứ bệnh:

1.Chấp thân: Quý thân lắm! Ai moi móc chê trách thân mình; ví dụ mình xấu mình đen, mà ai nói mình xấu mình đen thì bản ngã nổi dậy liền, bảo vệ cho mình là hơn hết. Còn mình xấu mình đen mà ai nói mình đẹp thì mình chịu lắm. Người ta bảo vệ cái ngã tối đa, đó là ngã của thân.

2.Chấp tâm: Tức là cái suy nghĩ, kiến chấp của mình. Mình suy nghĩ gì thì đều cho đó là chân lý. Ai nói trái điều mình nghĩ là mình giận liền. Cái gì mình nghĩ, mình muốn bảo vệ. Bảo vệ cái nghĩ của mình là bảo vệ tâm. Như vậy bảo vệ thân đã tạo bao nhiêu thứ nghiệp, bây giờ bảo vệ tâm nữa. Cái gì mình nghĩ, cái gì mình suy tính cũng đều là chân lý hết. Ở nhà hay trong chùa, huynh đệ nào cãi lại ý của mình thì mình nổi sân lên liền. Đó là bảo vệ tối đa bản ngã của nội tâm. Cho nên chúng ta tu phải xả bản ngã của tâm nữa.

Cả hai thân và tâm đều quên đi. Chê cũng được, khen cũng được, chửi cũng được, không có gì quan trọng hết. Tứ đại này khi rã ra còn thua đất bên ngoài nữa. Đất bên ngoài người ta còn dám hốt vô đống nền nhà, chứ còn tứ đại của mình rã ra có ai dám hốt đống nền nhà đâu. Như vậy tại sao mình chấp? Khi nó tạm kết hợp lại thì nó tạm đi đứng nằm ngồi, nói năng. Khi nó rã ra thì không có giá trị gì hết. Cái không ra gì mà chấp là si mê. Cái nghĩ của mình chắc gì đúng. Nó khởi nghĩ lăng xăng, nay nghĩ vậy mai nghĩ khác. Cái nghĩ sau lại chê cái nghĩ trước. Có khi mình vừa nói với ai câu đó, một lát không bằng lòng, mình rút lời nói hồi nãy lại. Như vậy cái nghĩ không thật, nó đổi dời, hư dối mà chấp làm gì.

Chúng ta vì si mê quá trầm trọng cho nên bám vào bản ngã hư dối, bám vào tâm tưởng hư vọng cho là mình, cho là ta. Cứ như vậy mà đau khổ, tạo nghiệp luân hồi. Bây giờ mình biết tu, thì hai thứ ngã của thân, ngã của tâm phải xả bỏ. Đừng quan trọng, đừng cố chấp, buông hết, xả hết thì nhất định người đó sống với đạo. Còn ai bám chặt vào hai thứ ngã đó thì đừng mong đạt đạo.

Hôm nay là buổi nói chuyện đầu tiên tại Tham vấn đường Thiền viện Trúc Lâm, tôi mong quý vị rán đem hết tâm thành suy gẫm những lời nói này để ứng dụng tu cho được kết quả tốt. Tôi đặt sở nguyện vào ngày mai kia sẽ có những người sáng được đạo, để thay thế tôi gánh vác Phật sự sau này. Mong tất cả quý vị cố gắng.

TU LÀ CHUYÊN NGHIỆP LÀ ĐẸP BỎ THAM SÂN SI

Trường hạ Vạn Hạnh 1999

Hôm nay nhân mùa an cư, chư Ni tụ họp về Ni viện Vạn Hạnh và Bát Nhã để an cư tu học. Quý vị có nhã ý mời chúng tôi về đây nói chuyện, nhắc nhở Ni chúng tu hành, đồng thời sách tấn tất cả Phật tử đang trên đường học đạo phải siêng năng tinh tấn. Tôi hoan hỷ nhận lời, nên mới có buổi nói chuyện này.

Trước hết tôi có đôi lời với Ni chúng. Quý vị đã có phúc duyên nhiều đời nên được làm thân người, được xuất gia học đạo, có thầy có bạn trên đường tu. Đó là chủng duyên lành nhiều đời, nhiều kiếp nên ngày nay mới được kết quả tốt đẹp như vậy. Đã được quả tốt thì phải ráng vun trồng cho nó tăng trưởng đến thành tựu, chớ đừng ý lại nhân trước tốt rồi chúng ta bỏ qua, không nỗ lực, thì nhân cũ sẽ hư lép đi, kết quả không còn tốt nữa.

Trên đường tu, chúng ta phải ráng tu như thế nào cho xứng đáng với chí nguyện xuất gia lúc ban đầu của mình. Có vị nào khi xuất gia lại nguyện con vô chùa để được ngủ nhiều, ăn nhiều, chơi nhiều không? Chắc không có. Ai cũng nguyện lớn rằng con xuất gia để được giác ngộ giải thoát và độ chúng sanh cùng được giải thoát. Đó là lý tưởng cao siêu ít có gì bì được. Vì vậy trong nhà Phật thường nói, người xuất gia không phải là người làm việc tầm thường, nên gọi là phi thường. Đã là phi thường thì chúng ta phải có tư cách, có thái độ phi thường mới được.

Tôi thường nói, quý vị xuất gia là đã thực hiện một việc phi thường rồi. Quý vị thấy mình đã làm được điều gì phi thường chưa? Người thế gian bên phái nữ khi lớn lên ai cũng muốn để tóc trang sức cho đẹp. Quý vị cạo bỏ phất đi thì đó đã là phi thường chưa? Dám cạo tóc không sợ xấu, không sợ người ta cười, không vì trang sức đẹp đẽ của thế gian, không muốn bận tâm với trần tục để vào chùa tu. Đó là cái phi thường thứ nhất.

Đến điểm phi thường thứ hai. Quý vị thấy Phật tử hay người đời lúc nào cũng trọng miếng ăn, ăn sao cho ngon. Mà muốn ăn ngon thì tự nhiên phải có thịt cá mới ngon, còn rau cải đạm bạc làm sao ngon. Nhưng khi tu quý vị dứt khoát không ăn cá thịt nữa, chỉ ăn rau cải sống qua ngày. Đó cũng là một việc phi thường rồi.

Song điều phi thường thứ ba là quan trọng nhất. Thế gian nam nữ lớn lên đều có đôi bạn, lập gia đình, nhưng quý vị lại cương quyết tu, không bị cột trói bởi tình cảm gia đình nữa. Một lòng vào chùa lo tu hành để được giải thoát sinh tử, không bận bịu chuyện thế gian với tình cảm tầm thường đó. Như vậy là rất phi thường.

Chúng ta đã là người làm việc phi thường thì luôn luôn lúc nào cũng phải là người đi đầu, hướng dẫn cho huynh đệ, cho mọi người noi theo. Muốn đi đầu, muốn hướng dẫn mọi người thì trong tâm quý vị còn tham, sân, si được không? Nếu nội tâm còn tham, sân, si thì đó là một điều khổ.

Bởi vì trong kinh Phật dạy:

- Nay các Tỳ-kheo, nếu trong thất của các ông có ba con rắn độc chui vào, lúc đó các ông ngủ có ngon không?

- Bạch Thế Tôn, chúng con ngủ không ngon.

Phật hỏi:

- Làm sao các ông ngủ mới ngon?

Các thầy Tỳ-kheo bạch:

- Chùng nào chúng con đuổi được ba con rắn độc ra khỏi nhà, chùng đó chúng con ngủ mới ngon.

Phật nói:

- Đúng vậy, ba con rắn độc ở trong nhà nên các ông ngủ không ngon. Nhưng ba con rắn độc đó chưa độc bằng ba thứ độc tham, sân, si. Vì tham, sân, si không những hại chúng ta trong đời này mà còn xúi giục chúng ta tạo nghiệp luân hồi trong vô lượng kiếp nữa.

Như vậy, rắn độc chỉ cắn chúng ta chết trong một thân; còn tham, sân, si sẽ dẫn, sẽ kéo, sẽ lôi chúng ta đi trong luân hồi vô lượng kiếp. Vậy thứ nào đáng sợ hơn?

Nói thực tế hơn, hôm nào trong thất của quý vị có rắn độc chui vô, đêm đó quý vị ngủ được không? Cũng thế, trong nội tâm quý vị nếu còn ba thứ độc, quý vị có ngủ được không? Chắc ngủ vẫn ngon như thường! Thế mới thấy, cái mà Phật cho rằng đáng sợ chúng ta chưa thật sợ, còn những cái không đáng sợ chúng ta lại sợ. Đó là vì chúng ta không sáng suốt, chúng ta yếu đuối. Vì vậy tôi khuyên, nhắc quý vị phải nhớ đuổi ba con rắn độc ra trước, đó là điều thiết yếu. Nhiều vị sống

trong tập thể vì ba con rắn độc mà bị tổn hết công đức, sự tu hành cũng bị chướng ngại.

Chẳng hạn đối với con rắn sần, người tu niệm Phật mà nổi sần thì tối hôm đó niệm Phật được yên không? Còn người tọa thiền mà nổi sần với thiên hạ thì tối tọa thiền được yên không? Như vậy, sần là cái chướng làm trở ngại sự tu của tất cả chúng ta. Nên tôi mong rằng tất cả Ni chúng đã quyết tâm tu hạnh giải thoát để cứu mình, cứu chúng sanh thì quý vị cố gắng phải dẹp trừ ba thứ độc trước. Trừ nó rồi thì tu pháp nào cũng thành công, tu pháp nào cũng có kết quả. Ngược lại, nếu quý vị không dẹp trừ ba thứ độc, dù quý vị cố gắng tu pháp gì cũng khó có kết quả được.

Như vậy trọng tâm tu cho thành công, đạt được kết quả là trước phải diệt trừ tam độc, đó là cái gốc. Trên đường tu, sự thành công là phần của quý vị, thầy bạn chỉ nhắc nhở thôi. Làm sao để năm nay tôi tới thăm, quý vị đuổi ba con rắn độc ra được phân nửa. Sang năm tới, tôi tới thăm thì ba con rắn độc đã ra khỏi nhà, là quý vị tu tiến đó. Không phải chúng ta ngồi thiền nhiều giờ, niệm Phật nhiều mà tiến. Thêm giờ ngồi thiền, thêm chuỗi niệm Phật, nhưng ba con rắn độc không đuổi ra thì tu vẫn không tiến như thường. Minh tu nhất tâm niệm Phật, quyết chí ngồi thiền rất là nghiêm chỉnh, nhưng ra ngoài ai nói trái ý liền nổi giận đùng đùng, thì người ta sẽ kết luận cô ấy giả bộ niệm Phật, giả bộ ngồi thiền chớ không phải tu thật.

Như vậy, trọng tâm của người xuất gia là phải dẹp tham, sân, si. Đó là bước đầu trên đường tu. Tôi mong tất cả Ni chúng đều cố gắng thực hiện cho được. Đây là lời nhắc nhở của tôi với Ni chúng.

Tiếp đến tôi có vài lời nhắc nhở quý Phật tử có mặt hôm nay. Quý vị hiện giờ làm ra tiền của, vậy quý vị có sợ trộm cướp không? Tôi xin chỉ quý vị một phương pháp gìn giữ sự nghiệp của mình không bị trộm cướp, không bị ai lấy hết. Trong nhà Phật luôn luôn dạy người Phật tử làm thế nào cho công đức của mình được tăng trưởng, được lâu dài, được bền vững đừng để tiêu mất.

Quý vị xét ở thế gian nếu chúng ta có tiền nhiều, có của nhiều thì chúng ta sợ trộm, sợ cướp, sợ đủ thứ. Có của thì sợ mất của; có danh vọng thì sợ mất danh vọng; danh vọng cao chùng nào càng sợ mất nhiều chùng ấy. Thế nhưng, đức Phật dạy cái chúng ta tạo ra, không bao giờ mất đó là nghiệp. Nghiệp theo chúng ta như bóng với hình không tách rời được, đời này, đời sau và nhiều đời không bao giờ mất.

Vậy nghiệp là gì? Nghiệp là thói quen, là hành động do chúng ta chăm chú vào một việc, tiếp tục làm việc đó mãi thì thành thói quen. Đó gọi là nghiệp. Thí dụ cô A dạy học, cô B cũng dạy học, họ gọi nhau là bạn đồng nghiệp. Đồng

nghiệp tức là cùng làm một nghề dạy học. Hoặc chú A hút thuốc, chú B cũng hút thuốc hay chú A uống rượu, chú B cũng uống rượu thì gọi là bạn nhậu, bạn hút. Như vậy hút thuốc, uống rượu lâu thì thành nghiệp thuốc, nghiệp rượu.

Bởi vậy người đã quen làm việc gì thì việc đó trở thành nghiệp của mình. Quý vị thấy chúng ta ở ngành nào, nghề nào cũng nhìn sự vật theo con mắt của nghiệp đó. Thí dụ ở chùa có trồng cây bách lớn. Người thợ mộc nói cây bách là một loại gỗ rất cứng, dùng để đóng đồ chắc chắn. Người dược sĩ thì thấy cây bách này có vị thuốc trị được bệnh, v. v... Cũng một cây bách mà người nói gỗ tốt, người nói thuốc hay. Lại có người nói nếu cây bách này khéo uốn thì sẽ trở thành con rồng, con phụng gì đó v. v... Như vậy, tùy theo cặp mắt của mỗi người mà sự vật được nhìn theo nhiều công dụng riêng biệt không giống nhau. Đó là nhìn theo nghiệp. Vậy nghiệp có hình tướng không?

Tôi thí dụ có một ông thầy giáo, một ông bác sĩ và một ông thợ hồ. Cả ba cùng đi chung một chuyến đò, sang sông với nhiều đồ đạc. Ra tới giữa dòng bỗng đò chìm. Mỗi người đều lo bơi vào bờ quên hết đồ đạc. Tới bờ rồi nhìn lại người nào cũng tay không, tất cả đồ nghề mang theo đều bị nước cuốn trôi hết nhưng nghề thầy giáo, nghề bác sĩ, nghề thợ mộc có bị cuốn trôi không? Thế nên nghiệp là cái không ai có thể lấy đi được hết. Dù nước trôi, lửa cháy, trộm cướp cũng không ai lấy được nghiệp của mình.

Phật dạy nghiệp được chia ra làm hai thứ: nghiệp lành và nghiệp dữ. Nếu chúng ta tạo nghiệp lành thì điều thiện, điều lành ngày càng tăng trưởng. Nếu chúng ta tạo nghiệp ác thì càng ngày càng gặp nguy hiểm, càng gặp nhiều tai họa. Nhà Nho xưa hay nói đó là âm đức. Nhà Phật gọi đó là nghiệp lành. Âm đức thì không ai ăn cắp được; còn của cải tài sản thì rất dễ mất. Nên nói "tích âm đức dĩ vi tử tôn", để âm đức cho con cháu thì con cháu được hưởng, còn để tiền của chắc gì con cháu hưởng được.

Trong nhà Phật nói để nghiệp lành lại cho con cháu thì con cháu hưởng phước, để nghiệp ác thì con cháu thọ khổ. Nếu quý vị thương con cháu thì gieo nghiệp lành. Song nghiệp của ai người đó hưởng chứ người khác không hưởng được, vậy tại sao ta phải tạo nghiệp lành cho con cháu? Đó là vì muốn cho con cháu chúng ta trở thành người tốt, người hiền, có tài, có đức nên chúng ta phải lo cho nó học. Học được rồi quý vị khéo hướng dẫn cho nó biết đạo đức, biết làm lành, biết tạo những điều phước thì đó là tạo cho nó nghiệp lành, nghiệp tốt rồi. Nó có nghiệp lành tốt, giả sử cha mẹ mất đi thì nó cũng không khổ. Còn nếu cung con, muốn cái gì cho cái ấy, sung sướng ăn chơi tự do thì tới chừng cha mẹ trăm tuổi nó sẽ khổ. Đó là không biết gây dựng nghiệp tốt cho con cháu.

Lại nữa, có nhiều người làm ăn được nên cứ lo cặm cụi làm ăn hoài, không nghĩ tới việc học hành của con, không lo đạo đức cho con. Cứ làm ăn cho có nhiều

tiền, nhiều của vì nghĩ khi chết, của đó sẽ để lại cho con. Nhưng của cái ấy chắc gì con cháu hưởng được, nói chi đến giữ. Những gì mình làm đổ mồ hôi xót con mắt, thức khuya dậy sớm, nhưng nếu con cháu không có đạo đức, không có tâm lương thiện thì tiền của để lại chưa chắc gì chúng hưởng được.

Thế nên người cha, người mẹ khôn ngoan là phải hướng dẫn cho con tạo nghiệp tốt. Nghiệp tốt là nghiệp thầy giáo, nghiệp bác sĩ, nghiệp gì chuyên môn cho ích nước lợi dân là được. Đồng thời hướng dẫn cho con tâm lương thiện, biết thương người, biết giúp đỡ kẻ khổ v. v... Đó là quý vị biết lo xa, biết thương con thật lòng.

Còn phần mình thì quý vị nhớ, nhất là những vị tuổi đã cao, đã mấy mươi năm nhọc nhằn với cuộc sống lắm rồi, tuổi già kề cận, ráng làm sao ngày nào còn có mặt ở trên đời thì hãy tạo những nghiệp lành, những phước thiện để khi mình nhắm mắt, nghiệp đó theo mình không mất. Nếu quý vị tạo được một triệu điều lành, quý vị không cần tù, không cần nhà chác, vẫn không ai lên vô lấy cấp được một triệu việc lành của quý vị. Còn nếu quý vị có một triệu lượng vàng, dù nhà cao cửa sắt, cũng chưa chắc gì giữ được.

Chúng ta giành danh, giành lợi với thế gian, nếu mình được, người mất thì họ đổ kị ganh ghét. Còn chúng ta tạo nghiệp lành, dù bao nhiêu điều họ thấy họ cũng mừng giùm, không ai đổ kị hết. Như vậy, chúng ta làm những điều tốt mà không ai đổ kị với chúng ta, đó là cách yên ổn nhất.

Lại nữa, chúng ta làm nghề gì phát tài thì có người cạnh tranh, đua chen với chúng ta. Mà cạnh tranh thì ai cũng giành phần hơn. Đó là nguyên nhân dẫn tới đấu tranh với nhau. Bây giờ chúng ta làm việc lành nếu có ai cạnh tranh với chúng ta thì càng tốt. Tôi làm mười điều lành, người đó tranh với tôi cũng làm mười điều hoặc mười lăm điều thì càng tốt hơn, càng cạnh tranh càng tốt. Như vậy quý vị thấy cái nào đem lại sự an ổn cho chúng ta, đem cái hay, cái đẹp cho mọi người chung quanh. Chỉ có nghiệp lành là quý nhất. Đó là chuyện hiện tại.

Còn mai sau nếu chúng ta đã tạo nghiệp lành, sau khi mất nghiệp ấy có sức mạnh lôi dẫn chúng ta đi tới những chỗ lành. Như vậy hiện tại chúng ta được an vui và mai sau chúng ta cũng được an vui. Nếu chúng ta không cố gắng làm lành, không cố gắng tạo nghiệp lành thì hiện tại chúng ta chưa chắc vui mà mai kia lại càng khổ hơn nữa. Đó là chúng ta biết lo xa.

Vậy quý vị đem hết tâm tư gây dựng sự nghiệp thì nên gây dựng cho mình một sự nghiệp xứng đáng, lâu dài. Đó là nghiệp thiện, nghiệp lành. Quý vị nghĩ nghiệp thiện, nghiệp lành xuất phát từ đâu? Nhà Phật gọi tam nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp. Thân mình làm tất cả điều lợi cho chúng sanh, đó là tạo

ngiệp lành; thân mình làm tất cả điều đau khổ cho chúng sanh, đó là tạo nghiệp ác.

Miệng mình nói tất cả điều lành cho mọi người được vui, mọi người hết khổ, đó là nghiệp lành; nói lời dữ cho người phải buồn, phải giận, phải tức tối là tạo nghiệp dữ. Ý nghĩ xấu, nghĩ bậy, nghĩ hại người là tạo nghiệp dữ; ý nghĩ cứu giúp, nghĩ thương yêu người là tạo nghiệp lành. Như vậy ba nghiệp thân, miệng, ý cố gắng làm lành thì thành người hiền.

Phật tử chúng ta tu có hiền chưa? Đó là điều mà tôi xin nhắc. Vô chùa lạy tha thiết vô cùng, lạy Phật, cầu Phật đủ thứ, nhưng ra ngoài ai chọc tức, nói thôi không chừa lời nào. Như vậy là mình chưa hiền, chưa biết tu. Nếu gia đình, vợ chồng, con cái đều biết tu ba nghiệp thì có đằm ám không? Thế nên, biết tu thì trở thành người tốt, gia đình hạnh phúc. Nếu trong xóm, trong làng ai cũng biết tu ba nghiệp thì xóm làng đó có bình yên không? Qua đó quý vị mới thấy giá trị của người tu Phật là phải làm sao đem lại cho mình sự an lành, đem lại cho gia đình hạnh phúc, đem lại cho xã hội vui tươi thái bình, gây dựng cuộc đời tốt đẹp. Chớ không phải đi chùa mới gọi là tu còn về nhà không chịu tu.

Tôi kể một câu chuyện của Nhật Bản. Có bà cụ chuyên niệm Phật. Ngày nào bà cũng niệm mấy chuỗi. Một hôm bà đang ngồi niệm Phật, bỗng có thằng cháu nội làm rớt bể cái bát kiêu. Bà quăng xâu chuỗi xuống rồi chửi đứa cháu. Người con thấy vậy nói: "Mẹ à, mẹ tu sao mẹ còn chửi? " Bà quát: "Tao tu với Phật chứ không phải tu với tụi bây! "

Quý vị nghĩ sao? Chúng ta tu với Phật hay tu với chúng sanh? Chúng sanh nhiều buồn khổ, nhiều xấu xa thì mình phải tu với họ chớ! Còn Phật ngồi im lìm có nói lời nào đâu, khen Ngài cũng không gật đầu, chê Ngài cũng không lắc đầu. Ngài lặng yên tự tại, chỉ có chúng sanh mới đa sự. Cho nên chúng ta tu là tu với chúng sanh. Chúng sanh nhiều khổ não, nhiều cuồng loạn, nhiều si mê nên ta phải ráng tu với họ, để làm sao chúng ta đi trước làm người gương mẫu cho họ bắt chước. Gia đình ta biết tu nên đằm ám an vui, hạnh phúc thì những người chung quanh mới noi theo. Vì vậy chúng ta tu không chỉ cho mình mà tu cho cả gia đình, cho cả xã hội nữa. Đó mới là người Phật tử biết tu, là người Phật tử chân chính. Chớ lạy Phật nhiều, cúng Phật lắm nhưng ra đường không chịu nhin ai hết thì đó chưa phải là tu.

Tới đây quý vị biết để dành của quý chưa? Quý vị có hứa với tôi từ nay về sau sẽ gửi ngân hàng công đức mỗi ngày mỗi nhiều không? Tôi đảm bảo ngân hàng đó không mất, gửi bao nhiêu cũng không mất hết, nên phải ráng tu.

Hôm nay tôi đến thăm và nhắc nhở Ni chúng cũng như tất cả Phật tử biết cách tu. Tu thiết thực chớ không phải tu bằng tưởng tượng, bằng lý thuyết, tu phải

thực hành. Được vậy quý vị mới xứng đáng là đệ tử của Phật, xứng đáng là người dân tốt, biết xây dựng cuộc đời và đạo pháp ngày càng tươi đẹp hơn.

NHỮNG TRỞ NGẠI LÀ CHƯỚNG DUYÊN HAY THẮNG DUYÊN?

Chùa Giác Nguyên – 1998

Hôm nay chúng tôi đủ duyên về đây, trước hết là thăm Tổ đình Giác Nguyên, kế thăm tất cả chư Tăng đang an cư và sau nữa là thăm quý Phật tử. Tôi đến đâu cũng mong sao cho tất cả Tăng Ni, Phật tử đều thấm nhuần chánh pháp của Phật để chúng ta cùng nhau tu hành. Vì vậy hôm nay tôi có ít lời cho chư Tăng Ni cũng như quý Phật tử trên đường tu luôn luôn tiến, chớ không bao giờ thoái chuyển. Muốn thế chúng ta phải có cái nhìn đúng với lẽ thật. Nên đề tài chúng tôi nói hôm nay là Những trở ngại là **chướng duyên hay thắng duyên?**

Đa số chư Tăng, Ni cũng như Phật tử khi tu hay than rằng: "Sao con gặp nhiều chướng duyên quá. Khi xưa chưa biết tu thì ai cũng xử sự tốt, tử tế với mình. Bây giờ biết tu rồi, sao thấy ai cũng lặt lẽo với mình, không được đầm ấm như xưa!" Do đó, nên nói là chướng duyên.

Vì nghĩ gặp chướng duyên nên chúng ta có ý buồn. Tu mà sao không được người nâng đỡ, không được người hưởng ứng, phụ giúp với mình, lại còn bị ngăn trở. Hay có lẽ tu không có phước? Hầu hết Phật tử chúng ta đi chùa, lễ Phật, cầu chư Tăng tụng niệm, chú nguyện cho mình thì đều nghĩ rằng như vậy có phước hơn hồi chưa tu. Nhưng sao hồi chưa tu không gặp chướng mà bây giờ tu lại gặp chướng? Rồi than rằng mình đi chùa không có phước nên trở ngại. Thậm chí có người nói ngày xưa không tụng kinh Pháp Hoa thì không sao, bây giờ tụng kinh Pháp Hoa lại đổ nghiệp, nào con cái bệnh hoạn, gia đình rối ren. Như vậy chướng hay không chướng?

Tôi nêu lên những vấn đề trên và sẽ giải thích cho chư Tăng, Ni cũng như quý Phật tử hiểu để đường tu của chúng ta lúc nào cũng vui vẻ, cũng tiến lên, không thoái lui, không chán nản.

Người vào chùa tu không có thí chủ cúng dường, lâu lâu muốn mua bộ sách, bộ kinh mà không có tiền nên than thân trách phận: "Mình tu sao chướng quá, huynh đệ chung quanh có tiền mua kinh sách học, còn mình không có gì hết." Đó là chướng thứ nhất.

Thứ hai, có người cho rằng lúc còn là cư sĩ ở thế gian, ai cũng kính nể, đến khi tu sao thấy mọi người khi dễ quá nên đâm ra bực, nghĩ mình tu không có

phước bị người ta khinh bạc, thành ra thối tâm. Vì trước khi đi tu, chúng ta hay nghĩ rằng mình vào chùa làm thầy tu, huynh đệ cũng thầy tu, chắc ai cũng thương cũng bảo bọc mình trăm phần. Nhưng khi vào chùa rồi thấy mọi người lơ là, không chú ý tới mình nên cảm thấy bị người khinh bạc. Lại nữa, khi còn là Phật tử đến chùa, được thầy trụ trì hay cô trụ trì tiếp đón nồng hậu, vui vẻ thì thích. Nhưng gặp thầy, cô lơ là lạnh nhạt liền không muốn đi chùa nữa. Đó là chướng thứ hai.

Thứ ba, khi được xuất gia vào đạo, chúng ta thường nghĩ rằng thầy sẽ thương, sẽ tin, sẽ dễ dàng với mình. Không ngờ thầy lại rầy quở, răn đe đủ điều. Thấy vậy liền cho là thầy khó khăn, rồi muốn tìm chùa khác ở hoặc muốn trở về với ba má, để được cưng chiều hơn. Đó là chướng thứ ba.

Thứ tư, Phật tử ở thế gian nghĩ rằng đi chùa, làm phước, biết tu; như vậy là có phước, sao lâu lâu lại bị bệnh. Trong khi lúc chưa tu thì không bệnh, nghĩ như vậy nên hết muốn tu. Còn chư Tăng bệnh, nếu được thầy trụ trì hay huynh đệ tới lui thăm viếng thì vui. Nếu thầy bạn không để ý, huynh đệ cũng lơ là thì buồn, sanh ra chán nản. Nhớ lại lúc ở nhà khi có bệnh, ba má săn sóc kỹ lưỡng, ăn uống đầy đủ. Còn vô chùa bệnh, quý thầy không ngó ngàng tới, từ đó thối Bồ-đề tâm. Đó là chướng thứ tư.

Tóm lại, khi tu chúng ta thường gặp nhiều điều trở ngại sanh chướng như thế. Vậy tôi xin hỏi, những việc ấy là chướng duyên hay thắng duyên? Tất cả những khó khăn trở ngại đối với người tu, nếu chúng ta không hiểu đạo thì đó là chướng duyên. Ngược lại, nếu chúng ta hiểu đạo thì đó là thắng duyên.

Tôi thí dụ mấy đứa nhỏ chơi tập nhảy cao. Ban đầu chúng gác cây khoảng năm tấc thì nhảy qua. Nếu muốn nhảy cao hơn nữa phải nâng lên sáu tấc, rồi bảy tấc, lần lần cây càng cao thì nhảy càng cao. Cao nhiều là chướng nhiều, mà chướng nhiều thì nhảy mới giỏi. Cũng như vậy, muốn trở thành người tu hành đầy đủ công đức, đầy đủ nguyện lực và đầy đủ trí tuệ thì những trở ngại là những thắng duyên.

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật tuyên bố: "Đề Bà Đạt Đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta. Nhờ Đề Bà Đạt Đa mà ta chóng thành đạo quả." Đức Phật kể trong vô số kiếp đời trước cho tới đời hiện tại của Ngài, Đề Bà Đạt Đa luôn phá Ngài, hại Ngài, đời nào cũng làm cho Ngài điêu đứng. Kết thúc lại, Ngài nói nhờ Đề Bà Đạt Đa mà Ngài chóng thành đạo.

Trên đường tu, nếu ai trợ duyên cho mình mau thành Phật thì người đó là người giúp mình. Như vậy Đề Bà Đạt Đa là người giúp Phật. Vậy, những thứ chướng duyên vừa kể là duyên tốt để giúp chúng ta tu hành mau có kết quả. Thế nên biết không có cái chướng thật, mà chướng là vì chúng ta yếu đuối, chúng ta nghĩ tưởng sai lầm. Sự thật, người tu gặp trở ngại là gặp được một cơ hội tốt để

vươn lên, chớ không phải để thối lui. Phật kể Đề Bà Đạt Đa trong đời hiện tại nào là phá hòa hợp Tăng, nào là lăn đá đè Phật, nào là xúi vua thả voi giày Phật v. v... Chúng ta nghe qua có thương Ngài không? Nhưng Phật nói Đề Bà Đạt Đa là thiện tri thức, là người giúp Phật chóng thành đạo quả.

Câu chuyện thứ hai cũng trong kinh Pháp Hoa, nói về Bồ-tát Thường Bất Khinh. Khi thấy ai Ngài đều chấp tay nói: "Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài đều sẽ thành Phật!" Vậy đó, mà có người cho rằng Ngài dám nói bướng, nói bậy rồi vác gậy đuổi đập. Phật bảo thuở xưa Bồ-tát Thường Bất Khinh thành Phật là do bị người mắng chửi, đánh đập nhưng không thối chí, cố gắng nỗ lực hơn lên, gặp ai cũng tuyên bố "các Ngài sẽ thành Phật." Như vậy việc đánh đập, mắng chửi của người là chướng duyên hay thắng duyên giúp Bồ-tát thành Phật? Tất cả những chướng ngại ấy đều là duyên tốt giúp Ngài sớm thành Phật.

Chúng ta nhìn lại từ đức Phật cho tới Bồ-tát, ngày xưa các Ngài tu hành có được mọi người tin yêu quý kính luôn hay cũng có những người gây khổ đau, làm trở ngại cho quý Ngài. Vì vậy, trên đường tu chúng ta không nên mong cầu mọi việc đều như ý. Chúng ta tu mà cầu tất cả mọi việc đều như ý thì có gọi là tu không? Có gì trở ngại đâu mà tu. Tu là phải có tham sân si hiện ra rồi chúng ta tiêu diệt nó. Đó chính là cơ hội để chúng ta tiến lên, chớ không phải lùi.

Như vậy muốn tu được tốt đẹp, thành công thì chúng ta phải chấp nhận những chướng ngại. Những chướng ngại ấy nhà Phật gọi là thắng duyên. Tăng, Ni và Phật tử tu mà sợ nhiều chướng ngại thì rất yếu đuối, rất kém cỏi. Người tu như vậy dễ bị thiệt thòi. Quý vị nhớ tu là chuyển hóa những tâm niệm xấu xa, yếu đuối, hèn nhát trở thành dũng mãnh, tốt đẹp. Nếu chúng ta muốn cái gì được cái ấy, chỉ có một chiều đi lên thì quá thỏa mãn, còn gì đâu để tu. Như thế càng tu chỉ càng tăng trưởng lòng tham, mà nếu tăng trưởng lòng tham thì chưa thật biết tu.

Phật tử chúng ta tu muốn cái gì cũng tốt đẹp hết. Đi chùa thì xin Phật cho con được bình an, được ít bệnh, gia đình được khỏe mạnh, làm ăn đâu được đầy. Như vậy quý vị đi chùa để tu hay đi chùa để xin? Nếu xin thì khỏi tu, mà tu thì khỏi xin.

Trong kinh Phật nói bố thí, cúng dường phước vô lượng. Nhưng Phật tử chúng ta bố thí thì đòi hỏi phải được phước, cúng dường thì phải được cái gì. Thí dụ như gần rằm tháng bảy, Phật tử muốn phóng sanh cho có phước nên mua chim, chờ tới ngày rằm đem vô chùa nhờ quý thầy tụng kinh cầu nguyện rồi thả ra. Nhưng cầu nguyện cho ai? Cầu nguyện cho mình được sống dai, gia đình được khỏe mạnh v. v... Như vậy thả chim vì lòng từ bi hay vì lòng ích kỷ? Sao chúng ta tu mà ích kỷ quá chừng. Bắt chim đem thả để mình được sống dai, chớ không nghĩ thương con chim đang bị nhốt khổ sở, mình thả cho nó tự do, bay khắp tứ phương kiếm ăn thông thả. Rõ ràng nói tu chớ thật ra không tu gì hết.

Có khi quý thầy bạn, để lồng chim từ sáng tới chiều tối mới rảnh tung kinh, chim bị chết lên chết xuống trong lồng trông thật tội nghiệp. Chúng ta tham được sống lâu, được mạnh khỏe mà thả chim chứ không phải vì thương con chim. Phật tử kiểm lại xem sẽ thấy việc làm của mình trái với đạo lý mà chúng ta làm tưởng là đúng đạo lý. Chúng ta tu thì phải khởi lòng từ bi thương chúng sanh bị khổ, bị nhốt, chúng ta mua để thả nó được tự do. Một giờ tự do là một giờ tốt, nếu thả sớm thì được nhiều giờ tốt. Đẳng này chờ cho nó đuối hoặc có khi chết mà vẫn chưa được thả vì còn chờ cầu nguyện cho mình. Đó là điều hết sức sai lầm. Vì tu là phát tâm từ bi rộng lớn, tu là có trí huệ sáng suốt, chớ đâu phải tu là ích kỷ.

Lại một chuyện nữa, Phật tử chúng ta đi chùa, cúng chùa và cho đó là tu. Đi chùa, cúng chùa là làm phước chớ không phải tu. Tu là sửa đổi thói hư tật xấu của mình trở thành tốt. Cúng chùa, cúng Tam Bảo là tu phước, chớ không phải tu sửa lại chính mình. Vì lòng kính trọng Tam Bảo nên chúng ta đi chùa lễ Phật, cúng dường Tam Bảo cho chư Tăng có phương tiện tu học, và xây dựng chùa chiền làm nơi tín ngưỡng cho mọi người.

Chúng ta cúng dường để Tam Bảo thường còn ở thế gian, đem lại lợi ích cho chúng sanh, chớ không phải cúng dường Tam Bảo để cầu cho mình được mạnh giỏi, cho mình làm ăn được phát tài. Vậy mà Phật tử đi chùa đốt ba cây hương nguyện vái tứ tung, xin đủ thứ hết. Lễ vật dâng cúng chừng vài mươi ngàn mà nguyện xin Phật ít nhất cũng vài trăm ngàn! Đồi chác như vậy xem ra nặng lãi quá phải không?

Thêm trường hợp này nữa, có Phật tử đến chùa thường mà gia đình có người bệnh hoạn, nếu thầy không tới thăm thì buồn liền, vì nghĩ mình lo cho Tam Bảo quá mà thầy không lo lại cho mình. Quý vị thấy chúng ta làm việc gì cũng nặng về bản ngã, chớ không phải thật lòng vì Tam Bảo. Nếu thật lòng vì Tam Bảo thì cứ làm để Tam Bảo được trang nghiêm, được thường còn là đủ rồi. Chuyện bệnh hoạn riêng tư của gia đình mình, thầy rảnh đi thăm cũng tốt hoặc thầy bận chưa đi thăm được cũng vui vẻ. Đó là Phật tử hiểu biết chữ tu trong nhà Phật.

Đến đây tôi nhắc chư Tăng, Ni và quý Phật tử về hạnh bố thí. Chúng ta nguyện tu hạnh bố thí mà cả năm không ai đến xin mình đồng xu nào hết thì có gọi tu hạnh bố thí được không? Nếu nguyện tu hạnh bố thí thì được người đến xin, chúng ta nên mừng vì có đủ duyên để làm tròn hạnh nguyện của mình. Bố thí là buông xả của mình ra giúp cho người. Xả được lòng tham thì xóa hết tâm tham lam của mình. Nên giúp cho người thì ta phải mang ơn người, vì nhờ người mà ta xóa được lòng tham của chính mình.

Thế nên chư Tăng, Ni cũng như quý Phật tử khi cho ai vật gì, người đó không vái chào, không cảm ơn, chúng ta có trách họ không? Phải hiểu rằng chúng ta tu hạnh bố thí thì người đến xin là người giúp mình thực hành hạnh bố thí, phá

trừ thói xấu tham lam, thêm một bước tiến trên đường tu, nên người xin là người mình phải mang ơn. Có thể mới thật là tâm đạo đức, biết hành hạnh bố thí. Nếu nói tu hạnh bố thí mà nay người này xin, mai người kia xin, một người nợ xin, mình phát cái lên thì hạnh bố thí vừa mới mở cửa đã bị đóng lại rồi. Chúng ta muốn tròn hạnh nguyện bố thí thì gặp mọi người đến xin đều mừng vui cho hết.

Trong kinh Đại Bát Nhã kể các vị Bồ-tát tu hạnh bố thí, khi có người đến xin mà các Ngài không có gì cho liền tủi khóc. Như vậy mới gọi là lòng từ bi bố thí. Còn chúng ta nếu hứa cho ai mười ngàn, người ta tới mà chúng ta hết tiền, không có mười ngàn liền nổi quạu lên. Như vậy có lòng từ bi không? Tất cả chúng ta tu phải có cái nhìn đúng với lẽ thật. Nếu tu hạnh bố thí là vì khỏi lòng từ bi để dẹp trừ lòng tham lam, thì khi có người tới xin chúng ta phải thấy xót xa, giúp được hay không được cũng thương họ chớ không giận, không buồn. Như vậy mới là người tu chân chính.

Giờ nói đến tu hạnh nhẫn nhục. Giả sử có chư Tăng, Ni hay Phật tử nào phát nguyện tu hạnh nhẫn nhục mà đi ra ai cũng khen ngợi mình, thì quý vị có nhẫn được không? Nếu không thì tu hạnh nhẫn nhục chừng nào mới thành công. Khi chúng ta tu hạnh nhẫn nhục, phải có người tới tìm cách này, cách nọ, nói xấu hoặc nhục mạ, chửi bới chúng ta đủ điều để thử sức nhẫn của mình. Đó là những người thân của mình, vì họ muốn thành tựu công đức nhẫn nhục cho mình nên họ mới làm như vậy.

Trong kinh Phật dạy: "Người tu hành chân chính, có ai đến phá phách làm trở ngại thì người đó bị tội phải đọa địa ngục. " Như vậy chúng ta tu hành chân chính mà có người lại chửi bới phá phách mình thì người đó hết sức vì mình, hết sức thương mình họ mới dám làm, vì biết phải đọa địa ngục. Nên chúng ta phải quý kính người đó hơn. Người ấy đã gan dạ dám vào địa ngục để giúp cho mình tiến lên, thì còn gì hơn nữa! Nếu nghĩ như vậy thì quý Phật tử còn ghét ai không?

Cho nên tất cả Phật tử khi phát tâm tu, cũng như chư Tăng, chư Ni khi phát tâm xuất gia vào đạo, nếu có ai bị khinh chê, bị mắng chửi, bị hủ nhục thì cứ cười: "Tôi rất mang ơn quý vị đã giúp tôi nhiều! " Cứ một câu đó nói hoài, không buồn, không giận, đó là người thứ thiệt. Ngược lại, vừa bị nói nặng một chút, liền giận năm bảy ngày, tìm cách này cách kia trả thù lại, thì đó là thứ giả rồi.

Chúng ta xét cho thật kỹ mới thấy trên đường tu thật ra trở ngại nhiều chừng nào thì đạo đức tăng trưởng nhiều chừng ấy. Thí dụ có thầy nào đó quen nói: "Tôi nóng lắm, đừng có chọc tôi! " nếu lỡ có huynh đệ làm giận liền tát tai người ta hoặc là âm lên, huynh đệ sợ quá bỏ chạy. Như vậy, càng thắng người bao nhiêu thì cái dở càng đậm, càng nhiều bấy nhiêu. Chỉ khi nào bị người ta chửi mình hoặc làm nhục mình mà mình vẫn cười, đó mới thắng.

Thế nhưng Phật tử chúng ta cứ nói nhịn là nhục nên không chịu nhịn vì sợ nhục. Tôi thường nói sự nóng nảy của mình là một tật xấu. Khi ý dấy lên, chúng ta không thắng được nó là đã xấu rồi, huống nữa miệng nói thân làm để người khác phải giận, phải buồn thì càng khổ thêm. Chúng ta tu phải làm sao thắng được sự nóng giận. Thắng được mới thấy sức nhẫn nại mạnh mẽ của chúng ta.

Bởi vậy đức Phật đã dạy trong kinh Pháp Cú: "Thắng một vạn quân không bằng thắng mình. Thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất." Thiên hạ cứ ưa thắng người ngoài mà không chịu thắng mình. Thắng người ngoài thì thêm hờn thêm oán, còn thắng được mình mới là thành công trên đường tu. Như vậy chúng ta tu cần phải chấp nhận những điều xấu, những điều không hay để thấy được tâm niệm mình.

Thí dụ ở thế gian, nếu chúng ta làm ăn năm nay phát tài, năm tới phát tài, năm nào cũng phát tài hết thì càng tăng trưởng thêm lòng tham. Nhiều tiền là sung sướng hay cực khổ? Tôi thấy nhiều tiền không phải là sung sướng đâu. Nhiều tiền cứ lo sợ mất, lo gìn giữ, càng thêm khổ. Chúng ta tu dù ở trong cảnh ngộ nào chúng ta cũng hằng biết rõ cái được, cái mất là vô thường. Được cũng không mừng nhiều, mất cũng không buồn nhiều. Đó là mình tu tiến. Vậy chúng ta muốn tiến tu phải dùng trí tuệ thấy rõ được những điều hay, không nên dùng tình cảm nhìn theo thói quen. Bởi theo thói quen nên khi gặp trở ngại gọi là chướng. Ngược lại, dùng trí tuệ thì trở ngại là thắng duyên giúp mình vượt lên, đạt được đạo đức tốt, không có gì phải buồn.

Đến tu hạnh tinh tấn. Nếu người tu hạnh tinh tấn phát nguyện: "Đêm nay con tụng kinh hoặc con ngồi thiền ba thời," nhưng mới hành được một hai đêm liền phát bệnh. Như vậy có chướng không? Nếu người không biết thì nói bị chướng. Hiểu như vậy là sai.

Nếu mình mạnh thì ngồi thiền, tụng kinh; còn đau thì nằm đó tu. Quý vị nghĩ khi bệnh tu không được sao? Nếu bệnh chúng ta nằm nhìn từ đầu đến chân, rõ ràng Phật nói thân này đau khổ, đủ thứ đau, nhức chỗ này, mỏi chỗ kia. Phật nói thân này vô thường ta thấy rõ: mới hôm qua mạnh, bữa nay yếu, mai kia sẽ hoại. Quán chiếu soi xét đúng như lời Phật dạy như vậy là tu rồi. Không phải vì bệnh mà chướng. Nếu thấy bệnh chướng là do chấp tu phải tụng kinh, ngồi thiền, còn nằm trên giường không tu được, đó là cố chấp chứ không phải tu.

Khi có người phát tâm tinh tấn tu hành nhưng gặp thời tiết nóng quá hoặc lạnh quá, ngồi thiền không nổi, như vậy thì sao? Khi chúng ta đã quyết tâm tu, dù nóng hay lạnh cũng không nản chí. Nóng thì tu theo nóng, lạnh thì tu theo lạnh. Chúng ta khéo ứng dụng tu tùy theo thời tiết, chứ không bỏ, không thoái lui. Có như vậy mới tròn hạnh tinh tấn. Người tu bây giờ có bệnh, mặc dù ham tu, nhưng thấy trong người uể oải nên tới giờ tụng kinh xin nghỉ, viện lý do bữa nay nhức

đầu quá, ngồi thiền không được. Cứ hện mai, hện một như vậy hoài, người đó gọi là tinh tấn không hay là giải đãi.

Tôi nhớ lúc tôi ở Thiên Duyệt Thất, hôm đó mới cạo tóc mà cạnh thất có một tổ ong vò vẽ. Thấy cái đầu tôi trắng bóng, nó chích cho một cái đau chảy nước mắt. Khi đó chẳng lẽ ngồi chịu đau, tôi vô lấy bồ đoàn ngồi thiền. Ngồi một hồi quên mất, hết đau hồi nào không hay. Nên chúng ta phải can đảm một chút thì cái đau nó sẽ qua. Nếu mình cứ sợ đau nhức rồi nằm đó rên thì có hết nhức không? Thôi thì đi ngồi thiền xem thử nó thắng mình hay mình thắng nó. Vượt qua được, hết đau là mình thắng nó.

Quý vị tu thiền, sắp tới giờ tọa thiền, thấy trong người khó chịu như nhảy mũi, ho, v. v... nếu làm biếng thì đổ thừa bệnh rồi nghỉ. Người tinh tấn vẫn cứ ngồi. Nhờ ngồi nên trong người nóng lên, toát mồ hôi, hết bệnh. Như vậy người ấy thắng được bệnh. Vậy tinh thần tinh tấn là sức mạnh để thắng sự yếu đuối, hèn nhát của chính mình, do đó thắng được tất cả những cơn bệnh. Người tu hành tinh tấn ít sợ bệnh hoạn, vì có thể vượt qua nó, không bị nó làm chủ mình. Muốn vượt qua tất cả thì phải gan, dám ngồi chết trên bồ đoàn mới có thể vượt qua được, bằng không dám thì không thể vượt qua nổi.

Tóm lại, chúng ta tu hành muốn đầy đủ hạnh từ bi, đầy đủ hạnh nhẫn nhục, thì tất cả những trở ngại, tất cả những nghịch duyên ở bên ngoài đối với chúng ta đều là cơ hội tốt, không có chi là xấu hết. Những người gây trở ngại cho mình mới thật đáng mang ơn, chớ không phải người thù oán. Hiểu được như vậy trên đường tu mới không thối chuyển, mà còn chuyển được tất cả những chướng duyên trở thành thắng duyên.

Quý vị dù xuất gia hay tại gia, nếu đã quyết tu rồi thì phải can đảm, phải thấy đúng như thật để chúng ta không bị các duyên làm trở ngại phải thối tâm, lùi bước trên đường tu. Lúc nào ta cũng hăng hái, nỗ lực tiến lên cho tới ngày thành tựu đạo quả Bồ-đề mới tròn sở nguyện của mình. Được như vậy mới là người cầu giải thoát sinh tử.

Tất cả Phật tử nghe hiểu rồi phải mạnh mẽ nhìn đúng như thật, thì tôi bảo đảm quý vị trên đường tu càng ngày càng tiến, càng ngày càng cao thượng, ngày càng gần các bậc Thánh hiền, chớ không xa nữa. Còn ngược lại thì xa lác. Tôi nói bao nhiêu đó cũng quá đủ rồi. Mong quý vị thực hành đạt được nhiều kết quả tốt đẹp.

ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO NHƯ THẬT

Giảng tại Long An

Ngày 19-7-2000 - Canh Thìn

Buổi giảng hôm nay, chúng tôi nói về đề tài Đạo Phật là đạo như thật. Quý vị nghe hiểu và ứng dụng tu hành, để mỗi ngày mỗi tiến hơn trên đường giác ngộ giải thoát.

Đức Thế Tôn sau khi giác ngộ thành Phật, Ngài vì thương tất cả chúng sanh, nên những gì thấy biết, Ngài muốn đem chỉ dạy lại hết cho tất cả mọi người đều thấy, biết và được giải thoát sinh tử như Ngài. Vì vậy giáo lý Phật nói là giáo lý chuyên dạy tu hành để thoát ly sinh tử.

Sau khi thành đạo, đức Phật nhìn lại kiếp sống của con người thật là đau khổ. Nỗi đau khổ đó không chỉ đói cơm, rách áo mà là nỗi khổ trầm luân sinh tử muôn đời muôn kiếp, không ra khỏi được. Trong kinh A Hàm, đức Phật dạy rất rõ: "Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước bể cả". Hoặc có khi Phật nói: "Ở trong địa ngục bị thiêu đốt chưa phải là khổ, làm trâu ngựa kéo cày bị đòn bị đánh chưa phải là khổ, làm ngựa quý đói khát lang thang chưa phải là khổ. Chỉ người si mê không biết lối đi mới thật là khổ". Nghe những câu này, nhiều người đánh giá đạo Phật là đạo bi quan.

Chúng ta thử nghiệm lại ý nghĩa Phật nói qua hai câu trên như thế nào? "Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước bể cả", Phật nói như vậy có quá đáng không? Bởi tất cả chúng ta mang thân thể này, hình vóc này, chúng ta tự hào mình đẹp, khỏe mạnh, vui tươi v. v... Ngỡ mình là như vậy. Nhưng với con mắt giác ngộ của Phật thì thấy thân chúng ta hiện mang đây là thân tạm bợ, giả dối mà chúng ta lầm tưởng thật và quý. Tại sao vậy?

Như tôi thường nói, thân của chúng ta hiện giờ là do tứ đại, đất nước gió lửa kết hợp mà thành. Chất cứng trong người là đất, chất ướt trong người là nước, chất động trong người là gió, chất ấm trong người là lửa. Thiếu một trong bốn thứ đó thì chúng ta chết ngay. Như vậy sống là do tứ đại bên trong kết hợp với tứ đại bên ngoài phụ trợ hằng giờ hằng phút.

Như hiện giờ quý vị cứ ngỡ mình đang ngồi thanh thoi, không làm gì hết. Nhưng thật ra quý vị đang làm việc đó chứ. Lỗ mũi hít vô thở ra, hít vô thở ra, có khi nào không thở đâu. Nếu thở ra mà không hít vô thì chết mất. Vậy chúng ta

ngồi tưởng là thanh thoi, tưởng là vui sướng, nhưng thực sự vừa ngồi vừa mượn không khí đem vô trả ra, đem vô trả ra. Cứ mượn trả đều đều như vậy. Một lát chúng ta phải uống tách nước. Uống vô chừng vài ba tiếng lại phải trả ra. Chúng ta dùng cơm, dùng các thức ăn có chất bột là mượn đất. Dem vô rồi cũng phải trả ra. Đó là máy tốt, chớ nếu máy xấu, đem vô mà không trả ra được cũng khổ. Cho nên chúng ta đang làm việc liên tục mà không biết.

Sự sống của chúng ta là sự sống vay mượn. Sự sinh tử của chúng ta cũng đều là sự sinh tử vay mượn. Mượn đất, mượn nước, mượn gió, mượn lửa để nuôi dưỡng thân này. Còn mượn còn trả là còn sống. Nếu trả ra mà không mượn lại là chết. Như vậy do vay mượn tứ đại để có sự sống, thì cái gì là thật mình. Không thật mà tưởng là thật, đó là ảo tưởng.

Phật nói thân ngũ uẩn do duyên hợp hư giả nên không có ngã. Đó là thuyết vô ngã. Nhiều người không hiểu nghe nói thân này vô ngã, liền nghĩ vô ngã là không có ta. Nếu không có ta thì cái gì biết đau khi mình bị va chạm. Cho nên vô ngã là không có một chủ thể cố định. Những gì do duyên hợp thì không có chủ thể, không cố định. Ví như cái đồng hồ, nếu chịu khó mở ra thì thấy chỉ là một nhóm các thứ ráp lại, tạm gọi là đồng hồ. Đồng hồ chỉ là giả hợp chứ không có chủ thể. Nếu có chủ thể thì nó phải nguyên vẹn, không đợi duyên hợp.

Thân chúng ta cũng vậy, duyên hợp tạm có khi duyên tan thì thân này cũng rã ra. Như vậy nói thật được không, cái gì là chủ thể? Chữ ngã tức là thừa nhận có một chủ thể nguyên vẹn. Không có chủ thể nguyên vẹn thì gọi là vô ngã. Nên biết vô ngã là không có chủ thể, chứ không phải không có giả tướng duyên hợp.

Trong kinh Niết Bàn đức Phật dùng ví dụ tứ xà đồng nhiếp, tức là bốn con rắn ở chung trong một cái giỏ. Có người chủ đem bốn con rắn độc nhốt chung ở trong một cái giỏ. Ông cứ đem thức ăn đến nuôi nó. Đứa nào chống cự thì ông tìm cách can khuyển, giải hòa cho nó không còn chống cự nhau. Thế nhưng bốn con rắn đó cứ chống cự nhau hoài, không lúc nào chịu yên, nên người chủ nuôi rắn rất cực. Phải săn sóc cho nó ăn uống, rồi phải điều hòa cho nó không có chống cự nhau. Nhưng một ngày nào cái giỏ lung, bốn con rắn mạnh đứa nào đứa nấy chạy đi.

Phật thí dụ thân tứ đại của chúng ta: đất, nước, gió, lửa hợp thành như cái giỏ chứa bốn con rắn. Bốn chất này hòa nhau hay luôn luôn chống đối mâu thuẫn nhau. Lửa với nước, gió với đất luôn nghịch nhau. Nước nhiều thì lửa tắt, lửa nhiều thì nước khô... Cho nên trong người nóng quá thì phải kiếm đồ mát uống vô mới yên. Còn trong người nước nhiều quá, thì phải ăn đồ ấm cho hòa lại. Mỗi khi trúng gió râm đau cả người, phải cạo gió cho nó giãn nhẹ lại. Như vậy trong cuộc sống hiện giờ, chúng ta là một anh thợ nuôi rắn với hai công việc, cho ăn và điều hòa nó.

Một người lo điều hòa bốn con rắn nghịch nhau thì sung sướng hay cực khổ? Thế mà giò lũng, mấy con rắn chạy đi thì tiếc, lại kiếm bốn con rắn khác nuôi nữa. Cứ như thế, đời này đời nọ liên tục, cộng lại khổ chừng bao nhiêu. Nên cuộc sống của chúng ta thật giống như con dã tràng xe cát biển đông. Nuôi thân này, lo cho thân này đủ thứ, như vậy đã cực rồi nhưng tới chừng hết duyên, thân rã rồi lại thương tiếc, muốn tìm thân khác.

Cứ mỗi lần được thân, lo cho thân ta khổ. Mỗi lần mất thân ta cũng khổ. Mỗi lần khổ như vậy thì chúng ta rơi nước mắt. Nước mắt rơi một đời, hai đời cho tới vô số đời cộng lại thì bằng nước bể cả. Cho nên Phật nói nước mắt chúng sanh nhiều như bể cả. Chúng ta cứ ngỡ Phật nói quá đáng, làm sao một đời người mà nước mắt như bể cả được. Chẳng qua đức Phật muốn chỉ nỗi khổ trầm luân muôn kiếp của chúng sanh không biết đâu là cùng tận.

Cho nên mục đích của chúng ta là giải thoát sanh tử, để giải khổ trầm luân chứ không phải tu để giải quyết việc ăn mặc. Như vậy giải thoát khỏi nghiệp không phải là chuyện tướng tượng mà là sự thực. Muốn cứu khổ chúng sanh đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu, để không còn có chấp thân năm uẩn này là ta. Có thể khi thân này rã rồi mới không tiếc giữ, không còn tiếp tục sinh thân khác nữa. Đó là giải thoát sinh tử.

Muốn được vậy chúng ta phải biết lỗi đi, phải biết pháp tu chứ không chỉ tướng tượng. Cho nên đức Phật nói: "Ở trong địa ngục bị thiêu đốt chưa phải là khổ, làm trâu ngựa kéo cày bị đòn bị đánh chưa phải là khổ, làm nga quỷ đói khát lang thang chưa phải là khổ. Chỉ người si mê không biết lỗi đi mới thật là khổ". Gốc của khổ là si mê. Do si mê nên chấp thân thật, vì vậy thân này mất liền chụp thân khác. Cứ thế đời đời đi trong sanh tử không cùng.

Chúng ta tu Phật, ai ai cũng đều mong được giải thoát sanh tử. Nhưng muốn giải thoát trước phải giác ngộ. Giác ngộ là thấy, biết đúng như thật về con người và mọi sự vật chung quanh. Như biết các pháp vô ngã, do duyên hợp không có chủ thể. Thân này cũng vậy, không thật. Nếu thấy biết đúng như vậy thì không đắm luyến, chạy theo ngoại cảnh và chấp giữ thân. Ngược lại, nếu không thấy đúng như thật, chúng ta cứ tạo nghiệp sanh tử không có ngày cùng. Vì vậy Phật thương xót, muốn cho chúng ta thức tỉnh, thấy đúng như thật, để không bị nhiễm nhơ, không bị khổ trong luân hồi sanh tử nữa. Đó là giải thoát sanh tử.

Muốn thấy đúng như thật chúng ta phải có trí tuệ. Mỗi tối quý vị tụng Tâm kinh Bát-nhã, trong đó câu "Quán Tự Tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách". Nghĩa là Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã rồi, Ngài xem thấy năm uẩn là không, cho nên vượt qua hết khổ nạn. Bây giờ quý vị đọc thuộc lòng, nhưng đã hết khổ nạn chưa? Chẳng lẽ Phật nói không thật, tại sao chúng ta lại không hết khổ?

Đó là điều tôi muốn chỉ cho quý vị thấy. Phật dạy là chân lý, là lẽ thật nhưng vì chúng ta hiểu, làm chưa đúng nên không hết khổ. Khi xưa tôi đọc bài giảng về Bát-nhã của ngài Thái Hư, tôi thấy Ngài dùng thí dụ thật hay. Bát-nhã có chia làm ba phần: Văn tự Bát-nhã, Quán chiếu Bát-nhã, Thật tướng Bát-nhã. Văn tự là bước đầu, Quán chiếu là bước thứ hai, Thật tướng là bước thứ ba tức chỗ cứu kính. Như vậy học Bát-nhã phải biết từng thứ bậc. Nhưng chúng ta thường chỉ hải lòng ở chỗ Văn tự thôi. Đọc thuộc đủ rồi, bỏ hai giai đoạn sau.

Trong kinh Bát-nhã nói phải chiếu kiến năm uẩn đều không mới qua hết khổ nạn. Chúng ta chỉ có văn tự, không quán chiếu thì làm sao hết khổ nạn. Như vậy lỗi tại ai? Lỗi tại chúng ta chưa làm đến nơi đến chốn, chưa nhận đủ ý nghĩa Phật dạy. Nên ngài Thái Hư dùng thí dụ, như có người muốn qua sông gấp, khi xuống thuyền sẵn chèo sẵn dầm, mà không chịu bơi, không chịu chèo. Cứ ngồi đợi mãi thì qua sông được không? Chiếc thuyền dụ cho Văn tự Bát-nhã, chèo dầm là dụ cho Quán chiếu Bát-nhã, tới bờ kia là dụ cho Thật tướng Bát-nhã.

Chúng ta chỉ tụng thuộc lòng bao nhiêu đó cho là đủ rồi. Năm này tới năm khác, tu hoài mà vẫn không hết khổ nạn. Bởi vì có chèo thuyền đâu mà đến được bờ kia. Bây giờ nếu chịu khó chiếu kiến, tức là soi kỹ năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Xem thấy những thứ đó duyên hợp, hư dối không có chủ thể, nên tuy nó hiện có nhưng chỉ là thân tạm bợ giả dối. Thấy thân tạm bợ giả dối thì có ai chửi mình không giận, ai khinh mình không buồn. Bởi thân còn không thật thì lời chửi lời khinh kia có nghĩa gì đâu.

Chúng ta tu mà không quán chiếu, cứ hải lòng trong việc tụng đọc hàng tháng hàng năm. Rồi nói tôi tu mấy chục năm mà mù mù, mịt mịt không giải thoát tí nào cả. Tại chúng ta tu không đúng với lời Phật dạy, làm sao giải thoát được. Phật bảo chỉ cần soi thấy năm uẩn đều không, thì hết đau khổ. Đó là thấy bằng trí tuệ, trí tuệ biết rõ các pháp duyên hợp không có thực thể. Do không có thực thể, duyên hợp tạm có, chứ không phải là không.

Ví như bên hồ nước trong vào đêm rằm. Đứng trên bờ ta nhìn thấy bóng mặt trăng dưới đáy hồ. Có người hỏi mặt trăng dưới đáy hồ là thật có hay thật không, chúng ta trả lời làm sao? Nếu nói thật có, tại sao đưa tay vớt không được. Nếu nói thật không, tại sao mắt thấy mặt trăng rõ ràng dưới đáy hồ. Vì vậy chúng ta không khẳng định thật có hay thật không. Đó chỉ là bóng mặt trăng hư giả, tạm có, không thật. Mặt trăng thật ở trên. Thấy như vậy là thấy đúng lẽ thật. Cho nên tánh Không của Bát-nhã không phải là không ngờ. Đó là tánh duyên khởi của các pháp.

Khi quán chiếu thấy thân tạm bợ giả dối, không thật thì qua hết các khổ. Chứ không phải tụng kinh mà hết khổ được. Tụng kinh là dùng văn tự để quán chiếu. Quán chiếu thấu đáo rồi chúng ta mới hết khổ. Như vậy người muốn qua

sông thì phải chèo thuyền. Chùng nào tới bờ rồi, tức là đã đạt được mục đích, mới gọi là đến được chỗ Thật tướng.

Chúng sanh luôn vui trong cái giả tạm, mà không ngờ nỗi khổ đã ngầm ngầm ở bên trong. Dù cho của có chất bằng núi, nhưng khi bệnh chết chúng ta có đôi được không? Đó là một lẽ thật. Phật chỉ cho chúng ta muốn thấy lẽ thật ấy phải dùng con mắt trí tuệ. Bát-nhã chính là trí tuệ.

Mỗi đêm chúng ta tụng Bát-nhã mà không có trí tuệ gì hết vì đó chỉ là Văn tự Bát-nhã thôi. Cần phải tiến sang bước thứ hai là Quán chiếu Bát-nhã. Có quán chiếu mới đi đến Thật tướng Bát-nhã. Cho nên người đã hành thâm Bát-nhã rồi thì khi chết, các Ngài xem như trò chơi, vui vẻ cười ra đi. Còn chúng ta gần chết thì khổ sở, rên la đủ hết. Đó là do thấy thân thật nên sắp mất sợ hãi, khổ đau vì tiếc thân. Đây chính là lý do để có thân đời sau. Như vậy để thấy si mê của con người thật đáng thương!

Lời Phật dạy không phải là lời nói suông mà là lời nói như thật. Chỉ vì chúng ta hiểu sai, làm sai nên tu không có kết quả, chứ lời Phật dạy không bao giờ sai. Người thấy đúng như thật là người trí tuệ. Người thấy sai lầm là người si mê. Trên đường tu, chúng ta phải mở sáng con mắt trí tuệ thì mới hết đau khổ. Đó là điều tất yếu.

Trong nhà Phật thường nói lý nhân quả. Như gieo nhân nào thì được quả nấy. Song thật ra nhân quả cũng không thật có cố định. Đứng về mặt thời gian thì có quá khứ, hiện tại, vị lai. Đứng về mặt không gian, tức là nhân duyên thì có các duyên tụ hợp lớn, nhỏ... Đức Phật nói tất cả sự việc xảy ra đều đi từ nhân đến quả, chứ không có cái ngẫu nhiên. Nhân quả có nhiều mặt, từ cạn đến sâu.

Thí dụ anh nông phu lựa giống tốt, anh cứ ngỡ gieo giống tốt sẽ gặt được quả tốt. Nhưng đến mùa, anh gặt kết quả rất ít ỏi. Như vậy nhân quả không giống nhau. Đó là vì anh không hiểu nhân quả có nhiều mặt, thuận nhân, nghịch nhân, chánh nhân, trợ nhân. Hạt giống tốt là chánh nhân; khi gieo xuống đất, chúng ta còn phải săn sóc đàng hoàng, cộng thêm có phân bón, có nước, nhổ cỏ, bắt sâu rầy... Những trợ nhân đó đầy đủ thì thu hoạch mới đúng như mình mong muốn. Có chánh nhân mà thiếu trợ nhân thì không được kết quả tốt hoàn toàn. Rồi còn thuận nhân nghịch nhân. Thuận nhân là mưa thuận gió hòa. Ngược lại, cây lúa gieo xuống mà bị sâu bị rầy đục phá là nghịch nhân. Nếu gặp nghịch nhân mà mình không trừ được thì kết quả cũng không có gì.

Như vậy gieo nhân rồi, còn phải có chánh trợ thuận nghịch nữa, chứ không phải gieo nhân là được quả liền. Người ta hay nói gieo nhân nào thì gặt quả nấy. Tuy nhiên, nếu gieo nhân mà không đủ các duyên phụ trợ thì không được kết quả

như ý đâu. Có trợ mà bị nghịch duyên thì cũng không có kết quả như ý. Nên biết nhân quả rất đa dạng, chứ không phải chỉ có một chiều.

Nếu một người làm ruộng cứ nghĩ rằng mình làm ăn được mùa là nhờ trời Phật gia hộ, chứ mình không có tài cán gì. Nếu nghĩ thế thì không nhổ cỏ, không vô nước, không bón phân v. v... thử xem trời Phật có cho trúng không? Nên phần nhiều người ta hiểu nhân quả thật nông nổi.

Trên thế gian này có sự vật nào tự nó thành hình mà không cần nhân quả không? Cuộc sống của chúng ta cũng vậy. Không phải bỗng dưng có chuyện khổ hoặc bỗng dưng có chuyện vui đến với chúng ta. Cái khổ cái vui đến với chúng ta đều từ nhân thành quả. Như chúng ta thấy một người gặp cơn hoạn nạn khó khăn, chúng ta thương muốn giúp đỡ họ. Người được giúp đỡ qua cơn hoạn nạn rồi thì họ quý mến chúng ta. Sự quý mến biết ơn đó là quả tốt. Vậy quả tốt đó từ đâu ra, từ mình biết gieo nhân tốt, giúp đỡ người gặp hoạn nạn.

Nếu mình xử sự xấu tệ với mọi người, thì có ai thương quý mình không? Hẳn là không. Nên nhân xấu không thể đem lại quả tốt. Nhưng có nhiều người đến hỏi tôi: "Thưa thầy con là Phật tử, con rất tin nhân quả. Từ khi bắt đầu lớn khôn con biết sợ quả ác nên không dám tạo nhân dữ, luôn tạo nhân lành. Nhưng sao tới bây giờ, con đã già mà thấy phần nhiều quả xấu, không thấy quả lành. Như vậy nhân quả có đúng không? "

Tôi đáp: "Đạo hữu nói như vậy là chưa hiểu nhân quả. Nếu hiểu nhân quả thì phải hiểu nhân quả có trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Ví như có một chủ phố vừa bán căn nhà trong dãy phố. Người mua căn nhà ấy mở tiệm làm ăn ngày càng phát đạt. Đến cuối năm, hàng xóm lại hỏi: "Năm nay anh làm ăn dư giả nhiều không? " Người chủ tiệm nói: "Tôi làm suốt năm nay mà còn thiếu nợ một ít". Tại sao làm ăn phát đạt mà lại nói thiếu nợ? Bởi vì hồi mua căn phố này, người ấy đã vay nợ. Cho nên bây giờ làm có tiền nhưng trả chưa hết thì vẫn còn thiếu nợ". Nhân ví dụ này, người Phật tử ấy hiểu ra.

Chúng ta không thể định đoạt nhân quả trong một đời mà phải liên hệ tới quá khứ, vị lai. Ngày nay chúng ta làm lành mà vẫn gặp tai nạn, gặp khó khăn thì biết nợ đời trước mình trả chưa hết. Do đó không nên trách trời trách đất, mà phải can đảm nhận lấy trách nhiệm cũ của mình. Quả đến thì chịu, trả hết đừng vay thêm. Hiện tại mình cứ gieo nhân tốt, không bận lòng vì những quả xấu. Trả hết quả xấu rồi thì quả tốt nó sẽ đến thôi. Cũng như anh vay tiền mua nhà, làm cả năm mà trả chưa hết nợ, nhưng cứ hoan hỉ trả. Năm nay trả chưa rồi thì năm tới trả, trả mãi cũng sẽ hết.

Nhân quả liên hệ tới ba đời, nên có những oan trái chúng ta không gây trong đời này mà nó vẫn đến với chúng ta. Chúng ta phải hiểu và can đảm nhận

trách nhiệm của mình. Như vậy là chúng ta tin sâu lý nhân quả, sống được với lý nhân quả. Đó là điều hết sức rõ ràng.

Ngày nay chúng ta làm những điều hay, điều tốt mà không hưởng được gì cũng đừng sợ. Nó sẽ không mất đâu. Khi trả hết nợ cũ, quả tốt sẽ đến với mình. Vì nhân quả đời này chưa hưởng thì đời sau sẽ hưởng. Ba thời luôn liên hệ chặt chẽ với nhau. Hiểu như vậy, chúng ta trở thành con người can đảm, gan dạ. Mình gây nhân thì chịu quả, chứ không trốn tránh sợ sệt. Những gì đến với mình, mình sẵn sàng chấp nhận, không giận không hờn ai hết. Đó là tu, là chuyên nghiệp.

Chúng ta có bệnh, tin nhân quả thì tin nhưng giúp đỡ ai một thời gian, người đó làm trái ý mình thì mình giận, thù, đủ thứ hết. Mình cho người đó là kẻ xấu xa, tội lỗi. Không ngờ đó là nợ cũ mình phải trả. Nếu hiểu được lý nhân quả thì chúng ta sẽ có cách xử sự tốt trong cuộc sống. Bằng ngược lại, chúng ta tự chuốc lấy đau khổ.

Không hiểu lý nhân quả thì cũng không hiểu được thuyết luân hồi. Người ta cứ cho rằng luân hồi là sự tưởng tượng, không phải lẽ thật. Làm sao biết đời này mình làm lành, làm dữ thì đời sau trở lại lãnh thọ quả báo ấy. Nhưng thuyết luân hồi trong đạo Phật nói là một lẽ thật. Luân là bánh xe, hồi là xoay tròn. Luân hồi là bánh xe xoay tròn.

Trong con người, máu từ tim chạy ra khắp châu thân rồi trở lại tim. Tim lại đưa máu ra khắp châu thân... Cứ như vậy mà tuần hoàn, đó có phải là luân hồi không? Quả địa cầu chúng ta sống đây, nó đứng yên hay cứ xoay? Chẳng những nó xoay quanh mặt trời, mà nó còn tự xoay quanh nó nữa. Như vậy thuyết luân hồi không phải là sự tưởng tượng mà nó là một lẽ thật. Từ con người cho tới quả địa cầu đều luân hồi. Đó là luân hồi vật chất.

Đến luân hồi về tinh thần. Chúng ta chết đi có phải là mất không? Người ta nói sau khi chết mình còn linh hồn. Nói linh hồn là chưa hiểu đạo Phật. Tại sao? Bởi người ta cho rằng linh hồn anh A thì từ thủy chí chung nó vẫn như vậy thôi, không bao giờ thay đổi. A là A, nó như vậy. Đời này chết, đời sau trở lại cũng là A luôn. Nghĩa là từ đời này qua đời kia linh hồn luôn nguyên vẹn. Nếu nguyên vẹn như vậy thì người mãi là người, chó mãi là chó, không thể nào đổi khác được. Đã không đổi khác thì cần gì phải tu, cần gì làm lành tránh ác. Cho nên hiểu như vậy thật là một nguy hại lớn. Vì vậy trong nhà Phật không dùng từ linh hồn, mà dùng từ nghiệp thức.

Nghiệp thức là những phân biệt, hiểu biết do nghiệp vận chuyển. Ví dụ một đứa bé khi ở với cha mẹ hiền lành thì nó là đứa bé tốt. Chẳng may cha mẹ mất sớm, nó phải ở với những người khác hung dữ tàn bạo, thì lần lần nó cũng bắt chước hung dữ tàn bạo. Như vậy sự hiểu biết của nó khi còn ở chung với cha mẹ

khác với sự hiểu biết khi ở với người hung dữ. Nó luôn luôn thay đổi như vậy nên đâu còn nguyên vẹn nữa.

Bản thân của chúng ta cũng vậy, sự hiểu biết của mình lúc còn bé khác với sự hiểu biết khi lớn lên cho đến lúc già. Nó luôn luôn đổi thay tùy theo duyên tùy theo cảnh. Như chúng ta chưa đi tu thì chúng ta theo quan niệm người đời tranh hơn, tranh thua đủ thứ. Nhưng khi đi tu rồi chúng ta biết làm sao cho có đạo đức, làm sao cho mọi người được vui... Vì vậy mà không tranh hơn thua nữa. Cho nên sự hiểu biết đó là do nghiệp huân tập của chính mình. Huân tập nghiệp tốt thì hiểu biết chuyển theo hướng tốt. Huân tập nghiệp xấu thì hiểu biết chuyển theo hướng xấu. Không có cái nguyên vẹn như thuyết linh hồn.

Phật bảo trong thế gian có chia ra làm lục đạo luân hồi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; đó là ba đường dữ. Trời, người, A-tu-la; đó là ba đường lành. Đường lành đường dữ là do chúng ta huân tập nghiệp mà ra. Nghiệp dẫn thân thức đi thọ sanh cho nên gọi nó là nghiệp thức uẩn. Thọ sanh đời này đời kia, có khi lên, có khi xuống đủ thứ hết. Nhà Phật gọi đó là nghiệp thức chứ không phải linh hồn. Vì thức là cái đổi thay do sự huân tập của mình tốt hay xấu.

Chúng ta tu là tạo nghiệp tốt nên thân thức sẽ dẫn chúng ta thọ sanh chỗ tốt. Như vậy muốn tránh khổ ở ngày mai thì ngay đời này chúng ta phải tạo nghiệp lành, tránh nghiệp dữ. Nói như vậy quý vị sẽ có thắc mắc. Như người tu Tịnh độ niệm Phật cho tới nhất tâm bất loạn. Hoặc tu thiền đến chỗ định tâm, không còn khởi nghĩ tốt xấu, thiện ác, như vậy khi lâm chung đi đâu? Còn nghĩ là còn theo nghiệp. Hết nghĩ thì hết nghiệp. Không nghĩ thiện, không nghĩ ác; đó là chỗ Lục Tổ được tâm ấn nơi Ngũ Tổ rồi. Tôi xin nhắc lại tích truyện này một chút.

Khi được y bát ở Ngũ Tổ rồi, Lục Tổ đi về phương nam. Dọc đường có một đoàn người đuổi theo, trong đó người đi đầu là Thượng tọa Minh ở chùa Huỳnh Mai. Hồi xưa ông là một tướng cưỡi ngựa giỏi nên đuổi theo kịp. Tổ thấy rồi, Ngài để y bát ở trên bàn đá, chun vào bụi cỏ ẩn. Thượng tọa Minh đến nơi, thấy y bát mừng quá vội ôm lên nhưng ôm không nổi. Lúc đó ông biết đây là vật cao siêu, không phải lấy tâm tầm thường mà giành được, nên ông vội quỳ xuống thưa: "Hành giả, hành giả! Tôi đến đây vì pháp, chứ không phải vì y bát". Lục Tổ ẩn trong bụi liền đi ra nói: "Nếu như vì pháp thì người hãy đứng yên lặng một chút, ta sẽ nói cho". Thượng tọa Minh đứng yên lặng giây lâu, Lục tổ bảo: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác; cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?" Nghe câu này, Thượng tọa Minh liền ngộ đạo.

Thiện ác đã dứt thì hai đường lành dữ cũng dứt. Bây giờ chân tâm Phật tánh hiện bày, như vậy là giải thoát sanh tử rồi, còn thọ sanh ở đâu nữa. Cho nên người mới tu, Phật dạy bỏ nghiệp ác, làm nghiệp lành để sau khi chết, được sanh cõi lành tu tiếp. Nhưng đối với người đã có chủng tử tu thuần thực rồi, Phật dạy phải buông

cả hai bên, tâm thanh tịnh trong lặng. Tâm thanh tịnh trong lặng rồi thì dứt sạch các nghiệp. Đã hết nghiệp thì đâu còn bị nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử nữa, mà hỏi đi đâu. Chừng đó tùy duyên, mặc tình theo nguyện mà thọ sanh hoặc không thọ sanh.

Cho nên người tu thiên thì phải định, người niệm Phật thì phải nhất tâm, người trì chú thì phải được tam mật: thân khẩu ý đều mật. Vì mật mới đi tới chỗ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì không còn nghiệp nữa, không còn nghiệp là giải thoát sanh tử. Song có nhiều người lại luyến tiếc. Nếu được sanh trong nhà giàu, đẹp đẽ, nhiều tiền của thì sướng quá sao không chịu sanh, bỏ đi chi uổng. Hoặc giả được sanh lên cõi trời, muốn gì được nấy sướng biết mấy, sao không sanh lên đó. Cho nên chúng ta phải hiểu thật tường tận ý Phật muốn chỉ dạy cho chúng ta.

Trong kinh Phật dạy, nếu chưa thể giải thoát sanh tử, chúng ta nên nguyện đời sau trở lại làm người, tiếp tục tu hành, đừng cầu sanh lên cõi trời. Tại sao? Bởi vì lên cõi trời muốn gì được nấy thì không bao giờ nghĩ đến việc tu. Lại tuổi thọ ở cõi trời quá dài, khi trở lại làm người đã mất một thời gian lâu nên không tu được gì. Chỉ ở cõi người khổ vui lẫn lộn nên dễ thức tỉnh, dễ tu. Vì vậy chúng ta dễ tiến trên đường đạo. Ngay trong đời này, những người được sanh ra trong gia đình giàu sang, được nuông chiều đủ thứ hết, cũng đã khó tu rồi, huống gì sanh cõi trời. Chúng ta muốn tu là phải ở trong cảnh có khổ có vui. Nhờ cảnh khổ nên ta thức tỉnh mau, mới lo tu hành. Nhờ cảnh vui, tinh thần ta không bị bức bách ép ngặt nên có thể an sống tu hành.

Tuy nhiên, trên đường tu chúng ta không chỉ hài lòng ở chỗ được sanh cõi lành, mà phải đi tới chỗ dứt sạch nghiệp. Chỉ còn một tâm thanh tịnh thôi, đó mới là chỗ cứu kính giải thoát sinh tử. Nếu chúng ta còn kẹt một chút ham muốn cũng chưa hết dòng sanh tử. Như vậy đức Phật dạy khác hơn người đời. Người đời cứ ngỡ rằng nơi con người có hai phần vật chất và tinh thần. Vật chất là thân và tinh thần là linh hồn. Linh hồn phải nguyên vẹn từ đời này qua đời khác. Với Phật, Ngài không chấp nhận linh hồn, bởi vì nó chỉ là một thân thức theo nghiệp dẫn đi, chuyển biến trong sanh tử.

Nếu chúng ta chịu nghiên ngẫm thấu đáo lời Phật dạy thì mới thấy được lẽ thật. Thấy được lẽ thật là mở sáng con mắt trí tuệ. Nếu chúng ta cứ nghe rồi tin, không nghiên ngẫm quán chiếu thì không có trí tuệ. Không có trí tuệ thì chúng ta khó đi trên con đường giải thoát đến nơi đến chốn được. Trí tuệ đó không phải từ đâu đến với chúng ta, mà nó nằm sẵn ngay nơi mình.

Trong kinh Phật dạy: "Các người nên tự thấp đuốc lên mà đi. Thấp lên với chánh pháp". Nếu chúng ta chưa có trí tuệ thấy đúng như thật, thì phải nương theo chánh pháp để phát triển trí tuệ của mình. Cũng như cây đuốc của mình chưa cháy, thì phải môi với ngọn đuốc đã cháy. Ngọn đuốc đó là chánh pháp. Trí tuệ chúng ta

còn mù mịt tối tăm, nên phải nhờ ánh sáng trí tuệ của Phật. Mồi với chánh pháp thì ngọn đuốc trí tuệ của mình mới sáng. Có trí tuệ thấy đúng như thật bản thân mình và tất cả sự vật bên ngoài, chúng ta không còn lầm, không còn mê. Mê lầm không còn thì khổ đau theo đó hết. Như vậy trí tuệ đưa chúng ta tới chỗ an lành tự tại giải thoát. Đó là chỗ cứu kính mà chúng ta hằng mong mỏi.

Hàng xuất gia cũng như tại gia đều phải nắm vững yếu chỉ đó để tu hành, thì mới thấy giá trị của đạo Phật. Nếu chúng ta hiểu không tới, nhận không rõ thì việc tu mù mờ, rồi hướng dẫn cho người khác cũng sai lầm, không hết khổ đau được. Cho nên có nhiều người tu càng lâu càng thấy khổ, chứ không được lợi ích gì hết. Người biết dùng trí tuệ thì dụng công ít mà kết quả lại nhiều.

Ví dụ nếu dùng con mắt trí tuệ nhìn cái đồng hồ thì thấy nó không có chủ thể cố định, là giả tạm. Giả sử nó được mạ vàng mình cũng xem nó là giả. Do giả nên không tham luyến. Ngược lại, nếu cứ chấp đồng hồ là thật, lại được tô điểm thêm màu mè nữa thì thấy nó càng đẹp. Do thấy đẹp nên sanh lòng tham muốn. Tham muốn nên giữ gìn sợ mất, theo đó mà bao nhiêu thứ khổ phát sinh. Như vậy tất cả tội lỗi chúng ta gây ra gốc từ mê lầm.

Cho nên người học Phật phải giác, phải có trí tuệ. Nếu chưa giác ngộ được như đức Phật thì ít ra phải có trí tuệ thấy đúng như thật về những lời Phật dạy. Chúng ta thường tán tụng lời Phật là lời vàng lời ngọc. Nếu đã là lời vàng ngọc thì không thể dối gạt chúng sanh. Vậy tại sao Phật nói tu hết khổ mà chúng ta tu hoài khổ vẫn còn khổ? Cho nên nếu không hiểu tường tận, không áp dụng đúng lời Phật dạy, chẳng những chúng ta tự hại mình mà còn làm mất giá trị giáo lý của đức Phật nữa.

Hàng Phật tử tại gia biết tu thì chính mình trở thành người đức hạnh trong gia đình, một công dân tốt ngoài xã hội. Đời này, đời sau đều đi theo con đường lành. Hàng xuất gia biết rõ Phật pháp, nhìn sự vật và con người bằng con mắt trí tuệ, thì cuộc sống của chúng ta mỗi ngày mỗi an lành. Sống một ngày là vui một ngày. Khi sắp lâm chung cũng cười vì được xả bỏ thân giả tạm, thoát khỏi dây da nhơ thối này. Vậy tu là đem lại nguồn an lành, hạnh phúc miên viễn cho chúng ta và mọi người.

Người biết tu thì cuộc sống của mình là cuộc sống có ý nghĩa, cuộc sống của người sáng suốt, người thức tỉnh chứ không phải của kẻ mê lầm nữa. Sống trong cuộc đời đau khổ, trong giành giựt hơn thua mà chúng ta vẫn an lành tự tại, đó là giá trị chân thật của đạo đức, của người tu. Tất cả chúng ta đã có phúc duyên đời này và đời trước, nên bây giờ mới gặp nhau trong hội Phật. Nhưng nếu tu mà không đi đúng chánh pháp thì thật là đáng tiếc.

Mong rằng quý vị nghe hiểu rồi khéo ứng dụng tu để xứng đáng là con Phật, là trưởng tử của Như Lai, là người đi trước để nhắc nhở người sau đi đúng đường chư Phật đã dạy. Đó là trách nhiệm và bổn phận của chúng ta vậy.

CHO NGƯỜI GIÀ BỆNH

Nói chuyện tại Thường Chiếu – 1996

Hôm nay tôi có bài thuyết pháp ngắn về đề tài cho người già bệnh. Lý do có bài pháp này là vì một Phật tử đến yêu cầu chúng tôi rằng có cha mẹ già bệnh nặng, nên muốn khi cha mẹ lâm chung được tỉnh táo sáng suốt, không bị hôn mê hoảng sợ. Vì tình của người Phật tử hiếu thảo nên tôi hứa, đồng thời cũng nghĩ thương người già bệnh trong khi mệt mỏi đau đớn, nên chúng tôi nói bài pháp này.

Trước hết nói về cái chết không đáng sợ. Mọi người đều có quan niệm sanh là vui, chết là khổ; sanh là mừng, chết là sợ. Vì vậy ngày sinh nhật gọi là ngày ăn mừng sinh nhật, còn ngày chết con cháu cúng giỗ gọi là ngày cúng kỵ, tức ngày sợ sệt.

Quý Phật tử hiểu đạo thì ngày chết là ngày đáng sợ hay không đáng sợ? Thật tình cái chết không đáng sợ. Già, bệnh là hai thứ khổ trong bốn thứ khổ Phật nói: sinh, lão, bệnh, tử. Đã mang hai thứ khổ này vào mình là một gánh nặng đau khổ. Nếu gánh nặng đau khổ được quăng đi thì nó được nhẹ nhàng. Vậy chết là quăng được gánh nặng của già và bệnh. Lúc đó chúng ta thanh thoi nhẹ nhàng, có gì đâu mà phải sợ. Nên chúng tôi nói chết là không đáng sợ.

Điểm thứ hai, như kinh Phật thường nói, có sanh là có tử. Có sanh ra thì phải có chết, đây là chuyện thường, không ai tránh khỏi. Như đức Phật tu hành rất cuộc tám mươi tuổi Ngài cũng chết. Các ông tiên mà chúng ta đọc được trong truyện Tàu như Bất tiên v. v... nói trường sinh bất tử, nhưng sự thật tám chín trăm năm rồi cũng mất, cũng chết. Do đó tám ông tiên mà bây giờ tìm một ông cũng không ra.

Nên biết dù cho tu đắc đạo như Phật, thân này tới khi hoại cũng phải hoại. Dù luyện được thuốc trường sinh bất tử như thần tiên, thân này đến lúc hoại cũng phải hoại, chớ không bao giờ giữ được mãi mãi. Vì vậy chết là lẽ thường, là việc chung cho tất cả, không ai tránh khỏi. Cái không tránh khỏi mà mình sợ là chuyện vô ích, nếu không nói đó là chuyện khờ khạo. Chúng ta là người hiểu đạo rồi biết rằng có sanh là phải có tử. Ngày chết là ngày sẽ đến, bất cứ người nào cũng phải nhận. Chết là chuyện thường, đã là thường thì không sợ.

Tôi nhớ Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ khi sắp tịch nằm trên bộ ngựa, nghiêng bên phải nhắm mắt để tịch. Bây giờ những người hầu thiếp khóc rống lên, Ngài liền ngồi dậy, súc miệng, rửa mặt, rồi nói: "Sanh tử là lẽ thường, sao lại buồn thảm

luyện tiếc như thế, làm não hại chân tánh ta! " Nghe xong, các vị kia mới yên lặng. Ngài nằm nghiêng bên phải mà tịch.

Chúng ta thấy rằng đối với Ngài sanh tử là việc thường. Đã là việc thường thì không có gì quan trọng hết. Do đó Ngài tự tại ra đi. Còn chúng ta cho cái chết là lớn lao đáng sợ, nên tới đó chúng ta kinh hoàng. Kinh hoàng là đau khổ. Vì vậy người Phật tử chân chính lúc nào cũng biết rằng chuyện chết sống không thể tránh được. Không tránh được thì chúng ta chuẩn bị ngay những cái gì cần sau khi chết, đừng để tới đó rồi sợ hãi chỉ là chuyện vô ích thôi.

Điểm thứ ba, người Phật tử hiểu đạo khi tu ít nhất cũng giữ năm giới, nhiều hơn thì Thập thiện. Biết giữ năm giới, biết tu Thập thiện thì khi chết chúng ta sẽ sanh về đâu? Nếu giữ năm giới trọn vẹn thì sau khi chết chúng ta sẽ trở lại làm người đầy đủ phước đức. Tức là do giữ giới không sát sanh nên được tuổi thọ; giữ giới không trộm cướp nên được nhiều của cải; giữ giới không tà dâm nên được đẹp đẽ oai nghi; giữ giới không nói dối nên lời nói thanh tao, được mọi người tín nhiệm; giữ giới không uống rượu nên có trí tuệ sáng suốt. Thế nên sinh làm người được đầy đủ phần tốt đẹp của con người, không có gì thiếu thốn hết. Như vậy thân này hoại rồi được thân kế tốt đẹp hơn, phước đức hơn, có gì mà chúng ta phải sợ. Còn nếu tu Thập thiện khi bỏ thân này sẽ được sanh lên cõi trời, hưởng phước đức thù thắng nhiều hơn cõi này, tức là đẹp đẽ hơn gấp bao nhiêu phần.

Chúng tôi thường nói chết như đổi chiếc xe cũ lấy chiếc xe mới. Chiếc xe cũ xấu hư, chúng ta lấy chiếc xe mới tốt đẹp, hoàn hảo hơn. Cho nên chúng ta hoan hỷ bỏ thân này, vì biết rằng khi bỏ thân này chúng ta sẽ được thân sau tốt đẹp hơn, có gì đâu phải lo buồn. Thật ra chết không đáng sợ, chỉ sợ mình không biết tu. Đó là điều tôi muốn nhắc tất cả quý vị đang ở trong hoàn cảnh bệnh hoạn đau ốm, không thể tin tưởng rằng mình còn sống lâu, ráng nhớ mà tu hành.

Trong nhà Phật có nói đến cận tử nghiệp. Cận tử nghiệp này rất mạnh, có công năng đưa chúng ta tới chỗ tốt hay chỗ xấu khi chúng ta sắp lâm chung.

Trước hết nói cận tử nghiệp của người làm ác. Nếu người khi gần chết khởi tâm ác liền chuyển cả sự tu hành hay công đức trước của mình, liền sanh vào chỗ không tốt.

Trong kinh có kể: Một người tu ngoại đạo đạt đến định Phi phi tướng, nếu người đó chết sẽ được sanh về cõi trời Phi phi tướng. Nhưng khi gần chết gặp chút nghịch duyên, ông nổi giận, bực tức lên rồi chết. Sau khi chết ông sanh làm con chó sói. Như vậy, từ quả vị cõi trời Phi phi tướng mà chuyển làm một con vật xấu xa, đủ cho ta thấy cận tử nghiệp nguy hiểm như thế nào. Cận tử nghiệp là nghiệp gần lúc chết. Nếu khởi niệm ác thì nó sẽ dẫn chúng ta sanh vào cõi ác, cõi dữ.

Do đó chúng ta thấy trong cõi người cũng như trong các loài thú, có những người, hoặc những con thú sanh ra một thời gian ngắn liền chết. Chúng ta không hiểu tại sao. Nếu là duyên làm người hoặc làm thú thì phải ở lâu cho mãn kiếp người, kiếp thú, tại sao chỉ một thời gian ngắn thì đi. Đó là lý do để thấy rằng những người ấy lẽ ra không phải sanh chỗ như thế, nhưng vì cận tử nghiệp ác mạnh nên phải sanh chỗ đó. Thời gian ngắn sau chết, sanh lại chỗ khác theo tích lũy nghiệp, tức là nghiệp chứa đựng lâu dài lúc trước của họ. Vì vậy sức mạnh của cận tử nghiệp đưa đẩy người ta sanh vào chỗ không đúng sở nguyện của mình, chỉ vì cơn nóng giận hoặc khởi những niệm ác lúc sắp lâm chung mà ra như vậy. Đó là tôi nói trường hợp cận tử nghiệp ác.

Kể đến là cận tử nghiệp thiện, tức người gần chết khởi niệm lành. Lúc sắp lâm chung khởi niệm lành liền sanh về cõi lành, dù cho tích lũy nghiệp của họ ác, nhưng nhờ khi sắp chết khởi niệm thiện nên chuyển sang sanh cõi lành. Do sức mạnh của cận tử nghiệp làm cho tích lũy nghiệp mờ đi, nhưng không phải mất. Nghĩa là người ấy phải theo cận tử nghiệp một thời gian. Khi nào cận tử nghiệp hết thì họ mới trở lại tích lũy nghiệp.

Nên nhớ nghiệp tích lũy là nghiệp quan trọng mà chúng ta chứa từ thuở nhỏ cho đến lớn trong đời sống. Giả sử chúng ta chứa điều lành, điều tốt đầy đủ, nhưng giờ chót bị cận tử nghiệp ác lôi đi thì phải trả hết nghiệp cận tử đó rồi mới trở lại với nghiệp tích lũy lành, được quả lành, chứ không phải mất hẳn. Nên lúc sắp lâm chung chúng ta phải dè dặt tối đa, không nên khởi những tâm niệm ác.

Trong kinh nói người phạm hai tội trong năm tội ngũ nghịch là ông Đề Bà Đạt Đa, đức Phật thọ ký khi chết ông phải đọa địa ngục. Do đó lúc sắp lâm chung ông hối hận hướng về Phật chấp tay xin sám hối. Sau này đức Phật kể lại cho ngài A Nan nghe rằng ông Đề Bà Đạt Đa tuy bị đọa địa ngục vì tội ngũ nghịch, nhưng vì sắp chết ông biết hối hận sám hối với Phật. Nên sau khi hết đọa địa ngục ông được trở lại làm người gặp Phật pháp tu hành, cuối cùng cũng chứng quả thành Phật.

Chúng ta thấy rằng cả đời Đề Bà Đạt Đa đã tạo những nghiệp ác nhưng khi sắp lâm chung ông đã có tâm thức tỉnh, hối cải. Vì vậy, sau này khi nghiệp ác hết, ông sanh về cõi lành và được tu hành chớ không mất luôn chủng duyên lành. Nên biết cận tử nghiệp lành có thể giúp người bị khổ lâu dài chuyển thành khổ ngắn, không còn lâu dài nữa.

Thêm một chuyện nữa. Có một vị tiên ở cõi trời ba mươi ba. Ông biết mình hết phước sắp chết. Do có thiên nhãn, ông biết mình sẽ sanh làm con của một Trưởng giả ở nhân gian và sau kiếp làm con ông Trưởng giả ông sẽ đọa địa ngục. Hoảng sợ quá, ông khóc rống lên, kêu la cầu cứu. Khi đó Trời Đế Thích đến hỏi: -

Vì sao ông khóc kêu cứu như vậy? Ông trình bày chỗ thấy của mình. Tròi Đế Thích liền khuyên ông nếu muốn được cứu phải quy y Tam Bảo.

Ông hỏi:

- Quy y Tam Bảo là sao?

Tròi Đế Thích nói:

- Quy y Tam Bảo là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Ông hỏi:

- Bây giờ Phật ở đâu?

- Hiện giờ Phật đang thuyết pháp ở Vườn Trúc tại xứ Nalanda.

Ông than:

- Bây giờ tôi sắp chết làm sao đến đó để quy y được.

Tròi Đế Thích bảo:

- Không sao, chỉ cần ông chấp tay hướng về chỗ Phật đang thuyết pháp nói to lên thế này: "Con tên xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Phật cứu con, xin Phật độ con", như vậy ba lần.

Nghe vậy ông liền quỳ gối chấp tay hướng về Vườn Trúc Nalanda, nói ba lần: "Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Phật độ con." Sau khi nói ba lần như vậy rồi, ông liền chết.

Quả thực sanh xuống trần gian ông làm con Trưởng giả. Khi con ông Trưởng giả lớn lên, một hôm gặp đức Phật khát thực ngang qua nhà. Thấy Phật, ông liền phát tâm muốn đi tu. Sau đó ông được Phật độ tu hành chứng quả A La Hán.

Qua đó, chúng ta thấy chỉ cần cận tử nghiệp hướng về Tam Bảo mà sau này khỏi đọa địa ngục, còn được xuất gia và tu hành giải thoát. Như vậy cận tử nghiệp rất là quan trọng. Nếu chúng ta không biết, để cận tử nghiệp chuyển thành ác sẽ đưa tới cõi ác. Nếu chúng ta biết, dù trước kia có làm ác, nhưng nhờ cận tử nghiệp thiện thì sẽ đưa tới cõi lành. Do đó người Phật tử chân chính phải nhớ, phải biết rõ tầm quan trọng của cận tử nghiệp.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa phủ nhận tích lũy nghiệp là nghiệp do chúng ta chứa chấp từ khi mới sanh ra cho tới già. Nếu chúng ta làm điều lành nhiều thì gọi đó là tích lũy nghiệp thiện; làm điều ác nhiều thì gọi là tích lũy nghiệp ác. Nếu tích lũy nghiệp thiện, và lúc sắp lâm chung khởi niệm ác, thì con đường thiện nhất định sẽ đến với chúng ta. Còn nếu tích lũy nghiệp thiện nhưng khi sắp lâm chung khởi niệm ác thì con đường thiện của chúng ta phải bị quanh co, có khi nó dẫn mình tới chỗ dữ. Ngược lại, nếu tích lũy nghiệp ác nhưng sắp lâm chung khởi niệm thiện thì con đường ác lý đáng chúng ta phải chịu nhưng giờ đây chuyển sang con đường lành. Nên biết cận tử nghiệp rất mạnh, rất đáng sợ. Quý vị nào tuổi đã lớn, hoặc hay bệnh hoạn nên dè dặt tối đa, không nên tạo ảnh hưởng lớn gây cho chúng ta những đau khổ sau này. Đó là tôi nói về sức mạnh của cận tử nghiệp.

Tiếp theo, tôi sẽ nói những điều cấm kỵ của người khi sắp lâm chung. Những điều cấm kỵ là những điều không nên làm khi chúng ta biết đạo lý.

Một là lúc sắp lâm chung cấm kỵ không nên sân giận. Dù cho có điều gì trái ý cũng phải bỏ qua để lo cho cái chết của mình, không nên sân giận làm gì. Nếu sân giận thì chúng ta sẽ đọa vào cõi dữ làm những con vật hung dữ khó thể tránh khỏi. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai là phải dứt tâm oán thù. Nếu ôm tâm oán thù thì khi nhắm mắt chúng ta sẽ theo nghiệp oán thù, đền đền trả trả không có ngày cùng. Nghĩa là mình thù người, sanh ra gặp lại nhau rồi hại nhau, đau khổ chồng chất không biết đến đâu cho hết. Vì vậy chúng ta phải dứt tâm oán thù.

Thứ ba là tâm yêu mến con cháu, tiếc của cải, v. v... Đó là mối hiểm họa, nghĩa là vì yêu tiếc mà đôi khi bị trầm luân hay là trở lại làm những con vật không tốt.

Trong sử ba mươi ba vị Tổ có kể về một vị tăng Ấn Độ tôi không nhớ rõ tên. Một hôm Ngài đi khất thực ngang qua nhà ông Trưởng giả. Nhưng ông Trưởng giả đi khỏi. Trong nhà có con chó chạy ra sủa rất to. Ngài nhìn nó và quát: "Người vì bệnh tiếc của mà trở lại làm chó, đã không biết còn sủa om sòm!" Nghe nói như vậy con chó buồn bỏ ăn. Ông Trưởng giả về, thấy con chó cung của mình bỏ ăn. Ông liền hỏi lý do và được người nhà kể lại rằng hồi sớm mai có một vị Sa môn đi ngang, nó thấy liền sủa. Rồi không biết ông ấy nói gì với nó, từ đó nó buồn, bỏ ăn. Ông hỏi vị Sa môn ấy ở đâu và tìm gặp được Ngài. Với tâm rất sân hận, ông hỏi:

- Hồi sáng ông nói gì mà con chó của tôi nó buồn đến bỏ ăn?

Ngài bảo:

- Ông đừng nóng, để tôi nói cho ông nghe. Con chó đó là cha của ông.

Ông càng tức hơn, hỏi:

- Tại sao con chó đó lại là cha tôi?

Ngài nói:

- Nếu ông không tin ta, ông hãy về tìm ngay giữa giường nơi cha ông khi xưa ngủ mà bây giờ là chỗ con chó hay nằm đó, ông đào xuống sẽ thấy một ché vàng. Vì khi cha ông chết không kịp trời trần lại với ông, nên bây giờ tiếc của mới sanh trở lại làm chó để giữ của. Nếu không tin ta, ông hãy về đào lên sẽ thấy!

Khi ấy vị Trưởng giả không còn lớn tiếng với Tổ nữa, mà trở về đào chỗ Tổ chỉ. Quả nhiên ông thấy có một ché vàng. Ông liền chạy tới xin Tổ cứu cha ông. Tổ khuyên Trưởng giả nên đem của đó bố thí để cha ông hết nghiệp. Trưởng giả nghe lời Tổ dạy liền đem ché vàng bố thí. Sau đó con chó chết.

Như vậy, vì yêu tiếc của nên trở lại làm chó để giữ của. Đó là điều đáng sợ. Nên ở đây tôi nhắc ba điều cấm kỵ trước khi lâm chung, Phật tử phải nhớ đừng bao giờ để xảy ra. Tôi lặp lại, điều thứ nhất là tâm sân giận; điều thứ hai là tâm oán thù; và điều thứ ba là tâm yêu tiếc, tức yêu con tiếc của. Nhớ, đừng có ba tâm đó mới khỏi đọa vào con đường khổ. Có ba tâm đó là nguy hiểm.

Nếu khi sắp lâm chung mà khởi tâm thiện thì sẽ được điều lành, điều tốt. Tâm thiện là tâm gì? Điều thứ nhất, khi sắp lâm chung phát tâm bố thí, giúp đỡ người nghèo kẻ bệnh. Mình có phương tiện tới đâu phát tâm tới đó. Điều thứ hai đối với người quy y rồi thì phát tâm cúng dường Tam Bảo; còn chưa quy y thì phát tâm quy y Tam Bảo để tâm thiện tăng trưởng. Làm như vậy là đã hướng về điều thiện và sẽ đi theo con đường thiện. Ba là phát tâm phóng sanh, nghĩa là cứu những con vật bị người ta bắt và sẽ bị giết. Mình cứu nó bằng cách mua lại đem thả, hoặc tìm cách nào cứu cho con vật không bị chết. Đó là phát tâm phóng sanh.

Bố thí, cúng dường, phát tâm phóng sanh là tâm lành. Nhờ phát tâm lành, tự nhiên lần lần chúng ta sẽ đi theo con đường lành. Đó là những điều tâm nên khởi khi sắp lâm chung.

Người Phật tử biết tu, khi sắp lâm chung, cần biết ứng dụng pháp Phật dạy, gìn giữ tâm mình luôn luôn đi đúng đường, không bị lệch lạc. Đối với người tu Tịnh độ, lâu nay chuyên niệm Phật, khi bệnh nhiều phải ráng nhớ niệm Phật, không quên. Lúc nào tâm mình cũng hướng về Phật không lơ lửng, không nghĩ tới con, không nghĩ tới cháu, cũng không nghĩ tới tài sản gì hết. Được như vậy thì nhất định sẽ đi theo Phật không nghi ngờ. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, đối với người không chuyên niệm Phật mà thường hay xem kinh sách thì phải nhớ một bài kệ. Chẳng hạn, nếu quý vị thường tụng kinh Kim Cang, thì phải nhớ một bài kệ, tức là nhớ tới Pháp giống như nhớ tới Phật, niệm Phật vậy. Chúng ta nghiên cứu kinh điển, học pháp của Phật thì phải nhớ pháp, như tụng bài kệ sau đây trong kinh Kim Cang:

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán.

Nghĩa là tất cả pháp hữu vi như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như sương mai, như điện chớp, phải luôn quán như thế. Chúng ta tụng mãi bài kệ này thì tâm chúng ta được trong sáng, không kinh hoàng khi sắp lâm chung. Đó là trường hợp thứ hai.

Trường hợp thứ ba, nếu người biết tu thiền, tâm được yên tĩnh phần nào thì nhớ lúc sắp lâm chung, mình hằng sống với tâm thanh tịnh, đừng chạy theo tâm vọng tưởng điên đảo. Nghĩa là nhớ ngay trong thân người bại hoại này có cái không bại hoại. Nhờ vậy chúng ta không kinh hoàng, không sợ sệt mà hằng sống với tâm bất sinh bất diệt của mình. Thân này chẳng qua là tướng hư ảo, có đó rồi mất đó, chớ không bền. Chỉ cái thể chân thật của mình là thanh tịnh, không sanh, không diệt muôn đời. Đó là chúng ta biết tu.

Trong ba trường hợp tôi kể ở trên, người tu niệm Phật thì chuyên niệm Phật, không nhớ chuyện đời. Người chuyên nghiên cứu Pháp thì nhớ một bài kệ. Người tu Thiền thì nhớ ngay nơi mình có cái chẳng sanh diệt, hằng thanh tịnh, không có gì đáng sợ, không có gì đáng lo. Người biết tu nhớ được những điều này thì không bị mê muội, không có gì sợ hãi, ra đi êm ái nhẹ nhàng. Đó là những điều tôi nhắc cho quý vị khi sắp lâm chung.

Bây giờ tôi nói tới hậu sự, tức là việc sau khi mình chết. Nhiều vị nghĩ rằng khi mình chết phải trời trần lại với con cháu làm thế này, làm thế kia cho mình. Điều đó dư. Tại sao? Bởi vì thân này do tứ đại hòa hợp mà thành, chúng ta sống cũng mượn tứ đại mà sống: uống nước giúp cho thủy đại, ăn giúp cho địa đại, thở giúp cho phong đại, v. v... Như vậy bốn đại đó nhờ vay mượn bên ngoài mới tồn tại.

Đến khi chết là không vay mượn nữa thì trả về cho tứ đại. Tứ đại trả về tứ đại thì chỗ nào cũng là tứ đại hết. Tại xứ người, tứ đại cũng là tứ đại; ở quê hương

mình thì tứ đại cũng là tứ đại. Đừng nghĩ bỏ thân ở xứ người là thiệt thòi. Thiệt thòi nhất là cái tâm, tinh thần của mình ra đi mà không sáng suốt, đó mới thật thiệt thòi. Còn thân tứ đại này bỏ ở đâu cũng được hết. Người ta hay nói thân này là thân cát bụi cho nên khi chết trả về cho cát bụi, chứ không phải trả về xứ mình, thành vàng thành ngọc gì, cho nên đừng quan trọng nó.

Thân này để cho con cháu giải quyết bằng cách nào thuận lợi nhất thì tốt, mình khỏi cần dằn dò gì hết, khỏi cần bắt buộc gì hết. Dằn dò bắt buộc nhiều khi làm cho con cháu càng thêm lúng túng. Thí dụ nơi đó không có lò thiêu mà bảo phải thiêu, trong khi có đất chôn mà không chịu chôn. Hay ngược lại, chỗ đó không có đất chôn mà có lò thiêu, mình lại không chịu, nói thiêu nóng lắm, phải tìm đất chôn. Như vậy con cháu lo sợ không biết tìm đất đâu mà chôn, càng làm cực khổ cho người sống chớ không có ích lợi gì. Đã là thân tứ đại hoại rồi thì còn biết gì nữa mà sợ nóng, còn biết gì nữa mà đòi đem về quê hương. Biết chằng là cái tinh thần, cái tâm của mình. Do đó quý vị đừng có lầm lẫn thân này phải trở về quê mình mới tốt. Nghĩ như vậy là sai lầm. Chính cái tâm của chúng ta, tâm sáng thì đi tới chỗ tốt, điều đó mới quan trọng.

Đó là những lời nhắc nhở để quý vị biết sau khi chúng ta có trăm tuổi, không làm phiền hà cho con cháu.

Tôi chỉ nói một phần ngắn cho quý vị biết khi đau, bệnh và già sắp lâm chung. Theo đó, quý vị có hướng chọn lựa, đừng bị tâm phàm tục làm cho mình đau khổ ngay hiện tại và kéo dài sau khi lâm chung. Đó là những điều thiết yếu.

Mong rằng tất cả quý Phật tử nghe rồi, khéo ứng dụng để tự cứu mình, đó cũng là lời Phật dạy cho chúng ta thoát khổ.

ĐỨC PHẬT

LÀ BẠC VÔ THƯỢNG Y VƯƠNG

Chùa Bửu Quang - Cao Lãnh - 2000.

Nhớ lại năm 1964 tôi đã có về Đồng Tháp giảng mấy lần, đến nay ba mươi sáu năm, tôi mới trở lại thăm Tăng Ni và quý Phật tử. Cho nên gặp lại người cũ thì ít mà người mới thì nhiều. Vậy tôi xin có lời thăm tất cả quý vị.

Đề tài chúng tôi giảng hôm nay: Đức Phật là bậc Vô Thượng Y Vương. Vô Thượng Y Vương là sao? Nghĩa là Phật là vua thầy thuốc, không ai hơn.

Hồi xưa lúc làm tăng ở Phật học đường Ấn Quang, nghe từ này tôi hơi ngại, không biết người sau có quá tôn trọng chăng? Vô Thượng Y Vương là vua thầy thuốc không ai hơn, nhưng Phật có hốt thuốc lần nào đâu mà gọi là vua thầy thuốc. Sau này khi được học và tu rồi, tôi mới thấy lời tán thán đó chân thật, chớ không phải lời tán thán suông. Tại sao? Bởi thầy thuốc cứu chữa cho người, nếu là bệnh thập tử nhất sinh mà chữa được lành, thì gọi là thầy thuốc giỏi. Như vậy thầy thuốc giỏi có thể cứu được bệnh nhân sắp chết sống trở lại. Nhưng sống thêm dài lắm chừng mười năm, hai mươi năm thôi. Như vậy mà người ta đã tán thán vị đó rồi. Còn đức Phật cứu sống chúng sanh được bao nhiêu?

Chúng ta tu Phật, ai cũng biết mình đang mang chiếc thân vô thường, tạm bợ. Nhưng nếu biết nương nó, khéo tu thì chúng ta sẽ đi đến chỗ giải thoát sanh tử. Mà giải thoát sanh tử thì sống chừng bao lâu? Sống mãi không có ngày cùng, sống hoài không chết. Như vậy Phật pháp là những phương thuốc trị tâm bệnh. Khi lành rồi, chúng ta không còn bị vô thường chi phối, vì vậy sống mãi không cùng tận.

Bậc đem phương thuốc đó chỉ dạy cho người, không phải vua thầy thuốc thì là gì? Gọi vua thầy thuốc được rồi, tại sao nói không ai hơn? Không ai hơn nghĩa là có người bằng. Tại sao có người bằng? Vì nếu chúng sanh chịu khó tu hành đến khi công đức viên mãn thì sẽ thành Phật. Như vậy Phật là Phật đã thành, chúng ta là Phật sẽ thành. Khi thành Phật rồi thì có thua Phật bậc nào đâu. Nếu thành Phật thì Phật hồi xưa đến đâu chúng ta đến đó, ngang bằng Phật mới gọi là Phật, nếu thấp hơn Phật thì không gọi là Phật được. Như vậy để hiểu rằng chúng ta tu theo Phật là cốt thành Phật, mà cốt thành Phật thì sau này sẽ bằng Phật. Đó là ý nghĩa của Vô Thượng Y Vương.

Hiểu rõ được ý nghĩa đó, chúng ta biết có quả vị ngang bằng Phật, chớ không có người hơn Phật nên gọi Vô thượng. Vì đến đó là giác ngộ viên mãn rồi. Đức Phật là bậc Vô Thượng Y Vương nên Ngài dạy chúng ta trị bệnh để hết sinh tử khổ đau. Vậy bệnh đó là bệnh gì? Ở đây, tôi sẽ lần lượt nêu ra.

Như trong kinh thường nói, chúng sanh có bệnh gì thì Phật có pháp ấy để đối trị. Nên từ chữ Hán gọi "Tùy bệnh dữ dược", nghĩa là theo bệnh cho thuốc. Người ta bị bệnh gì thì mình cho thuốc ấy để trị lành bệnh. Thầy thuốc ở thế gian khi chẩn mạch biết bệnh rồi thì phải tìm, phải chọn thuốc đúng với bệnh đó. Trị đúng thì bệnh mới lành.

Ở đây Phật cũng xét kỹ chúng sanh có bệnh gì, Phật cho thuốc ấy. Nhưng bệnh của chúng sanh là tâm bệnh. Thầy thuốc thế gian thì trị thân bệnh, còn Phật thì trị tâm bệnh. Trong kinh Phật thường nói chúng sanh có tám muôn bốn ngàn phiền não thì Phật có tám mươi bốn ngàn pháp môn.

Hiện giờ trong chúng ta có ai không bệnh không? Tâm chúng ta hoàn toàn tốt, hoàn toàn tỉnh giác hay vẫn đầy đủ tham, sân, si. Như vậy mỗi khi chúng ta sanh một niệm xấu, một niệm ác, là đã có một bệnh. Có bệnh thì phải lấy thuốc Phật uống vô cho lành bệnh.

Quý Phật tử tu theo Phật phải biết thuốc gì để trị bệnh mình? Có nhiều vị tu cũng đã lâu mà hỏi dùng thuốc gì trị bệnh thì lắc đầu không biết. Chỉ tụng kinh niệm Phật vậy thôi. Đó là vì chưa hiểu chính xác đường lối tu của Phật dạy. Tu theo Phật năm mười năm mà phiền não vẫn còn nguyên, bệnh nào tật nấy không thay đổi. Rồi nói thuốc của Phật không có giá trị, không hết bệnh. Thế là bỏ thuốc luôn.

Như vậy Phật tử mới thấy rằng, chúng ta tu mà chưa nắm vững được đường lối, thì không biết mình tu cái gì, không biết mình bị bệnh gì, không biết dùng thuốc gì để trị... lỗi tại không rành, không hiểu. Đó là một yếu điểm mà chúng ta cần phải biết. Nói pháp Phật là thuốc trị bệnh mà người ta hỏi trị bệnh gì và dùng pháp gì để trị thì không biết, như vậy làm sao hết bệnh được.

Thường thường chúng ta có bệnh về thân, thì bác sĩ chẩn mạch xong cho thuốc trị. Nếu cho thuốc mà chúng ta không uống thì có lành không? Chắc chắn là không rồi. Vậy mà vẫn có người đến xin bác sĩ cho tôi khỏi bệnh, chớ không cần chẩn mạch. Quý vị nghĩ người đó có thể trị lành bệnh không? Bởi vì bác sĩ chẩn bệnh cho thuốc để trị bệnh mà bệnh nhân chỉ cầu xin bác sĩ cho hết bệnh, chớ không cần cho thuốc, không chịu uống thuốc thì bệnh làm sao lành được.

Phật tử chúng ta cũng giống như những bệnh nhân đó vậy. Phật dạy tu, nghĩa là mình có bệnh gì thì dùng pháp đó để trị. Thế nhưng Phật tử chỉ chấp tay

cầu Phật gia hộ cho con được bình yên, Phật gia hộ cho con mạnh khỏe, chớ không chịu tu. Nghĩa là không chịu uống thuốc, không chịu trị bệnh mà xin Phật cho mạnh khỏe, bình yên thôi. Phật đã từng tuyên bố rằng: "Ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai". Nếu Phật ban phước giáng họa được thì Phật không dạy chúng ta tu nhân quả. Tạo nhân lành thì hưởng quả lành, tạo nhân ác thì hưởng quả ác. Chúng ta tạo chúng ta hưởng, Phật không có can thiệp chút nào hết. Phật chỉ dạy chúng ta biết đường lối tu để dẹp phiền não, hết khổ đau. Nhưng chúng ta không chịu tu, cứ xin Phật cho hết phiền não, hết khổ đau thì xin chùng nào mới được? Thêm một hạng người nữa, như bác sĩ chẩn mạch cho toa xong, bảo mua thuốc đó uống sẽ lành bệnh. Nhưng người ấy đem toa về nhà đọc hoài, đọc thuộc lòng mà không chịu mua thuốc uống. Người này có hết bệnh không? Phật tử có giống như vậy không? Chắc cũng như vậy.

Phật dạy những bài pháp cho mình tu, nhưng chúng ta cứ lấy kinh ra đọc tới, đọc lui cho Phật nghe, như vậy là tu rồi đó. Đêm nào cũng đem đọc cho Phật nghe, mà bệnh vẫn còn nguyên. Mới thấy chúng ta từ lần lần này sang lần lần khác, nên tu không có kết quả. Chúng ta phải tu cách nào cho đúng lời Phật dạy? Đó là điều mà tôi nói ở đây.

Phật là vua thầy thuốc, có những toa thuốc hay trị tất cả bệnh của chúng sanh. Chúng ta bệnh phải dùng những toa thuốc đó thì bệnh mới lành. Muốn lành bệnh chúng ta phải chịu uống thuốc, chớ không thể đọc toa thuốc, hoặc chấp tay xin thầy thuốc cho lành bệnh. Đó là hai điểm tôi nhắc cho quý vị nhớ rõ.

Quý vị có biết mình bao nhiêu bệnh, đã lành hết chưa? Về thân thì nay yếu mai đau, về tâm thì sao vẫn cứ phiền não hoài. Chùng nào ở trong chúng, trong gia đình mà cả tháng chúng ta cứ cười vui, không buồn không giận ai hết, không một chút than thở gì, đó mới là ít bệnh. Nếu lại có người chỉ mang một ít bệnh, nhưng những bệnh đó là bệnh quan trọng thì thế nào? Trong kinh Phật có kể lại: Một hôm Phật hỏi các vị Tỳ-kheo:

- Nếu các ông nhốt ba con rắn độc chung một nhà thì thế nào?

Các thầy Tỳ-kheo bạch rằng:

- Chúng con ngủ không yên.

Phật hỏi:

- Làm thế nào các ông ngủ mới yên?

Các thầy Tỳ-kheo bạch rằng:

- Chúng con phải đuổi mấy con rắn độc ra khỏi nhà thì ngủ mới yên.

Phật nói:

- Cũng vậy, nếu các ông còn tham sân si trong tâm thì các ông ngủ không yên. Vì tham sân si còn hại hơn rắn độc nữa. Rắn độc cắn chỉ chết một thân này, tham sân si tạo nghiệp chịu khổ không biết khi nào mới hết.

Như vậy hiện giờ nội tâm của chúng ta đã hết tham sân si chưa hay còn đủ? Nếu còn đủ chúng ta có yên lòng ngủ không? Nó độc hơn rắn độc mà chứa nó, thì làm sao chúng ta yên được? Vậy mà Phật tử không biết đuổi rắn độc ra, lại đi xin Phật cho con bình yên. Thử hỏi làm sao bình yên được?

Chúng ta tu là mong hết khổ, để đi tới an lạc giải thoát. Nếu còn tham sân si là còn đau khổ. Cho nên dù tu năm mươi năm, mà tham sân si không hết thì việc tu đó vô hiệu rồi. Hiện nay, chẳng những người tại gia cư sĩ mà cả hàng xuất gia, có ai hết tham sân si chưa? Chưa ai hết. Như vậy thì chúng ta chưa có bình an, phải không? Bởi vì trong nhà còn rắn độc thì làm sao bình an được. Đó là một lẽ thật.

Thế nên, muốn được bình an phải đuổi ba con rắn độc ấy đi. Phật dạy phương pháp đuổi nó, chúng ta phải khéo nghe và khéo tu thì sẽ đuổi được bọn chúng ra khỏi nhà.

Trước tiên, tôi nói về con rắn tham. Muốn đuổi rắn tham ra khỏi nhà thì phải dùng thuốc gì? Trước khi nói cách đuổi, tôi giải thích rõ tham có nhiều loại. Thông thường có năm thứ: tham tài, tham sắc, tham danh, tham thực, tham thù. Đó là năm thứ tham. Năm thứ tham này phải trị bằng thuốc gì?

1- Người tham tiền của nhiều thì dùng thuốc bố thí để trị. Tại sao bố thí lại trị được bệnh tham tiền của? Bởi vì tham nên được ít muốn nhiều, được nhiều muốn nhiều hơn nữa. Như gia đình mình mỗi tháng có một triệu bạc thì sống thoải mái, nếu tháng đó có được triệu rưỡi thì sao? Dư năm trăm phải không? Người tham khi dư năm trăm, liền muốn kiếm thêm năm trăm nữa cho được hai triệu.

Do đó để trị bệnh tham, Phật dạy phải bố thí. Khi dư năm trăm, chúng ta xem ai nghèo thiếu, ai khổ hơn mình thì giúp cho họ. Bố thí như vậy vừa được việc lợi ích cho người, vừa hết lòng tham cho mình. Có dư liền cho thì đâu còn tham, dư mà tích lũy hoài thì đó là tham. Nên trong kinh Phật thường dạy, lòng tham như túi không đáy, bỏ bao nhiêu nó cũng tuột hết, không biết tới đâu là đầy, tới đâu là đủ. Vì vậy chúng ta có dư nên giúp người nghèo thiếu, đó là biết trị bệnh tham tài.

2- Tham sắc dùng thuốc gì để trị? Nếu người tham sắc phải dùng thuốc quán bất tịnh để trị. Quán bất tịnh có hai cách: Một là quán nơi thân mình có ba mươi sáu vật như nhớp. Hai là quán thân người chết, từ khi mới tắt thở lần lần tới sinh thôi v.v... quán như vậy sẽ hết tham sắc. Tại sao?

Vì thấy thân này như nhớp, bản thủ đáng gớm thì thân người khác cũng như nhớp, bản thủ như thế, có gì để yêu thích. Nói tóm lại thân mình, thân người chỉ là một cái bô đầy kỹ vậy thôi. Quý vị nghĩ trong nhà có một cái bô đã khó chịu rồi, huống là thêm hai, ba cái nữa thì đáng gớm không?

Khi đức Phật gần thành đạo dưới cội Bồ-đề, Ma vương đến phá Ngài bằng cách hiện hình những thiếu nữ kiều diễm ca múa, để Ngài nhớ trở về hoàng cung. Ngài liền quát: "Đi, các ngươi là đay da hôi thúi. Ta không có dùng". Chúng hồ thẹn rút lui hết. Sau đó, chúng hiện ra một đám đầu trâu mặt ngựa hung dữ, cầm gươm giáo bao vây muốn khiến cho Ngài run sợ. Nhưng đức Phật chỉ an ở trong chánh định, không thèm nghĩ, không thèm thấy nó. Lát sau, bọn chúng cũng bỏ đi. Nên trong kinh nói rằng, đức Phật dùng cung Thiên định, kiếm trí tuệ mà dẹp tan ma quân.

Chúng ta tu là dùng thiên định, trí tuệ để dẹp sạch ma quân. Nhưng bây giờ có nhiều người ngồi Thiên hoặc niệm Phật bất ấn, đọc chú hoặc vẽ bùa để trấn ma. Đó là đã đi lệch hướng rồi. Chúng ta phải dùng Thiên định, dùng trí tuệ để dẹp ma chứ không phải dùng bùa, dùng chú. Bùa chú như vậy là lạc vào ngoại đạo rồi. Quý vị nhớ phải thật kỹ.

Nói thân này như nhớp, có người không bằng lòng, vì họ cho rằng mình vệ sinh sạch sẽ thì làm sao như nhớp được? Tôi nói một thí dụ rất đơn giản để minh chứng điều này. Nếu thân này sạch thì nó luôn toát ra mùi thơm như hoa sen rồi, chúng ta đâu cần phải dùng xà bông thơm. Nhưng vì nó hôi quá nên phải dùng xà bông thơm, dùng nước hoa cho bớt hôi. Vì biết mình như nhưng muốn giấu, không cho người ta biết nên dùng cái này cái kia để khóa lấp đi. Đó là chúng ta chưa thấy lẽ thật.

Thêm một điều nữa, biết rõ thân mình nhớp nhúa, nhưng nghe ai nói: "Chị này hôi quá" thì buồn liền. Sự thật mình nhớp nhưng nghe người ta chê lại buồn. Như vậy rõ ràng chúng ta không dám nhìn nhận sự thật. Chúng ta chỉ tưởng tượng chứ không thấy đúng lẽ thật.

Người biết tu rồi phải nhìn thấu đáo sự thật. Thân này nhớp nhúa, chúng ta nhận là nhớp nhúa nên nghe ai chê, mình chấp nhận đúng như vậy. Chúng ta kiểm lại từ đầu đến chân có cái gì không nhớp đâu. Như quý nhất là con mắt, nhưng khi ghèn cháo đổ ra có gớm không? Rồi đến lỗ mũi, nước mũi chảy ra có gớm không? Kế là miệng, miệng khi khạc nhổ ra rồi, có can đảm liếm lại không? Như vậy tất

cả từ đầu đến chân toàn là nhơ nhớp, mà chúng ta cứ tưởng nó sạch. Tưởng tượng thì không phải lẽ thật. Đó là cái thấy sai lầm, không có trí tuệ. Chúng ta biết rõ thân này nhớp nhúa, mà đã nhớp nhúa thì tại sao lại mê đuổi theo nó? Đó là điếm thứ nhất.

Thứ hai, nếu người bệnh tham ái trầm trọng, thấy ai cũng dễ thương hết, thì Phật dạy quán thân chết. Từ lúc mới tắt thở cho đến một giờ, hai giờ, tới bâm xanh rồi sinh lên v.v... Bây giờ nói gần nhất như người thân của mình, hoặc anh em cha mẹ, khi tắt thở chừng vài chục tiếng đồng hồ, mình dám lại gần không? Đó, lúc sống là cha, là mẹ, là anh, là em mà chết liền thành thân ma, gớm sợ đủ thứ hết. Như vậy mới thấy rằng thân đó không thật quý. Nếu thật quý thì chúng ta đâu có sợ.

Phật bảo ai bệnh nặng về sắc, thì phải luôn luôn quán thân là nhơ nhúa. Từ tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương, ba mươi sáu vật xét cho thật kỹ, vật nào cũng nhơ nhớp hết. Quán như vậy mà không hết bệnh thì phải quán thân chết. Đó là cách trị bệnh tham sắc.

Lâu nay quý vị có trị bệnh đó chưa? Tu mà không chịu trị bệnh, nên bệnh còn hoài. Rồi than sao tôi tu lâu quá mà những thói xấu không chịu hết. Vì có chịu quán đầu, không chịu uống thuốc mà cứ đọc toa thuốc của Phật suốt ngày thì làm sao hết bệnh được. Đó là bệnh thứ hai.

3- Bệnh tham danh. Tham danh tức là muốn được chức phận cao, muốn được người ta khen ngợi v.v... Phật dạy bệnh tham danh lấy thuốc vô thường để trị. Giả sử người ra ứng cử Tổng thống được đắc cử, người đó hưởng địa vị ấy bao lâu? Bốn năm, tám năm rồi cũng hết. Sau đó cũng thành thường dân trở lại, đâu có bền, đâu có lâu dài mà phải chịu bao nhiêu thứ khổ sở. Đó là dùng thuốc vô thường để trị bệnh tham danh. Song muốn uống cho hết gốc thì phải thêm thang thuốc quán "khổ" nữa.

Bởi vì người cầu danh trước khi được cũng khổ, sau khi được cũng khổ. Như trước khi được làm Tổng thống phải vận động, chạy ngược chạy xuôi cầu mong người ta bỏ phiếu cho mình, vận động là khổ rồi. Đến khi đắc cử Tổng thống có vui không? Phải lo đủ thứ việc, rồi lại sợ người ta đoạt mất ghế nữa. Đó, được và gìn giữ cho đừng mất cũng khổ. Đến khi lỡ rớt xuống có khổ không? Khổ. Như vậy quán ba thời đều là khổ: trước khổ, giữa khổ, sau cũng khổ. Một cái vô thường mà muốn được, phải khổ như vậy thì muốn làm gì? Muốn được khen ngợi làm gì, muốn chức tước cao làm gì? Nhờ quán như thế, tự nhiên mình hết tham danh vọng chức tước cao. Đó là phương thuốc trị bệnh tham danh.

4- Bệnh tham ăn. Bệnh tham ăn này ai cũng có hết. Ăn thì muốn ăn thật ngon, cho vừa với cái lưỡi tham vị ngon. Bệnh tham ăn này phải dùng thuốc gì để trị? Phải dùng hai thứ thuốc trị mới lành.

Thuốc thứ nhất là quán thức ăn nhơ nhớp, không sạch. Khi còn ở trên mâm, nó thơm tho hấp dẫn, nhưng nhai nuốt rồi nó mất. Sau khi mất, tới hồi trả ra rất ghê gớm. Như vậy nó có thật ngon không? Nếu thật ngon thì trước sau đều ngon. Khi đem vô ngon, lúc trả ra cũng phải ngon. Nhưng đằng này đem vô thì ưa, mà đem ra thì ghê. Như vậy đâu phải thật ngon. Đó là nói tiêu hóa được, còn như không tiêu hóa, ăn vô khỏi cỏ mà bao tử không chịu chứa, bắt ụa ra thì có ghê không? Như vậy ngon chỗ nào? Chúng ta xét thức ăn nhơ nhớp không có gì quan trọng, ăn để sống chứ không phải ăn để tìm vị ngon. Mà không tìm vị ngon thì bớt tham ăn.

Thuốc thứ hai, chúng ta xét thức ăn ngon chỉ có mấy phút ở lưỡi thôi, khi nuốt vô rồi liền hết ngon. Cái ngon đó là cảm giác tạm bợ, vô thường, không lâu bền. Vì vô thường nên không quan trọng. Lại thêm nữa, nếu người có tiền của dư dả, muốn ăn gì đều được nấy. Ăn đủ thức ăn ngon sẽ dẫn đến kết quả mập phì, bị bệnh cao huyết áp, bệnh tiểu đường, bệnh tim mạch, đủ thứ bệnh v. v... Như vậy ăn càng ngon thì càng khổ, càng bệnh chứ có lợi gì đâu.

Tóm lại, cái mà chúng ta nói ngon đó không phải là lẽ thực, không phải là kẻ lâu dài, chỉ là tạm bợ. Nếu chúng ta lệ thuộc nó thì phải khổ thôi. Quán cái ngon là vô thường, là nhơ nhớp thì lần lần hết tham muốn ăn ngon. Như vậy dùng thuốc quán vô thường, quán bất tịnh để trị bệnh tham ăn.

5- Bệnh tham ngủ. Bệnh này trong chùa dễ mắc lắm. Vì phải thức khuya dậy sớm, nên người nào tham ngủ nhiều sẽ khó thức lắm. Hồi tôi còn ở trường, có mấy huynh đệ thường dặn: "Khuya nhớ kêu tôi dậy đi công phu nghe". Tôi khuya đánh keng tôi kêu, lắc qua lắc lại một hồi, huynh ấy nói đau đầu quá, rồi ngủ ớt không thèm dậy công phu luôn. Đó là bệnh tham ngủ. Bởi tham ngủ nên mất hết thì giờ tu hành của mình.

Làm sao để trị bệnh tham ngủ? Muốn trị bệnh này, cũng có hai thứ thuốc. Một là thuốc vô thường. Hồi xưa, mỗi khi tụng kinh thường nghe câu: "Thị nhục dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư..." nghĩa là ngày nay đã qua, mạng cũng theo đó mà giảm, như cá cạn nước... Như vậy cuộc sống thật ngắn ngủi, thật tạm bợ mà mình cứ lo ngủ, tức là giết hết thì giờ quý báu rồi. Cho nên phải siêng năng thức dậy tu.

Hai là lấy roi tinh tấn để đánh ma ngủ. Nghe tiếng keng, chưa chịu dậy thì phải rầy cho nó tỉnh dậy liền. Tu hành mà lười biếng là cái nhân đọa vào đường ác. Nên phải mạnh mẽ, phải tinh tấn, nhắc như vậy cho mình cố gắng lên. Đó là dùng

thuốc tinh tấn và thuốc quán vô thường để trị bệnh lười biếng. Nhờ thế ma ngũ lui mất.

Tóm lại, để trị năm thứ bệnh tham đó, chúng ta phải biết và dùng các toa thuốc như sau:

- Tham tài dùng thuốc bố thí.
- Tham sắc dùng thuốc quán bất tịnh.
- Tham danh dùng thuốc quán vô thường và quán khổ.
- Tham ăn dùng thuốc quán bất tịnh và quán vô thường.
- Tham ngủ dùng thuốc quán vô thường và roi tinh tấn.

Trong năm thứ tham này không ai giống ai, kẻ tham thứ này, người tham thứ kia, không giống nhau. Cho nên mỗi thứ đều có thuốc để trị. Như vậy là trị được bệnh tham. Trị được bệnh tham là đuổi con rắn tham ra rồi.

Đến con rắn sân. Người bị bệnh sân lấy thuốc gì để trị? Phật dạy dùng hai thứ thuốc để trị. Một là nhẫn nhục, hai là từ bi. Khi người ta nói trái ý hoặc làm thương tổn đến danh dự của mình, lúc cơn giận bùng bùng nổi lên. Chúng ta liền dùng thuốc nhẫn nhục. Nhẫn làm sao, uống bằng cách nào?

Khi nóng giận phùng phùng nổi lên thì nó sẽ phát ra lời nói, phát ra hành động. Vì vậy lửa sân vừa dậy lên thì chúng ta liền phải trị bằng thang thuốc nhẫn nhục. Song nhẫn bằng cách nào, làm sao nhẫn? Nói nhịn là được, nhưng sự thực nói nhịn không thì chưa đủ sức để nhịn. Chúng ta phải nói rõ ràng: "Nhịn là khôn, nói là dại", nhắc tới nhắc lui câu đó chừng chục lần thì hết giận.

Bởi khi giận nói ra liền nói bậy. Có khi nào mình nổi nóng mà nói đàng hoàng đâu. Nổi nóng thì toàn là nói bậy, nói lời không hay, nói lời thô tục v.v... Vì vậy mà phải tự nhắc "nhịn là khôn, nói là dại". Chúng ta muốn khôn, không muốn dại thì nhịn, làm thinh bỏ qua. Nhưng bỏ qua một lát thì dễ, đến chừng nhớ lại cũng nổi nóng nữa. Bây giờ phải làm sao trị cho dứt tận gốc mới được? Nên phải dùng thuốc quán từ bi để trừ căn.

Quán từ bi là quán thế nào? Như khi ta nổi giận lên, lúc đó thấy người làm cho mình giận dễ thương hay dễ ghét? Rất dễ ghét, chẳng những ghét mà còn muốn chửi, muốn đánh họ cho đã giận. Nên phải dùng thuốc quán từ bi. Nhưng quán từ bi bằng cách nào? Họ chửi mình làm sao quán từ bi được? Tôi sẽ chỉ cho quý vị cách quán từ bi không khó.

Ví dụ chúng ta vào bệnh viện tâm thần thăm một người quen. Vừa bước vào cửa rào, gặp một người điên chỉ vô mặt mình chửi, lúc đó chúng ta xử trí ra sao? Họ chửi mình không có duyên có gì hết, không động phạm gì hết, như vậy đáng giận không. Nếu giận, mình chửi mình đánh lại thì người ngoài cuộc sẽ nói mình thế nào? Kẻ đánh lộn với người điên là kẻ điên luôn rồi, chứ còn gì nữa.

Như vậy để phân biệt ai là kẻ điên, ai là người tỉnh thì khi gặp kẻ điên loạn làm bậy, nói bậy, mình phải tỉnh không cự lại họ. Người ta điên nên người ta bậy, người ta sai. Còn mình bình tĩnh thì phải sáng suốt mới đúng chứ. Nên khi người vô cớ chửi mình, làm nhục mình, chúng ta phải nghĩ người đó không được mình mẫn nên họ mới nói bậy, làm bậy. Người đó đáng thương chứ không đáng giận. Xét như vậy chúng ta thương họ, tội nghiệp họ nên không giận. Nhờ thế trị hết gốc giận luôn.

Quý Phật tử phải khéo tu mới hết nóng giận. Nhiều vị nói tánh tôi nóng quá, nên mỗi bữa đốt hương nguyện Phật cho con hết nóng. Phật cho được không? Phật không thể cho mình hết nóng mà Phật chỉ dạy pháp tu, chúng ta ứng dụng theo đó tu tập thì sẽ hết nóng giận. Phương pháp trị nóng giận là hành hạnh nhẫn nhục và quán từ bi.

Trong kinh Phật có kể lại một câu chuyện: Hôm đó, Ngài khát thực tại một khu làng của các vị Bà-la-môn. Bỗng đạo Bà-la-môn thấy Phật oai nghi nghiêm trang tề chỉnh, tướng mạo rất đẹp, nên họ vây quanh chiêm ngưỡng Phật. Sau khi thọ trai xong, Phật nói pháp cho họ nghe. Nghe xong, họ phát tâm quy y Phật. Đôi ba lần như vậy nên xóm Bà-la-môn đó theo Phật hết.

Bấy giờ, vị thầy của họ tức quá, ông đợi đức Phật đến, rồi lẻo đẻo theo sau kêu tên của Phật chửi. Chửi một hồi, ông thấy Phật vẫn cứ ung dung đi, không để ý gì cả, ông bèn chặn đường Phật, hỏi:

- Cù Đàm, thua tôi chưa?

Phật trải tọa cụ ngồi xuống, đọc bài kệ:

Kẻ hơn thì thêm oán

Người thua ngủ chẳng yên

Hơn thua hai đều xả

Ấy được an ổn ngủ.

Phật im lặng, ngoại đạo tưởng Phật thua. Nhưng sự thực ai còn chê người, còn giành phần hơn thì kẻ đó là người bất an. Như vậy mới thấy nhịn là khôn, chửi là dại.

Chúng ta thấy ngay cả đức Phật ngày xưa, đâu phải ai cũng cung kính hết, vẫn có người chửi như thường. Nếu gặp người chửi, Ngài cũng chửi lại thì bây giờ chúng ta có lạy Phật không? Cũng vậy, giới tu sĩ chúng ta nếu bị người mắng chửi, liền nổi tức lên cự lộn với người ta, rồi cuộc lộn hết về mình. Vì sao? Vì đã là tu sĩ mà còn nóng giận sân si như vậy, thì đâu thể gọi là kẻ tu hành được. Làm sao dạy dỗ hàng Phật tử? Chửi càng hơn, càng thắng thì càng bị người ta coi thường.

Nên người tu hành phải lấy hạnh nhẫn nhục làm đầu. Lúc nào, hoàn cảnh nào dù thuận hay nghịch, mình cũng phải hoan hỷ, cũng phải bỏ qua hết. Như vậy mới gọi là tu, tu thì mới trị hết các bệnh. Nên nhớ chúng ta muốn tu thì phải cố gắng trị bệnh của mình cho lành. Đó là thuốc trị bệnh sân.

Đến bệnh si. Si mê là điều rất nguy hiểm. Bởi si mê nên chúng ta chấp những cái không thật cho là thật, tưởng tượng những điều không đúng chân lý, không đúng với lẽ thật. Vì si mê nên sanh ra tham, vì si mê nên sanh ra nóng giận. Nên nói si mê là nguy hiểm nhất. Vậy dùng thuốc gì để trị bệnh si mê?

Phật dạy dùng trí tuệ để trị bệnh si mê. Si mê là bóng tối mà trí tuệ là ngọn đèn, là ánh sáng. Có đèn thì không tối, còn tối là không có đèn. Kẻ si mê thì không có trí tuệ, người có trí tuệ thì hết si mê. Do si mê nên có những bệnh như ngã ái, ngã mạn... Ngã ái là gì? Là thương là quý thân này. Ngã mạn là gì? Là cho mình hơn thiên hạ, mình trên hết. Bởi thấy hơn nên khinh người này, chê người kia. Như vậy từ si mê thấy thân này là quý, là thiết nên thương nó, đó là ngã ái. Thấy thân mình là quan trọng, là cao hơn người nên sanh ngã mạn.

Người si mê sanh ngã ái, ngã mạn phải dùng thuốc gì để trị? Mỗi tối, chúng ta từ cư sĩ cho đến xuất gia đều tụng Bát-nhã hết phải không? Bây giờ tôi chỉ nhắc lại một câu thôi: "Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách". Chiếu kiến ngũ uẩn giai không là sao? Là soi thấy thân năm uẩn này không thiết, nhờ soi thấy thân năm uẩn không thiết nên qua hết khổ nạn.

Chúng ta tụng kinh Bát-nhã bao nhiêu năm rồi, có chiếu kiến ngũ uẩn hay là đọc trả bài cho Phật? Phật dạy phải soi thấy năm uẩn này không thiết. Đã không thiết thì còn gì yêu mến nó, còn gì quý trọng nó. Nhưng vì chúng ta tụng mà không chịu chiếu, không chịu soi nên tụng hoài mà cái ngã vẫn y nguyên, không mất chút nào hết. Năm uẩn có chia ra làm hai: một là vật chất, hai là tinh thần.

- Vật chất: Sắc uẩn do đất, nước, gió, lửa, bốn chất hợp thành nên không thiệt, nó là giả dối.

- Tinh thần: Thọ uẩn là những cảm giác, khổ, vui hoặc không khổ không vui... Những cảm giác ấy có một chút rồi qua, đâu còn hoài nên nói không thiệt. Tưởng uẩn, là những bóng dáng tưởng tượng, không có thiệt. Hành uẩn là những suy tư, suy tư là một dòng sinh diệt. Thức uẩn là ý thức phân biệt sanh diệt liên tục, nên cũng không thiệt. Xét kỹ ngũ uẩn về hai mặt tinh thần và vật chất đều là duyên hợp, hư giả không thiệt. Biết rõ nó không thiệt, tánh nó là không thì khổ nạn nào cũng qua. Phật dạy kỹ quá, bắt đọc mỗi đêm mà khổ nạn nào chúng ta cũng cứ chịu chứ qua không nổi. Nếu thấy thân này không thiệt, năm uẩn không thiệt thì giả sử có ai chửi, mình có quan trọng không? Thân đã không thiệt thì lời chửi có thiệt đâu, có nghĩa gì đâu mà buồn. Thấy rõ như vậy thì ngã ái, ngã mạn theo đó nó hết. Đó là tu Bát-nhã, là trí tuệ.

Bát-nhã có chia ra ba phần: một là Văn tự Bát-nhã, hai là Quán chiếu Bát-nhã, ba là Thật tướng Bát-nhã. Ngài Thái Hư (Trung Quốc) dùng một ví dụ rất hay về ba thứ Bát-nhã này. Ngài nói như có người cần qua sông, họ bước xuống thuyền, được ngồi trên thuyền, đó là Văn tự Bát-nhã. Xuống thuyền rồi thì quay chèo, cầm dầm bơi, đó là Quán chiếu Bát-nhã. Bơi cho thuyền cập bến sang sông rồi mình lên bờ, đó là Thật tướng Bát-nhã.

Như vậy chúng ta đang tu là tu Bát-nhã nào? Văn tự Bát-nhã. Nhưng xuống thuyền rồi, cứ ngồi yên đó không chịu bơi chèo gì hết, thì chừng nào mới qua tới bên kia sông? Nên biết chúng ta tu chưa đúng với những gì Phật dạy. Chiếu kiến là quán, quán rồi mới đi tới Thật tướng.

Nếu chúng ta không chịu quán, chẳng khác nào xuống thuyền muốn qua sông, mà không chịu bơi chèo, cứ ngồi ì đó hoài thì bao lâu mới qua được bờ bên kia? Chắc tới thuyền mục cũng không qua được. Cứ dùng văn tự cho đó là đủ, không chịu quán chiếu. Bởi không quán chiếu nên không thể tiến lên, không dẹp được phiền não. Vì vậy tu mười năm, hai mươi năm mà phiền não vẫn y nguyên. Đó là lỗi lầm lâu nay chúng ta mắc phải.

Do quán chiếu, soi rọi thấy thân này tạm bợ, hư giả nên chúng ta không ái nó. Không ái nó thì không ngã mạn. Như vậy tu là để diệt trừ bệnh cho mình. Muốn trừ bệnh thì phải dùng thuốc. Nếu được toa thuốc mà mình không mua thuốc uống thì cái toa cũng trở thành vô nghĩa. Phật dạy phải quán chiếu để thấy rõ năm uẩn không thiệt mà mình cứ đọc cho Phật nghe hoài thì chừng nào mới hết bệnh? Tu như vậy thì chừng nào mới thành Phật?

Ở đây, tôi chỉ nói những bệnh căn bản là tham sân si, để quý vị biết từng thứ thuốc mà trị bệnh. Bây giờ có thứ thuốc nào trị bá bệnh không? Cũng có thuốc

trị bá bệnh, nhưng trị bá bệnh thì chậm lành hơn. Thuốc nào bệnh nấy thì mau lành, còn thuốc trị bá bệnh chỉ có tác dụng nhẹ thôi. Thuốc trị bá bệnh là gì?

Nếu người tu Tịnh độ thì dùng "Lục tự Di Đà" làm thuốc trị bá bệnh. Khi vừa nổi sân, chúng ta cứ nhớ niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", niệm một hồi quên sân phải không? Vừa có việc gì buồn, niệm Phật một hồi quên buồn, đó là thuốc trị bá bệnh. Thuốc bá bệnh thì yếu hơn một chút, phải siêng năng cần mẫn trị mới lành, nếu không thì không lành. Đó là thuốc trị bá bệnh của người tu Tịnh độ.

Nếu người tu Thiền thì thuốc trị bá bệnh là gì? Khi nào vừa dấy niệm chạy theo cảnh, chúng ta liền buông, vì sao phải dùng thuốc đó? Vì tất cả buồn, thương, giận, ghét đều từ ý niệm dấy lên. Do khởi niệm nên mới tới buồn, thương, giận, ghét. Nếu vừa khởi niệm liền buông bỏ không theo, như vậy là vừa trị, vừa ngừa bệnh. Khi nó mới dấy chưa thành bệnh thì không gọi là trị? Vừa dấy lên mình liền buông tức là ngừa bệnh. Buông hết, đến một lúc nào đó tâm không còn buồn giận, tức là hết đau khổ. Đó là thuốc trị bá bệnh trong nhà Thiền.

Nhưng có người mới tập tu Thiền một năm hai năm, niệm cứ khởi hoài nên than sao tu mà niệm không lặng. Vậy phải làm sao cho có kết quả. Chỗ này, tôi dẫn lời của Lục tổ Huệ Năng dạy trong kinh Pháp Bảo Đàn: "Bất phạ niệm khởi, duy khủng giác trì", nghĩa là không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.

Dấy niệm là mê, biết nó hư dối không theo, đó là giác. Giả sử một ngày dấy lên một trăm lần niệm, tức một trăm lần mê thì sẽ có một trăm lần giác. Như vậy đâu có thiệt thòi gì, chỉ sợ mê mà mình không giác, đó mới là thiệt thòi.

Như vậy người tu Tịnh độ thì niệm danh hiệu Phật để tiêu mòn các bệnh. Còn người tu Thiền thì nhìn lại mình, tức là phản chiếu bằng trí tuệ. Vừa thấy niệm liền buông đi, lần lần niệm dứt sạch, bệnh được lành. Đó là dùng trí tuệ phá tan các mầm bệnh. Như vậy tu Tịnh độ cũng có thuốc trị bá bệnh, tu Thiền cũng có thuốc trị bá bệnh. Song pháp nào cũng phải thực hành đến nơi đến chốn mới có kết quả, chớ còn thực hành nửa chừng hay chút ít thì không bao giờ có kết quả.

Người học Phật mà không biết pháp, không biết bệnh thì khó trị lành. Hôm nay tôi hướng dẫn quý vị ba căn bệnh ngặt nghèo là tham sân si. Quý vị cố gắng dùng thuốc, chớ không nên học thuộc lòng toa thuốc, cũng không nên chấp tay xin thầy thuốc cho con hết bệnh. Được vậy, chúng ta tu sẽ có kết quả, không nghi.

Chúc tất cả đều trị lành bệnh của mình.

VÔ MINH

Giảng tại trường hạ Phổ Đà TP. HCM
ngày 25-6-2000 - Canh Thìn

Hôm nay tôi được mời về giảng cho Ni chúng cũng như quý Phật tử một thời pháp. Tôi thường nói, làm sao cho tất cả người phát tâm tu đều biết được chánh pháp và thực hành đúng chánh pháp, đó là nguyện vọng của tôi.

Đề tài của thời pháp này là Vô minh. Khi biết rõ vô minh rồi, chúng ta mới có thể tìm cách tiêu diệt nó. Tiêu diệt được vô minh rồi, chúng ta sẽ giải thoát sanh tử. Chúng ta ai cũng biết trong mười hai nhân duyên, đức Phật nói cái đầu là vô minh. Từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Như vậy đau khổ cuối cùng của sanh già bệnh chết gốc từ vô minh mà ra. Vì vậy chúng ta muốn tu cho được kết quả, tu đến giải thoát sanh tử thì gốc vô minh chúng ta phải biết rõ. Biết rõ rồi chúng ta trừ diệt nó. Như vậy mới là người biết cội gốc tu hành.

Trước tiên, tôi định nghĩa vô minh là gì? Vô là không, minh là sáng. Vô minh tức là không sáng. Cái khổ của sanh tử gốc từ vô minh mà ra. Vô minh hiểu theo nghĩa mê lầm, đen tối là nghĩa đen. Vô minh còn có nghĩa khác mà trong kinh đức Phật giải thích rất rõ ràng.

Nghĩa khác thế nào? Như đức Phật dạy trong các kinh A Hàm: "Thấy các pháp, không biết đúng như thật gọi đó là vô minh". Nghĩa là chúng ta thấy mọi sự vật ở trên đời mà không biết đúng như thật, chỉ biết bằng cách tưởng tượng sai lầm, đó là vô minh. Cho nên trong các bộ kinh A Hàm luôn luôn nói "vô minh là không thấy, không biết đúng như thật". Nói rõ hơn không biết, không thấy đúng như thật pháp Tứ đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế, gọi là vô minh. Đó là lời giải thích trong kinh A Hàm.

Kinh Viên Giác giải nghĩa khác, có một vị Bồ-tát hỏi: "Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh?". Phật dạy:

"Vô minh nghĩa là đối với thân tứ đại duyên hợp tướng lầm là thật, là quý. Đối với tâm duyên theo bóng dáng sáu trần cho đó là tâm thật. Như vậy là vô minh". Chấp thân tứ đại là thật, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó

là vô minh. Tôi xin hỏi Ni chúng và Phật tử ở đây, quý vị có vô minh không? Chắc ai cũng đồng ý có vô minh. Tại vì tất cả đều thấy thân mình là thật, thấy tâm nghĩ tưởng việc này, việc nọ là tâm mình thật. Thấy hai cái đó thật là vô minh.

Chúng ta vì vô minh lôi dẫn mà sanh tử đến ngày nay không dừng. Người tu Phật là người cầu được phước lên cõi trời, hay cầu đời sau sang giàu? Người tu Phật là người cầu giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì phải dẹp sạch vô minh. Nếu không hết vô minh thì không làm sao ra khỏi sanh tử được.

Vì vậy tất cả chúng ta đều phải cố gắng, đều phải nhận định cho chín chắn, rõ ràng về vô minh. Nếu không biết nó, không dẹp nó thì muôn kiếp tu là tu, chớ không ra khỏi sanh tử được. Nên bài giảng này rất quan trọng đối với việc tu hành của chúng ta. Quý vị cố gắng nghe thật kỹ, nhớ thật rõ để ứng dụng tu thì sẽ có lợi lạc lớn.

Nhà Phật chia vô minh làm hai phần: Căn bản vô minh và chi mạng vô minh. Căn bản là cội gốc, chi mạng là ngọn ngành hay nhánh nhóc. Trong mười hai nhân duyên cái gì là căn bản vô minh, cái gì là chi mạng vô minh? Thường ai cũng biết Phật nói vô minh duyên hành. Tức từ vô minh phát ra nghiệp, nghiệp dẫn thân thức đi thọ sanh v. v... Vậy vô minh ban đầu là gốc của sanh tử, nên gọi là căn bản vô minh.

Kể đến cái gì là chi mạng vô minh? Chúng ta thử ôn lại: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ... Ái và thủ chính là chi mạng vô minh.

Bây giờ chúng ta tu, không thể diệt được căn bản vô minh vì căn bản vô minh là vô minh ban đầu, nó thuộc về quá khứ đã qua rồi. Nên hiện tại chúng ta tu là làm sao tiêu diệt được chi mạng vô minh. Phá được chi mạng vô minh rồi thì chúng ta sẽ dứt được sanh tử. Còn nếu chưa phá được nó thì chúng ta đi mãi trong sanh tử.

Trở lại căn bản vô minh. Như trong kinh A Hàm nói: "Biết không đúng như thật về khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế gọi là vô minh". Tất cả quý vị đối với Tứ đế đã biết đúng như thật chưa? Nếu biết đúng như thật về Tứ đế thì chúng ta đã ngộ, đã nhận được giáo lý giải thoát của pháp Tứ đế dạy rồi. Nhưng bây giờ chúng ta còn mơ màng, chưa nhận chân sự thật nên chưa hiểu thấu được lý Tứ đế.

Trong Tứ đế, đế đầu tiên là Khổ đế. Chúng ta thấy cuộc đời này khổ hay vui? Khổ. Nhưng chỉ khổ lúc có người làm phiền, làm cho ta tức giận thôi. Còn lúc được người tặng tui, khen ngợi đâu có khổ. Nghĩa là chỉ khổ lúc buồn tui, còn khi được tán thán khen ngợi thì quên khổ.

Phật nói Khổ để vì tất cả con người sanh ra trên thế gian này có tám thứ khổ, gồm bốn phần thuộc vật chất: sanh, lão, bệnh, tử và bốn phần thuộc tinh thần: ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh. Trong tám khổ, chúng ta có ai qua khỏi không?

Xét về thân thì ai rồi cũng già, cũng bệnh, cũng chết. Quý vị thấy già khổ không? Khô. Bệnh khổ không? Khô. Chết khổ không? Khô. Nhưng sao tôi già, tôi không khổ. Già khổ nếu mình không biết tu. Bởi không biết tu nên thấy thân hơi mỏi mòn, bệnh yếu, rồi đi đứng lọng cọng... đủ thứ hết nên thấy khổ.

Nếu biết tu thì già là một lẽ thật, nó phải tới tự nhiên thôi, không ai trốn tránh được, kể cả Phật cũng không trốn được. Nếu Phật trốn được thì thân tứ đại của Ngài đâu có mất. Ai có thân thì cũng phải già bệnh chết. Vì đó là qui luật của thế gian, chúng ta không ai chối cãi được. Đã là qui luật thì sợ có khỏi được không? Nếu không khỏi được thì sợ chi cho vô ích. Thay vì sợ mình cười chơi cho vui, khoẻ hơn không. Như vậy thì đâu có gì khổ. Tại chúng ta sợ nó cho nên khổ. Nên biết già chỉ khổ đối với những người không biết tu thôi.

Đến bệnh khổ, tại sao bệnh khổ? Ví dụ như đau bụng có khổ không? Khô toàn thân hay chỉ cái bụng khổ? Đau chỗ nào thì khổ chỗ đó thôi. Lâu nay chúng ta hay hiểu lầm, cứ nghĩ đau cái chân thì cả thân đều đau nên rên ri "đau quá chịu không nổi". Nếu hỏi cái gì đau thì nói "tôi đau". Nhưng thật ra tôi đau hay cái chân đau? Chân đau thì chỉ đau một chút dưới chân, còn các một bộ phận khác đâu có đau. Nếu bụng đau thì chỉ một chút ở bụng, còn các chỗ khác đâu có đau, tại sao phải khổ dữ vậy?

Chúng ta có bệnh đồng hóa khi chân đau nghĩ là mình đau, nên quần quai rên xiết. Cái đau chỉ ở một nơi, một chỗ chứ không phải mình. Mình là cái gì quý vị biết không? Nếu mình là tứ đại thì mai một tứ đại hết thảy, mình đi đâu, có còn không? Tứ đại là mình thì tứ đại rã, mình cũng phải rã theo chứ. Nhưng tứ đại này rã không phải là hết, mình vẫn còn. Cho nên tứ đại đau chứ mình đâu có đau.

Có một Thiên sư khi bệnh, thầy Tri sự vô thăm hỏi:

- Hoà thượng bệnh, có cái không bệnh chăng?

Thiên sư trả lời:

- Có.

Thầy Tri sự hỏi tiếp:

- Cái gì không bệnh?

Thiền sư kêu lên:

- Ui da, ui da.

Như vậy là sao? Bệnh chỉ là thân thôi, cái biết rên "ui da" đó không có bệnh. Chúng ta bệnh, chúng ta khổ nhưng còn có cái không bệnh không khổ mà mình không biết. Vì vậy chúng ta cứ lầm lẫn một bộ phận đau coi như toàn thân đau, rồi khổ sở, lăn lóc rên rỉ. Nếu bộ phận nào đau, chúng ta cứ nhìn xem nó đau ra sao. Ví dụ chân đau, nhìn xem nó đau ra sao. Nhìn một hồi nó quên đau. Còn nếu mình quần quai rên rỉ thì đau cả người.

Chúng ta tu phải có nhận định đúng đắn không sai lầm thì hết khổ. Nhiều người hay nói, mấy cô còn nhỏ đau, thì bệnh chừng năm mà thêm cái nhõng nhẽo nữa. Bệnh chừng năm mà rên quá nên thành mười. Đó là không can đảm, không sáng suốt. Chúng ta bệnh phải nhìn lại, xem nó hành làm sao, đau như thế nào. Phải luôn luôn can đảm thấy rằng đau là một bộ phận đau, chứ mình không đau, như vậy sẽ bớt đau. Được thế thì đau không còn khổ nữa. Ngược lại, nếu thấy đau là mình thì khổ liên miên. Nay nhưc đầu, mai đau bụng, lúc nào cũng thấy khổ. Như vậy bệnh là khổ.

Đến chết có khổ không? Phật nói chết là khổ, đó là nói theo con mắt của thế gian. Bởi vì người phàm tục rất quý thân, lúc nào cũng muốn sống mà bây giờ phải chết thì khổ. Vậy chết khổ là đối với người quý chuộng thân, muốn giữ nó mãi. Còn người tu đạt đạo rồi, chết không có khổ. Cho nên người thế gian gần chết thì khóc rên giãy giụa, còn các Thiền sư chết thì cười.

Vậy chết nhất định là khổ chăng? Không hẳn thế. Người nào nhận chân được lẽ thật, thấy được chân lý rồi thì không khổ. Người nghĩ thân này là mình, mất rồi không còn nữa thì người đó sẽ khổ. Thân này giả dối, tạm bợ, đủ duyên nó tụ, hết duyên nó tan, còn cái chân thật của mình không tan không mất bao giờ. Nên khi thân sắp tan, nhìn nó cười thôi không có gì sợ hết.

Phật nói Khổ đế là căn cứ trên người mê lầm. Nếu chúng ta khéo tu, vượt qua không còn chấp thân nữa thì không còn khổ. Cho nên người tu là người không khổ. Nhưng bây giờ người tu còn khổ hay hết khổ? Chắc là còn khổ. Sao dở vậy? Tu là để giải khổ hết khổ, mà mình tu lại khổ. Tại sao? Tại tu mà chưa lãnh hội được nguồn cội của Phật dạy cho nên thấy khổ.

Người hiểu thấu đạo lý rồi, mỗi ngày tu là mỗi ngày vui. Đi đâu cũng cười hoài vì được tu là chuyện hy hữu. Ở thế gian bao nhiêu thứ trói buộc, vô chùa đâu có gì trói buộc. Thánh thoi tự tại quá, mà khổ là sao? Khổ là tại vì thấy người này được thầy thương, còn mình không được thương nên buồn giận sanh khổ. Thấy

người kia được Phật tử cúng dường, còn mình không ai cúng hết nên khổ. Khổ này là do bị thử nhân ngã mà sanh.

Chúng ta nhớ người xuất gia là hành hạnh siêu thoát, kẻ trần tục không làm được. Phật tử ham tu, nhưng vẫn còn bị gia đình trói buộc, không tự do. Nhìn lại quý thầy quý cô thành thời quá, họ khen thầy cô thật là phước lớn. Được khen mà quý vị lại than khổ. Người ta mơ ước như mình, mà mình được rồi lại khổ là chuyện vô lý quá.

Là người tu, chúng ta phải biết lý do gì mình đi tu. Tu để tiến tới đâu, cầu cái gì? Thấy cho rõ như vậy thì sự tu hành mới tới nơi tới chốn, mới giải thoát sanh tử được. Nếu cứ nhìn theo tâm phàm tục thương ghét v. v... thì quý vị sẽ khổ hoài, không bao giờ hết khổ. Như vậy Khổ đế là do chúng ta chưa thấy được như thật. Đó là tôi nói căn bản vô minh để quý vị nắm đại khái.

Kể đến tôi nói về chi mạt vô minh.

Tất cả chúng ta đã bị vô minh thúc đẩy tạo thành hành nghiệp dẫn đi trong sanh tử nhiều đời. Bây giờ đã có thân thì đối với cái vô minh ban đầu không thể dẹp vì nó thuộc về quá khứ. Cho nên dẹp là dẹp chi mạt vô minh, tức cái ngọn ngành trong hiện đời. Vậy ngọn ngành của vô minh là gì? Là ái, thủ.

Ái là ái cái gì? Thường trong nhà Phật nói ái nặng nhất, nguy hiểm nhất là ái ngã. Ái ngã tức là thương mình, thương mình là số một. Trong truyện xưa, vua Ba Tư Nặc hỏi Mạt Lợi phu nhân: "Trên thế gian này ái khanh thương ai nhiều nhất?" Vua nghĩ hỏi vậy, phi sẽ trả lời: "Thương Bệ hạ nhiều nhất". Nhưng ngược lại bà nói: "Thiếp thương mình nhiều nhất". Vua thất vọng hỏi: "Tại sao ái khanh thương mình nhiều nhất?". Bà giải thích: Vì thương mình nhiều nhất nên thiếp mới quý trọng Bệ hạ, bởi Bệ hạ làm cho thiếp được sung sướng, giàu sang". Vua nghe thấy có lý, nên gật đầu khen phải.

Rõ ràng như bà phi đã nói, bà thương vua là vì bà, chứ không phải vì vua. Quý vị ở đây có ai thương người khác nhiều hơn thương mình không? Chắc là không. Ví dụ mình bệnh, có huynh đệ chăm sóc chu đáo. Mình thấy huynh đệ đó tốt nên thương. Do người đó săn sóc mình trong lúc bệnh nên mình mới thương, chứ đâu phải bỗng dưng mà thương. Vậy thương người đó là qua mình, chứ đâu phải tự người đó được thương.

Xét kỹ tất cả cái thương người khác đều là qua mình hết, không bao giờ người ta chửi mình mà mình thương họ. Dầu người đó tu hay cũng mặc, hễ họ mắng nhiếc mình thì mình vẫn không thương như thường. Vậy thương mọi người đều qua cái ngã của mình. Cho nên nói ái ngã là số một. Bởi thương mình nhiều,

nên thân này sắp hoại mình khổ, khổ vì sợ mất nó. Do đó khi nó hoại rồi, mình hoảng tìm thân khác để tựa vào, vô minh sanh hành là như thế.

Từ vô minh chi mạng là ái ngã, nên tìm thân khác để tựa vô rồi sanh ra ngã kế tiếp, vì vậy nó dẫn mình đi trong sanh tử. Do ái ngã mà sanh tử tiếp nối không cùng. Đẹp được ái ngã thì vòng sanh tử đời sau không còn. Nếu đẹp không được thì khó mà đi trên đường giải thoát. Tuy nhiên đẹp ái ngã là chuyện rất cay đắng. Mặc dù nó không ra gì nhưng đẹp nó rất khó, bởi vì ai cũng thương mình hết. Thương mà muốn đẹp thì làm sao đẹp được? Phải không thương mới có thể đẹp chứ. Do đó Phật dạy phương pháp để chúng ta không thương ngã nữa.

Phật dạy thân này vô ngã, tức không có cái ta thật. Nếu biết thân này không có cái ta thật thì bớt thương nó. Còn thấy thân này là ta thì nhất định phải thương, không nghi ngờ. Vì vậy Phật dạy phải quán các pháp vô ngã. Các pháp vô ngã thì thân này cũng vô ngã. Không có cái thật ta thì thương cái gì. Nhờ thế phá trừ được ngã chấp.

Do ái ngã nên tất cả vật chung quanh ngã, mình cũng ái theo. Ái ngã nên ái luôn sở hữu của ngã. Mình thương mình nên mới thích đồ ăn ngon, nếu không thương mình thì ăn cái gì cũng được. Thương mình nên mới thích mặc đồ đẹp. Tóm lại tất cả những gì đáp ứng cho ngã sử dụng được tốt, được vừa ý thì mình thương hết. Cho nên nói ái ngã thì ái pháp.

Nếu không ái ngã thì có ái pháp không? Ví dụ mình coi mình không ra gì, khi thấy người ta có món ăn ngon mình đâu cần xin. Còn thấy thân này quý, nên người ta có món ăn ngon mình cũng thèm, thèm thì muốn xin. Vì quý ngã nên phải tìm những vật dụng bổ túc cho ngã được sung mãn. Cho nên thương mình thì sẽ thương tất cả sự vật chung quanh mình, đó gọi là ái ngã và ái pháp. Đây chính là nhân để đi trong sanh tử luân hồi. Phật dạy muốn dứt sanh tử phải phá trừ ngã. Ngã hết thì sanh tử theo đó mà dứt. Ngã còn thì sanh tử không bao giờ hết được. Đó là một lẽ thật.

Tôi nói qua về vô minh căn bản và vô minh chi mạng rồi.

Từ vô minh ban đầu đưa đẩy chúng ta đi vào vòng sanh tử. Đã đi trong sanh tử rồi thì phải chịu đau khổ. Vì vậy chúng ta tu là làm sao biết rõ gốc vô minh, để chuyển từ mê lầm sanh tử trở về giải thoát an lạc, đó là minh. Trong kinh Pháp Hoa có nói: Chàng cùng tử bỏ cha mẹ đi lang thang, đi mãi. Càng đi thì càng khổ sở, càng nghèo túng. Đến lúc anh ta cảm thấy xa cha mẹ khổ quá muốn quay đầu trở về. Trở về và được cha trao cho gia tài rồi thì trở thành ông trưởng giả giàu có, sang trọng.

Như vậy do đâu mà chàng cùng tử bỏ cha mẹ ra đi? Do niệm sai lầm ban đầu tức là vô minh. Từ niệm sai lầm ban đầu dẫn chúng ta đi trong đau khổ không cùng. Khi biết lang thang lặn lội là khổ, muốn trở về tìm cha cho bớt khổ. Xoay trở về tìm cha là hơi minh một chút rồi đó. Bỏ cha mẹ ra đi là vô minh. Khi thức tỉnh, giặt mình xoay về tìm cha là minh.

Vậy minh là nhân đưa mình đến chỗ hết khổ đau, vô minh là nhân dẫn mình đi tới khổ đau. Người tu phải tiêu diệt vô minh để trở về với minh. Vô minh sạch rồi thì đau khổ theo đó hết, vô minh càng nhiều thì đau khổ càng đậm. Nên chúng ta phải thức tỉnh, phải trở về được với cái minh.

Muốn trở về với cái minh phải làm sao? Ngày trước chàng cùng tử bỏ cha đi càng xa càng khổ, bây giờ trở về gặp cha thì càng về gần càng ít khổ. Tới chừng gặp được cha rồi, được trao gia tài thì hoàn toàn hết khổ. Chúng ta do vô minh lôi dẫn, đưa đẩy đi trong sanh tử triền miên, không có ngày cùng. Cho nên khi thức tỉnh được trở về, là đi trên con đường minh, con đường ánh sáng rồi đó. Ni chúng đang tu hành như vậy là đang từ bỏ vô minh để hướng về minh. Biết trở về và trở về đến nơi đến chốn thì quý vị hết khổ. Đó là điều hết sức rõ ràng.

Nếu chúng ta mê thì cứ thả trôi muôn đời muôn kiếp trong sanh tử. Một khi tỉnh tìm về đường giải thoát rồi thì hết mê. Tôi dẫn lời đức Phật dạy về vô minh trong kinh Viên Giác: "Cái gì là vô minh? Thấy thân tứ đại là thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh". Thân là do tứ đại hợp mà thấy là mình thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình thật. Hai thứ chấp đó là vô minh.

Bây giờ muốn minh phải làm sao? Phải xả. Xả thế nào? Chẳng lẽ tự tử. Không phải vậy. Biết như thế rồi, ta quán chiếu thấy rõ thân tâm này không thật, nên không đắm luyến, không sợ mất nó. Như vậy là minh.

Người mê với người tỉnh khác nhau chỗ nào? Ví dụ trong nhà có đèn sáng, bên ngoài trời tối. Nếu mở cửa thì ánh đèn chiếu sáng ra ngoài. Một người đứng ở cửa nhìn ra ngoài thấy tối, nhìn ngược vô trong thấy sáng. Nếu nhìn ra ngoài rồi cứ phóng đi mãi thì càng đi càng tối. Tối mãi cho đến chừng nào thấy sợ thì quay trở lại ánh sáng. Càng về gần thì càng sáng nhiều, đến khi bước vô cửa nhìn thấy trong nhà đèn sáng choang. Cũng vậy ai thả trôi thân mình, tâm mình theo vòng sanh tử thì cứ chìm đắm mãi không cùng. Ai biết xoay trở lại tìm về ánh sáng ban đầu sẽ được sáng.

Người đứng ở cửa nhìn ra thì tối, xoay vô thì sáng, vậy tối sáng cách nhau bao xa? Chỉ là biết xoay đầu. Xoay đầu lại thì sáng, nhìn ra thì tối. Người xưa thường nói: "hồi đầu thị ngạn", tức xoay đầu lại là bờ giác, nhìn ra ngoài là bến mê. Mê và giác chỉ là một cái xoay đầu. Thả trôi theo dòng tối thì tối mãi, biết xoay

ngược trở lại tìm về ánh sáng thì sẽ được sáng. Tất cả chúng ta tu là phải làm sao chính mình thức tỉnh, chính mình giác ngộ. Thức tỉnh, giác ngộ là không còn mê mà trở về giác.

Chúng ta cạo tóc vào chùa tu là đã thức tỉnh, bỏ lối mê quay về con đường sáng. Đã về đường sáng thì còn muốn quay lại lối mê nữa không? Chắc không bao giờ dám quay lại. Mà phải cắm đầu đi thẳng cho đến bao giờ về đến nơi, thấy và sống trong ngôi nhà sáng sửa ấy mới yên lòng. Đó là mục đích của người tu.

Muốn trở về con đường sáng phải làm sao? Tôi nói lại Phật dạy: "Chấp thân năm uẩn này là ta, đó là vô minh. Chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm, đó là vô minh". Do đó, muốn trở về con đường sáng chúng ta phải phá hai thứ chấp này. Phá chấp bằng cách tu theo Bát-nhã. Bát-nhã là trí tuệ, trí tuệ là sáng.

Bát-nhã chia làm ba phần: Văn tự Bát-nhã, Quán chiếu Bát-nhã và Thật tướng Bát-nhã. Ví dụ người muốn qua sông nên phải xuống thuyền. Mục đích xuống thuyền là để qua sông. Nhưng xuống thuyền rồi cứ ngồi ý trên đó hoài, không chèo không bơi thì chừng nào qua tới bờ bên kia? Xuống thuyền rồi kể đó phải chèo, phải cầm dầm bơi thì mới đưa thuyền đến bờ kia được. Chiếc thuyền dụ cho Văn tự Bát-nhã, chèo dầm dụ cho Quán chiếu Bát-nhã, đến bờ bên kia là Thật tướng Bát-nhã, tức cái thể chân thật. Ngồi trên thuyền không chèo chèo chắc tới thuyền mục qua cũng không được, đó là điều hết sức rõ.

Nếu quý vị chỉ tụng kinh chứ không quán chiếu gì hết, chỉ là Văn tự Bát-nhã. Trong Bát-nhã chỉ nơi câu này mà khéo tu thì sẽ hết khổ: "Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách". Chúng ta đọc thuộc lòng mà chưa bao giờ chiếu kiến, chưa chiếu kiến làm sao hết khổ ách, nên tu mà không hết khổ.

Muốn hết khổ phải chiếu kiến năm uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Năm uẩn có hai phần: phần vật chất là sắc; phần tâm là thọ, tưởng, hành, thức.

Thân do tứ đại hòa hợp không có tánh thật, đó là chiếu kiến sắc uẩn giai không. Sắc uẩn này không thật tánh nên nói nó là không. Không nhưng do duyên hợp giả có. Cái gì giả thì không quý, thật mới quý. Soi thấy thân tứ đại này tánh không, duyên hợp giả có nên không phải quý.

Thọ uẩn, thọ là những cảm giác nhận được. Nếu ở lưỡi thì thọ vị, thức ăn ngon dở hay không ngon không dở. Thọ có là do thức ăn để vào lưỡi. Lưỡi là căn, thức ăn là trần. Căn trần gặp nhau mới sanh cảm giác ngon, dở, không ngon, không dở. Vậy cảm giác ngon dở không thật. Vì trước khi đưa thức ăn vào lưỡi, ta có cảm giác gì đâu. Nhờ có thức ăn, nhờ có lưỡi nên ta mới có cảm giác ngon dở,

nên cảm giác ngon dở ấy không thật. Vậy mà chúng ta ăn món gì ngon thì khen, dở thì chê, rõ ràng chúng ta lầm thọ uẩn là thật. Nếu dùng trí tuệ nhận thấy thọ uẩn do căn trần hợp lại nên có cảm giác. Cảm giác ngon dở nuốt qua liền hết, đâu phải là thật. Nên quán thọ không thật chỉ là giả tướng.

Tưởng uẩn là tưởng những chuyện đã qua hay chưa tới. Do nghĩ chuyện quá khứ, chuyện vị lai rồi tưởng tượng nên hình ảnh dấy khởi. Quá khứ đã qua là đã mất, vị lai chưa đến là không có. Quá khứ đã qua là không, vị lai chưa đến cũng là không, mà tưởng tượng có thật. Nên chiếu kiến tưởng uẩn tánh không, duyên hợp giả có, chỉ bóng chớ có thật đâu. Hiểu như vậy mới biết tưởng uẩn không thật.

Hành uẩn là nghĩ suy của mình. Ví dụ trước khi đi chợ, quý vị tính ra chợ mua hành, mua họ, mua rau cải gì đó... tính rồi đến chợ mới mua. Vậy suy tính nghĩ cái này tới cái kia, giống như từng bước từng bước đi của mình, không có thật. Hành uẩn là những suy tư, nghĩ tính của mình. Sự suy tư, nghĩ tính đó khi gặp duyên thì nó phát ra, hết duyên nó mất. Như vậy hành uẩn sanh diệt như dòng nước chảy không thật. Đó là quán hành uẩn.

Thức uẩn là phân biệt như phân biệt đẹp xấu, trắng đen v. v... Thức uẩn tự nó phân biệt hay phải có duyên tác động mới phân biệt? Trong là mắt, ngoài là sắc trần, sắc trần tiếp xúc với nhãn căn sinh ra nhãn thức phân biệt. Nhĩ thức, thiệt thức v. v... cũng đều như vậy. Nên thức tự nó không có mà phải do căn, trần tiếp xúc mới có nên nó cũng không thật.

Rõ ràng thọ, tưởng, hành, thức là tâm không thật. Sắc do tứ đại hợp cũng không thật. Thấy rõ thân không thật, tâm không thật như trong kinh Viên Giác nói: nếu chấp thân thật, tâm thật là vô minh. Nếu thấy thân không thật, tâm không thật thì hết vô minh. Vô minh hết nên trong kinh nói: "chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách", nghĩa là soi thấy năm uẩn đều không liền qua hết tất cả khổ nạn.

Chúng ta tu mà không chiếu kiến nên tuy tu nhưng vẫn còn khổ nạn. Đọc thuộc lòng Bát-nhã mỗi đêm mà khổ không hết. Bây giờ chúng ta phải khéo dùng trí tuệ chiếu soi năm uẩn không thật, thấy rõ tướng tận như vậy thì phá được vô minh, liền thoát khỏi sanh tử. Không biết phá vô minh thì minh không bao giờ có. Tụng Bát-nhã là học trí tuệ mà tự mình không có trí tuệ thì chừng nào ra khỏi sanh tử? Đó là điều chúng ta cần phải biết cho thật rõ.

Người tu phải làm sao soi sáng được chính mình, chớ không phải chỉ đọc suông lời của Phật được. Nếu thấy thân năm uẩn là thật thì mê, nếu thấy thân năm uẩn do duyên hợp hư giả là tỉnh. Giả sử có ai chửi, chúng ta thấy lời chửi của họ cũng không thật nên nhin được. Thân hư giả mà người chấp cho là quý thì mình thương, chớ không giận. Vì vậy Phật thương chúng sanh, thương là thương cái gì?

Thương chúng sanh ngu si, cái không thật tưởng là thật, cái không quý tưởng là quý. Cứ như vậy mà trôi mãi trong luân hồi sanh tử.

Khi nào chúng ta tu thấy rõ thân năm uẩn không thật thì qua hết khổ ách. Qua rồi nhìn lại thấy ai còn trong khổ ách mình thương. Thương thì tất nhiên phải độ họ. Lúc đó tình thương khác với thương vì mình hay thương của ái ngã. Thương ái ngã là thương có điều kiện. Khi nào người khác giúp mình, mình mới thương vì thấy thân mình thật. Nếu tỉnh giác rồi, thấy ai mê mình thương đó là lòng thương của từ bi. Từ bi là thương bình đẳng, không có điều kiện.

Nên biết ái ngã làm cho chúng ta có nhiều xấu dở. Thứ nhất, vì ái ngã nên ai giúp cho ngã thì thương. Thứ hai, vì ái ngã nên ai chọc phá ngã thì giận ghét. Thứ ba, vì ái ngã mà cứ nối tiếp luân hồi, mất thân này chụp thân kia, không có ngày cùng. Nếu chiếu kiến năm uẩn không thật, biết rõ không lầm không mê. Lúc nào cũng thấy thân này không thật, hư dối thì tất cả những gì đến với mình, mình đều không khổ. Già không khổ, chết không khổ. Bởi cái hư giả hoại đi đâu có gì tiếc, còn thấy thân thật thì tất cả khổ theo đó mà còn.

Như vậy tu theo Bát-nhã là chấp không chăng? Ví dụ cái đồng hồ là thật có hay thật không? Thật không thì sao nó có ở đây, nên nói thật không không được. Nếu nói thật có thì khi mở từng phần ra, tìm cái đồng hồ không được. Nên nói thật có không được. Chỉ khi nào duyên hợp thì tạm có, duyên hết hoàn không. Nên nói bản tánh của đồng hồ là không. Nếu đồng hồ có sẵn thì đâu cần đợi duyên hợp. Vì đồng hồ không có sẵn nên nói tánh không. Chữ không là tánh không.

Tôi ví dụ thêm như chỗ này có cái khay là có, chỗ không có khay gọi là trống rỗng. Chỗ này không, chỗ kia có là do mắt thấy. Mắt thấy có không, đó là có không đối đãi. Còn đồng hồ đang có mà nói tánh không, thì biết rõ tánh nó là không, đó là thấy bằng trí tuệ. Tánh không là ngay trong có mà thấy không, chớ không phải đợi không mới thấy không. Vì vậy kinh Bát-nhã nói: "sắc tức thị không". Từ không, do duyên hợp mới có là: "không tức thị sắc". Hiểu như vậy mới hiểu Bát-nhã. Nói không mà không phải thật không, chỉ là không "thể tánh", chớ giả tướng vẫn có. Nói có nhưng là giả tướng nên chẳng phải thật có.

Thân này tánh không hay tánh hữu? Tánh không mà có là vì duyên hợp giả có. Người thấy rõ ràng như vậy tức là có trí tuệ Bát-nhã, có trí tuệ Bát-nhã là hết khổ. Vậy tu rất dễ, không tốn công bao nhiêu, cũng không phải trèo núi qua sông, lặn lội vô rừng tìm mới có, mà ngay nơi thân này dùng trí tuệ chiếu soi năm uẩn không thật thì qua hết khổ nạn. Qua hết khổ nạn là giải thoát sanh tử.

Cho nên tụng Bát-nhã là để quán chiếu, để thấy rõ thân này từ thể xác đến tinh thần là duyên hợp hư giả không thật. Hiểu không thật rồi, chúng ta mới xem thường, không quý trọng thân nữa. Do không quý trọng thân nên hết ái ngã. Hết ái

ngã mới dứt được luân hồi sanh tử. Như vậy người muốn tiến tới giải thoát sanh tử phải thấy rõ năm uẩn đều không.

Thấy được tánh không thì không còn đối đãi. Không đối đãi mới là nghĩa trung đạo, là chân lý. Còn không đối với có là thấy một bên, gọi là biên kiến. Vì vậy nhiều người tu không biết, nên nói tụng Bát-nhã, Kim Cang là chấp không, đó là sai lầm. Chúng ta tu hành phải sáng suốt, nhận cho kỹ, thấy được sự vật hiện có, biết tánh của nó là không, duyên hợp hư giả tạm có thôi. Thấy như vậy là người trí tuệ, trí tuệ là sáng suốt. Ngược lại, không thật mà tưởng thật là si mê, si mê là vô minh.

Muốn phá vô minh phải dùng minh. Trong kinh nói: "căn nhà tối cả ngàn năm, muốn hết tối thì phải thắp đèn lên. Nhà dù tối ngàn năm mà thắp đèn lên thì sáng liền". Cũng vậy chúng ta mê vô lượng kiếp rồi, nhưng bây giờ tỉnh, thì ngay đó là giác, là hết vô minh. Nhà Phật cũng thường nói câu "hồi đầu thị ngộ", tức xoay đầu lại là bờ giác chứ không đầu xa. Vì vậy mê thì dẫn đi trong luân hồi sanh tử, giác thì trở lại bờ Niết-bàn.

Tu là hồi đầu, xoay đầu lại. Từ lâu chúng ta mê nên đi trong đau khổ tử sanh, khi tỉnh chúng ta trở lại thì hết đau khổ. Nên tu là giải khổ cho mình, cứu khổ cho chúng sanh. Nếu mình còn khổ thì làm sao cứu khổ cho người được. Nếu hiểu tu là chỉ lo cứu khổ cho chúng sanh nên ai mời làm gì, rước đi đâu cũng nghe theo, đó là họa. Ví dụ cầu an là cứu khổ cho người sống, cầu siêu là cứu khổ cho người chết v. v... nhưng mình chưa hết khổ thì làm sao cứu họ hết khổ được. Muốn cứu khổ cho người trước phải giải khổ cho mình. Mình hết khổ rồi mới cứu khổ cho người được.

Nhiều Phật tử có chuyện buồn, nhờ thầy an ủi khuyên lơn cho bớt buồn bớt khổ. Rồi mai chiều thầy có chuyện buồn Phật tử thấy thương an ủi lại. Như vậy chỉ là sự an ủi lẫn cho nhau chứ không ai hết khổ cả. Cho nên chúng ta tu là phải giải khổ cho mình, giải khổ cho mình rồi mới cứu khổ cho người. Còn chưa tự giải khổ được, mà đi cứu khổ cho người là chuyện không có thật.

Phản chiếu lại để thấy năm uẩn đều không, gọi là "phản quan tự kỷ", nghĩa là soi sáng lại chính mình. Soi sáng để thấy rõ mình, nên không làm không chấp. Khi đã sáng rồi, mới chỉ lại cho người khác không làm không chấp. Ngồi soi sáng lại chính mình là ngồi thiền. Bởi vậy nói thiền quán là ngồi lại để soi sáng chính mình, thấy rõ mình thực hay giả, thấy rõ mình thanh tịnh hay ô uế v.v... Thấy rõ mình như vậy thì mình mới không làm, không làm mình thì mình mới chỉ cho người khác tu không làm. Nếu mình không chiếu soi mình, không biết rõ mình thì dạy người là dạy cái gì. Cho nên nhà Phật nói phải luôn quán chiếu, phải soi sáng chính mình hay phản quan tự kỷ. Đó là hướng tu trong nhà Phật thường chỉ dạy.

Cho nên Tăng Ni ở các Thiền viện mỗi đêm phải ngồi thiền để quán chiếu lại mình. Thấy rõ từng tâm niệm của mình không thật, mới dẹp được nó. Còn tưởng nó là đúng, là thật thì không bao giờ dẹp phá được. Không dẹp phá nó được thì phải chịu đi trong luân hồi sanh tử thôi. Như vậy minh là trí tuệ, vô minh là si mê. Trí tuệ là sáng, si mê là tối. Có trí tuệ thì hết si mê. Nhà tối chỉ thắp đèn mới trừ được tối. Chúng ta vì vô minh nên phải sanh tử, muốn hết sanh tử phải phá vô minh. Phá vô minh thì phải dùng trí tuệ.

Khi đã nắm vững đường lối, phương pháp tu chúng ta phải cố gắng tu. Tu cho được giải thoát để cứu độ chúng sanh đó là bản nguyện của tất cả người xuất gia theo Phật vậy.

TU LÀ DỪNG, CHUYÊN VÀ SẠCH NGHIỆP

Giảng tại chùa Phong Hòa Sa Đéc - 2000.

Đề tài tôi giảng hôm nay: Tu là dừng nghiệp, chuyên nghiệp, và sạch nghiệp. Trước khi đi vào đề tài, tôi xin đặt một câu hỏi: "Tại sao chúng ta phải tu?" Quý Phật tử thường đi chùa, lễ Phật, ăn chay, chắc rằng ai cũng nói mình biết tu rồi, phải không? Vậy nếu có người hỏi tại sao phải tu, thì quý vị trả lời thế nào? Ở đây tôi sẽ giải thích về điều này.

Chúng ta đều ý thức rằng người biết tu là người cầu tiến, là người vươn lên. Tại sao? Thí dụ có người trước kia say rượu lè nhè, nhưng bây giờ người đó biết tu theo Phật, giữ năm giới. Do giữ giới nên không uống rượu say nữa, đó là đã tiến hơn xưa. Hoặc như người chuyên đi ăn trộm, người đó bị xã hội đánh giá là hạng bất lương. Bây giờ người đó biết tu, thọ giới của Phật. Phật cấm không được trộm cướp. Khi không còn trộm cướp nữa, thì người đó có tiến bộ chưa?

Thường thường thế gian thấy ai hư hỏng, rồi thức tỉnh lại, làm lành thì người ta bảo người đó giác ngộ. Đó là một bước tiến. Như vậy vì cầu tiến mà chúng ta tu. Người biết tu là lúc nào cũng sửa đổi hành vi xấu, ngôn ngữ xấu, ý niệm xấu của mình trở thành hay, trở thành tốt. Như vậy có phải là tiến bộ không? Cho nên nói biết tu là có tiến. Vì vậy muốn cầu tiến, người Phật tử phải tập tu. Đó là lý do thứ nhất.

Lý do thứ hai, chúng ta tu là vì muốn đem lại sự an lạc cho bản thân mình trong hiện tại và vị lai. Tại sao? Thí dụ như một Phật tử trước kia chưa biết tu, ở gia đình vợ chồng nghi ngờ nhau không hòa thuận. Bây giờ nếu hai vợ chồng biết tu, giữ ngũ giới tức không tà dâm, không ngoại tình với kẻ khác, thì vợ chồng hết nghi nhau. Hết nghi nhau thì bình an, hạnh phúc. Như vậy nhờ tu mà đem lại sự bình an cho gia đình, sự tốt đẹp cho xã hội. Nên người biết tu là người tiến lên, chuẩn bị cho cuộc sống luôn được an lạc. Thế mới thấy tu là việc thiết yếu. Phật tử khi hiểu được lợi ích đó rồi ai cũng phát tâm tu. Đó là lý do thứ hai.

Khi đã phát tâm tu theo Phật, thì điều đầu tiên Phật dạy chúng ta tu là để dừng nghiệp. Tại sao tu để dừng nghiệp? Trước khi trả lời câu này, tôi xin ôn lại lịch sử đức Phật một chút. Chúng ta nhớ đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi ngồi dưới

cội Bồ-đề suốt bốn mươi chín ngày đêm, đến đêm thứ bốn mươi chín, từ đầu hôm đến canh hai Ngài chứng được Túc mạng minh.

Túc mạng minh tức là trí sáng suốt, thấu rõ hết bao nhiêu kiếp về trước của mình, đã từng làm gì, ở đâu, cha mẹ anh em tên gì... đều biết rõ hết. Chẳng những một đời mà vô số đời cũng đều biết rõ. Nên gọi là Túc mạng minh, tức trí sáng suốt, biết vô số mạng kiếp về trước. Sau này đi giảng đạo, Ngài nhắc lại đời trước Ngài đã từng làm gì, ở đâu, lợi ích cho ai v. v... Những sự việc như thế được kết tập lại gọi là kinh Bản Sanh và Bản Sự, hiện giờ vẫn còn.

Từ canh hai đến canh ba, Ngài chứng được Thiên nhãn minh. Thiên nhãn minh là tất cả những gì gần xa, nhỏ nhiệm nhất Ngài đều thấy được. Cho nên khi đức Phật chứng được Thiên nhãn minh rồi, Ngài nhìn thấy trong bát nước có vô số vi trùng. Ngày xưa nói trong nước có vi trùng người ta không tin. Nhưng bây giờ nhờ khoa học chế ra kính hiển vi, người ta mới thấy vi trùng. Như vậy đức Phật đã thấy hơn hai ngàn năm rồi, bây giờ chúng ta mới biết. Bằng Thiên nhãn minh Ngài nhìn rất xa, thấy ngoài thế giới này, còn có vô số thế giới khác, tính không hết. Danh từ chuyên môn trong nhà Phật gọi là Hằng hà sa số. Hằng hà đó là sông Hằng ở Ấn Độ, sa số là số cát. Sông Hằng ở Ấn Độ dài tới mấy ngàn cây số, thì cát sông Hằng chừng bao nhiêu? Vô số kể. Phật nói thế giới trong hư không nhiều như số cát sông Hằng vậy. Ngày xưa không ai tin điều này cả. Nhưng bây giờ nhờ các nhà thiên văn, người ta tìm thấy rõ ràng ngoài thiên hà của chúng ta, còn vô số thiên hà nữa. Cho nên biết trong vũ trụ không biết bao nhiêu là thế giới. Như vậy Phật nói không sai, vì đó là cái thấy thật.

Kế đó, Ngài nhìn thấy con người khi chết rồi lại tái sinh vào các loài. Người ta cứ nghĩ chết rồi là hết, hoặc bảo chết rồi trở lại làm người. Nhưng Phật thấy rõ ràng, khi chúng ta chết rồi, do nghiệp của mình tạo hàng ngày, hoặc lành hoặc dữ; nếu lành thì nó dẫn chúng ta sanh trong cõi lành, nếu dữ nó dẫn chúng ta sanh vào cõi dữ. Cho nên trong kinh có một đoạn Phật nói: "Ta nhìn thấy chúng sanh do nghiệp dẫn đi luân hồi trong lục đạo như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy rõ ràng ai nghiệp gì, đi đường nào, không có nghi ngờ. "

Vì vậy Phật dạy chúng ta tu, bước đầu là dừng nghiệp. Dừng nghiệp để làm gì? Để khi chết chúng ta không bị nghiệp ác dẫn đi vào đường ác. Nếu cứ tạo nghiệp ác, thì khi chết chúng ta bị nghiệp dẫn trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Cho nên người Phật tử tu là làm sao trong hiện tại, dừng những hành động xấu ác, để bản thân là một người tốt, có lợi ích cho xã hội, chết đi mình lại được nghiệp lành dẫn sanh vào cõi lành. Như vậy có phải tu là để cho chúng ta an ổn trong đời này và đời sau không? Vì tầm quan trọng như vậy cho nên chúng ta mới tu.

Như hàng Tăng Ni xuất gia, lẽ ra các vị ở ngoài đời hưởng những lạc thú thế gian, tại sao lại cạo đầu vào chùa ăn chay, mặc áo nhuộm cho khổ vậy? Có cái

gì cần, cái gì quý, mình mới làm điều đó chứ. Vì thấy rõ được lợi ích việc tu tập rồi, nên chúng ta mới đi tu.

Đến canh năm, khi sao mai vừa mọc, Ngài liền chứng được Lộ tận minh, tức là trí sáng suốt thấy rõ nguyên nhân vì sao con người phải luân hồi sanh tử. Ngài thấy rõ ràng, không nghi ngờ gì hết. Nên sau đó Ngài đến vườn Lộc Uyển, giảng bài pháp đầu tiên cho năm anh em ông Kiều Trần Như nghe. Đó là bài pháp Tứ Diệu Đế. Ngài chỉ rõ quả đau khổ và nhân gây ra đau khổ; chỉ cho quả giải thoát và nhân tu sẽ được giải thoát. Đó là do Phật tu chứng được nên Ngài nói ra, chớ không phải như các triết gia suy luận rồi nói.

Vì vậy Phật dạy chúng ta trên đường tu, phải làm sao đạt được kết quả tốt đẹp, làm sao tu cho cuộc đời của mình hiện tại an vui, hạnh phúc, lợi ích cho chúng sinh. Khi chết đi sinh trở lại, được làm người tốt đẹp hơn, cao quý hơn. Tu là như vậy.

Ở đây, điểm quan trọng tôi muốn nhấn mạnh: Tu là dừng nghiệp, là chuyển nghiệp và sạch nghiệp. Dừng nghiệp, tức là dừng những nghiệp ác, chúng ta không tạo những tội lỗi phải chịu khổ đau nữa. Vậy tu dừng nghiệp bằng cách nào?

Trong nhà Phật dạy, dù tại gia hay xuất gia, khi bước chân vào đạo, trước tiên phải gìn giữ giới luật. Gìn giữ giới luật là tu dừng nghiệp. Tại sao? Bởi vì đức Phật thấy rõ ràng, con người khi nóng giận hay tham lam rất là cuồng loạn. Điều tội ác nào người ta cũng có thể làm được. Mà tạo tội ác thì phải đọa, phải chuốc quả đau khổ. Vì vậy Phật dạy phải giữ những điều giới, đừng tạo ác. Không tạo ác thì khỏi đọa.

Như hàng Phật tử tại gia, đức Phật dạy phải giữ năm giới:

- 1- Không được sát sanh.
- 2- Không được trộm cướp.
- 3- Không được tà dâm.
- 4- Không được nói dối.
- 5- Không được uống rượu, không được hút á phiện, xì ke, ma túy.

Năm điều đó cần phải gìn giữ cho đúng. Như người nam khi chưa biết tu, có ai rủ uống rượu thì sao? Tuy ban đầu chưa biết uống, nhưng bạn bè rủ thì vì tình, uống rồi thành ghiền. Ghiền rồi thành say. Đối với á phiện, xì ke, ma túy cũng vậy. Trước đâu có, cha mẹ sanh ra đâu có ghiền. Do bị bạn bè rủ rê mà không biết tu mới nhào theo. Nhào theo rồi thì hư một đời, hại gia đình, hại xã hội.

Nên Phật cấm những điều đó là thương hay làm khó khăn mình? Đó là Phật thương. Bởi rượu, á phiện, xì ke, ma túy là hồ sâu nguy hiểm, Phật muốn cho chúng ta không rớt vào hồ đó, nên mới dùng hàng rào giới luật để chặn.

Thí dụ Phật tử đã thọ ngũ giới rồi, nếu bạn bè tới rủ uống rượu, liền nói: "Tôi đã thọ giới Phật rồi, không được uống rượu. Thôi, tôi xin không uống". Như vậy là ngăn chặn mình tạo tội. Nếu không thọ, không giữ giới thì bạn bè rủ cứ ngồi uống có sợ gì đâu. Rồi tới ăn trộm, ăn cướp, cho đến giết người... trong những việc đó có gì bình an không hay việc nào cũng khổ. Mình làm cho mình khổ, mình làm cho người khác cũng khổ, cứ khổ lây với nhau.

Bây giờ Phật cấm không được giết người, dù giận bao nhiêu đi nữa, cũng không dám động đến sinh mạng của người khác, đó là tu. Tu là giữ giới. Cho nên bước đầu vào đạo, Phật bảo phải giữ năm giới. Chúng ta hứa giữ để trong lòng lúc nào cũng nhớ không được làm các việc đó. Nhờ hứa với Phật, hứa với quý thầy như vậy, không dám quên nên không tạo tội. Đây gọi là dùng nhiếp.

Chúng ta đôi nơi thân, nơi miệng, nơi ý thường hay buông lung tạo tội. Thí dụ nơi thân, trẻ nhỏ thấy con chim đậu trên cành cây, nó làm sao? Nó muốn bắn. Nhiều khi con chim nhỏ xíu không đáng gì hết, không được một miếng ăn nữa, mà cũng cứ bắn. Thấy con cóc, con nhái, muốn lấy đá chọi v. v... Bây giờ mình biết tu thì việc gì không có lợi cho mình, cho người mà làm đau khổ chúng sanh thì đừng làm. Nhờ không làm nên không khổ cho những con vật nhỏ, không khổ cho người. Như vậy nhờ biết gìn giữ giới, không làm việc ác, đó là chúng ta tu.

Đền miệng, chúng ta toàn nói lành hay cũng có khi nói dữ? Có người nào nói lành suốt đời chưa, hay khi vui thì nói lành, khi giận thì nói dữ. Bây giờ chúng ta biết tu rồi, vui nói lành mà giận thì thôi, làm thinh, đừng nói gì cả. Bởi vì nếu nói thì sẽ nói bậy, nói tội lỗi. Cho nên khi giận, làm thinh bỏ qua, một hồi sẽ hết. Chúng ta giữ thân không làm đau khổ cho chúng sanh, miệng không nói lời dữ, lời ác khiến người khinh miệt mình. Đó là bảo vệ giá trị tinh thần đạo đức của mình.

Quý Phật tử thấy khi giận lời nói có giá trị thật không? Thí dụ khi giận người ta nói "Mày là con chó", nói thế mà mình có thành con chó đâu. Nếu tỉnh táo, mình sẽ trả lời: "Tôi đâu có bốn chân đâu mà thành con chó". Nhưng đằng này, nghe nói con chó liền muốn tát tai người ta, như vậy vô tình mình nhận là chó rồi. Bởi vừa nói chó là mình cắn liền, phải không? Khi nóng giận người ta dễ điên cuồng, không có chút gì khôn ngoan, sáng suốt cả. Cho nên khi nóng giận cần phải im lặng, đó là người khôn, người khéo tu.

Như vậy chúng ta tu thân, tu miệng và tu luôn cả ý nữa. Ý của quý vị nghĩ tốt nhiều hay nghĩ xấu nhiều? Có khi xấu nhiều tốt ít, có khi tốt nhiều xấu ít, tốt xấu lẫn lộn. Bây giờ tu rồi khi nghĩ một điều gì xấu, chúng ta biết đó là bậy, là tội

lỗi nên không nghĩ nữa, cảm nó như vậy lâu dần thành quen. Nghĩ tốt thì cho nghĩ, nghĩ xấu thì đừng. Đó là chúng ta tu.

Nếu người thân không làm những điều xấu ác, miệng không nói những lời dữ, ý không nghĩ những điều bậy xấu, thì người đó là người tốt. Người ta nói tu hiền, nhưng hiện nay có nhiều người tu mà chưa hiền. Ăn chay thì ăn mà không hiền chút nào cả. Bởi tu không phải chỉ ăn chay mà tu là sửa thân đừng làm tội lỗi, miệng đừng nói tội lỗi, ý đừng nghĩ tội lỗi. Còn ăn chay, ăn mặn chỉ là phần phụ thôi. Người ăn mặn mà nói năng đàng hoàng hiền lành, còn người ăn chay mà la lối bậy bạ thì ai hơn ai? Hiểu vậy quý vị mới thấy lẽ thật của sự tu.

Ngay trong đời sống này phải tạo cho mình một cuộc sống có giá trị. Nếu trong gia đình hai vợ chồng đều biết tu. Chồng không làm bậy, không nói bậy, không nghĩ bậy, vợ cũng vậy thì gia đình đó đầm ấm, hạnh phúc không? Sở dĩ ngày nay gia đình chia ly, đau khổ, là vì người ta không biết tu. Tu đừng nghiệp là đừng làm bậy, đừng nói bậy, đừng nghĩ bậy thôi, chứ chưa làm gì hay tốt. Bao nhiêu đó cũng khó rồi.

Lâu nay người ta quen buông lung, bây giờ chặn lại nên khó, chớ việc đó đâu phải khó. Nếu giận người ta mà mình làm tỉnh, không la lối gì hết. Một hồi cơn giận sẽ nguôi, và từ từ mình quên hết. Quên hết thì có thiệt thòi gì cho mình đâu. Còn nóng chửi người ta, người ta đánh lại mình thì sẽ sinh ra bao nhiêu chuyện rắc rối, bao nhiêu phiền não và tội lỗi khác nữa. Tất cả chúng ta ai cũng cần phải tu để trở thành người hay tốt. Đó là người khôn ngoan, sáng suốt. Nếu để thân miệng ý lăng xăng lộn xộn hoài, đó là người xấu, người dở.

Tôi đã nói phần tu là đừng nghiệp. Kế đến phần tu là chuyển nghiệp.

Chuyển là đổi. Chuyển nghiệp là chuyển đổi nghiệp của mình. Tôi thường hay nói, Phật tử chúng ta hiểu nghĩa chữ tu dở hơn cả mấy chú sửa xe honda nữa. Tại sao vậy? Vì mấy chú đó gọi sửa xe hư ít là "tiểu tu", xe hư nhiều hơn là "trung tu", xe hư thật nhiều là "đại tu". Có khi nào mình đem chiếc xe cũ hư đi sửa, tới ngày lấy nó y nguyên như cũ mà mình vẫn chịu không? Đâu có. Phải sửa tốt hơn ngày mình giao xe mới được.

Như vậy tu là sửa từ cái hư, cái xấu trở thành cái tốt, cái hay. Người biết sửa là người biết tu. Quý Phật tử tu bao nhiêu năm rồi, có biết sửa chưa hay chỉ xin Phật thôi. Có gì buồn, lạy Phật: "Phật cứu độ con", "Phật cho con hết bệnh hoạn", "cho con hết tai nạn" v. v... Nếu tu như vậy chắc Phật cũng lắc đầu, không biết nói sao. Bởi đức Phật từng bảo rằng: "Ta không có quyền ban phước, xuống họa cho ai". Nếu Ngài ban phước xuống họa cho người, thì Ngài không dạy mình tu đừng nghiệp, chuyển nghiệp, không dạy tu nhân quả. Nhân tạo lành thì được

hưởng quả lành; nhân tạo ác thì phải chịu quả ác. Phật chỉ dạy chúng ta biết thế nào là tội phải tránh, thế nào là phước nên làm, đó là dạy chúng ta tu.

Phật tử bây giờ không chịu tu, có việc gì liền chạy xin Phật cho nhanh. Chỉ tốn có một đĩa quả, một bó nhang là xong. Phật tử xin thì xin, chứ Phật đâu có cho được. Lâu nay Phật tử chúng ta cứ tu như vậy, không cần biết đúng hay sai với ý nghĩa chữ tu trong nhà Phật gì cả. Bởi tu không đúng ý nghĩa, nên càng tu càng thấy lung tung. Trong nhà sanh chuyện phiền não với nhau; ra phố đi đâu đụng đó. Nếu biết tu đúng với những lời Phật dạy thì càng tu gia đình càng hạnh phúc, càng tu láng giềng càng mừng vui, được gần người hiền, người lành.

Như vậy chuyển nghiệp là chuyển thế nào? Từ nghiệp xấu ngày xưa đã làm, bây giờ đổi thành nghiệp tốt. Như khi xưa mình tạo những hành động xấu xa, làm đau khổ cho người, bây giờ mình đừng không làm việc ấy nữa. Ngang đó mình khỏi tội lỗi, nhưng chưa được bao nhiêu phước. Nên bây giờ không làm khổ người, mà còn làm lợi ích, giúp đỡ cho người được vui vẻ. Đó là chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt. Chuyển được thân nghiệp là làm các việc lành, giúp người này cứu kẻ kia. Mọi người được an vui thì người đó trở thành người tốt, đáng khen. Đó là tu chuyển nghiệp về thân.

Miệng chúng ta ngày xưa nói dữ nói dối, bây giờ biết tu rồi không nói dữ, không nói dối, mà còn nói lời hiền hòa, dễ thương, nói lời chân thật. Gặp người buồn khổ, nói lời an ủi cho người bớt khổ. Người không hiểu đúng lẽ thật, nói cho người hiểu đúng lẽ thật, đó là tu. Chuyển nghiệp xấu của thân thành nghiệp tốt của thân; chuyển nghiệp xấu của miệng thành nghiệp tốt của miệng; chuyển nghiệp xấu của ý thành nghiệp tốt của ý.

Nếu có gì phiền hà làm cho mình khó chịu, vừa muốn giận liền tự nhắc "không được giận", "giận là xấu, bỏ". Nên nghĩ người làm sai là người đáng thương, chứ không đáng giận. Như vậy chuyển từ ghét giận trở thành thương mến, tâm hung dữ trở thành tâm từ bi. Như vậy là tu. Tu là từ nghiệp xấu chuyển thành nghiệp tốt. Việc này dễ làm hay khó làm? Đừng nghiệp đã là khó rồi, huống nữa phải làm cái tốt. Chính vì vậy người tu mới được thế gian kính phục. Nếu trong xã hội, trong gia đình, ai cũng biết chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt hết thì gia đình đó thế nào? Gia đình đó hoàn toàn được hạnh phúc, xã hội cũng tốt đẹp theo. Nên biết chúng ta tu là đem lại sự an vui, hạnh phúc cho mình, cho mọi người.

Trong kinh Phật dạy rất rõ: "Chúng sanh tạo nghiệp từ thân, miệng, ý". Cho nên sau khi giữ năm giới rồi, Phật tử phải tu thêm Thập thiện. Giữ năm giới là đừng được nghiệp ác, tu Thập thiện là chuyển nghiệp ác thành nghiệp lành. Hồi xưa, mình thường hay giết hại thì ngày nay thương chúng sanh. Thấy chúng sanh nào bị bắt, sắp bị giết hại, mình mua thả. Ngày xưa thay vì giết, bây giờ lại cứu.

Hồi xưa mình tham lam trộm cắp của người ta, bây giờ có duyên mình bố thí. Hồi xưa mình có những hạnh xấu không tinh bạch, bây giờ tập tu hạnh tinh bạch.

Như vậy thay vì thân có ba nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm; bây giờ mình chuyển ba nghiệp đó. Sát sanh chuyển thành phóng sanh, trộm cướp chuyển thành bố thí, tà dâm chuyển thành tinh bạch. Được vậy đời mình tốt đẹp vô cùng.

Ngày xưa hay nói dối, hay nói hung dữ, bây giờ Phật dạy chuyển thành bốn thứ: nói lời chân thật, nói lời hòa ái, nói lời hòa hợp, nói lời đúng lý. Thay vì nói dối gạt, thì bây giờ chúng ta nói lời chân thật. Chuyển lời nặng nề ác độc thành lời hòa nhã dễ thương. Đó là chuyển bốn nghiệp nơi miệng.

Kể đến chuyển nơi ý. Ý chúng ta thường dễ sanh tham lam, khi tu dừng được tham lam rồi, chúng ta phải tập hỷ xả. Hỷ xả tức là tha thứ, là buông bỏ. Thí dụ ngày xưa, chúng ta làm một muốn được hai, làm hai muốn được ba bốn... cứ muốn chồng lên. Bây giờ chúng ta làm việc vừa phải, có đủ cho cuộc sống mình bình an thôi. Phần dư vui vẻ đem ra giúp đỡ cho những người thiếu, đó gọi là hỷ xả.

Ngày xưa chúng ta hay nóng giận. Giận người này giận người nọ, thì ngày nay tập lòng từ bi thương xót mọi người, để mình không khổ, mà mà người cũng không khổ. Nói tới từ bi chúng ta thấy rất khó. Tại sao? Vì ở đời có người ăn nói dễ thương, có người ăn nói khó thương. Có người tư cách dễ thương, có người tư cách khó thương... nên mình cũng khó thương. Bây giờ từ bi là phải thương tất cả, thì làm sao mà thương đây?

Thí dụ khi vào bệnh viện tâm thần, chúng ta bị những người điên trong đó kêu tên mình chửi, hoặc nhổ nước bọt lên mình v. v... lúc đó chúng ta thế nào? Cự lộn với họ hay là thương họ. Mình không có lỗi lầm gì với họ, mà họ chửi mình, rồi còn phun nước bọt vô mình, dễ giận không? Nhưng nếu giận, mình cự lộn với họ thì người chung quanh sẽ nói sao? Đánh lộn với kẻ điên thì chỉ có người điên mới làm thôi. Người ta điên cho nên làm vậy, còn mình tỉnh phải thương họ, chứ đâu nên giận.

Phật tử xét kỹ, những người mình không làm quấy, không làm điều tội lỗi với họ, mà người ta nói mình quấy, mình có tội lỗi thì mình nên nghĩ: "Chuyện không có mà họ nói, đó là họ không tinh sáng. Người không tinh sáng là người đáng thương, chứ không đáng giận. Mình đang tinh sáng thì không nên hơn thua với người không tinh sáng. Nhớ như vậy chúng ta sẽ có lòng từ bi dễ dàng, không khó. Cứ thế mình tập tâm từ bi càng ngày càng lớn lên, đó là tu.

Tâm chúng ta thường ngày hay si mê, nghĩ sai trật, nghĩ lầm mà chúng ta tưởng là đúng. Như Phật tử đến tháng hai tháng ba, thường lên núi Sam để vay

tiền Bà về làm ăn phải không? Đó là điều không có lẽ thật, thế mà Phật tử vẫn tin làm. Nếu tới miếu Bà vay tiền về làm ăn, ai cũng giàu hết, thì từ Long Xuyên lên Châu Đốc người ta cất nhà ngói hết. Nhưng quý vị thấy nơi đó có nhà ngói hết chưa? Kế cận miếu Bà đại gì không vô vay tiền làm ăn cho được giàu. Rõ ràng điều này đâu có đúng. Một việc không có lý như vậy, nhà Phật gọi là tà kiến. Tức hiểu biết sai lầm, không đúng sự thật. Thế mà Phật tử vẫn nghe theo, không phải sai lầm là gì?

Phật tử chúng ta phải có một nhận định đúng đắn mới gọi là tu. Nếu hiểu sai lầm như vậy không phải là tu. Chúng ta tu là để đem lại an vui, đem lại lợi ích cụ thể, thiết thực cho mình cho người. Phật tử tin được lý nhân quả, hiểu rõ gieo nhân thì gặt quả, nhân lành thì quả lành, nhân ác thì quả ác.

Ví như người nông phu phải lựa giống tốt gieo xuống ruộng, thì tới mùa thu hoạch mới được lúa tốt, nhiều. Nếu gieo giống xấu thì kết quả xấu, không nghi ngờ. Tuy nhiên không hẳn đơn giản giống tốt thì được quả tốt hết. Giống tốt còn phải biết bón phân, nhổ cỏ, coi chừng sâu rầy, nước nôi nữa, đó là những duyên phụ. Duyên chánh là chánh nhân tức hạt giống, duyên phụ là những điều kiện trợ giúp cho chánh nhân phát triển, đi đến kết quả tốt đẹp. Nếu có người nông dân tới mùa lúa mà không chịu gieo mạ, cứ chấp tay nhờ trời Phật cho con năm nay được trúng mùa thì có trời, Phật nào cho được không?

Chúng ta cũng như vậy, chỉ cầu xin mà không chịu tạo nhân tốt thì đòi quả tốt sao được. Điều đó không hợp với lẽ thật, không đúng với chánh pháp. Cho nên người Phật tử chúng ta phải thấy, phải hiểu cho đúng, đừng để sai lầm. Nếu sai lầm thì tự mình khổ và cũng làm cho người khác khổ nữa, chứ không có lợi ích gì.

Tôi đã nói hai phần, tu là dừng nghiệp ác và tu là chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện rồi. Kế đến tôi sẽ nói tu là làm cho sạch nghiệp. Tất cả các nghiệp chúng ta đã tạo, ngày nay biết tu chúng ta phải gột rửa hết. Như vậy muốn tu sạch nghiệp, phải tu bằng cách nào? Về điểm này, tôi sẽ hướng dẫn từ từ.

Nếu người tu Tịnh độ muốn được sạch nghiệp phải làm sao? Trong kinh Di Đà dạy chúng ta niệm Phật phải nhiếp tâm cho thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh mới không nhớ bậy, không nghĩ bậy. Nghĩa là muốn tâm sạch thì phải nhớ Phật, phải niệm Phật, đừng nhớ chuyện hơn thua, phải quấy của thế gian, thì tâm dần dần trong sạch. Vì vậy muốn nghiệp sạch hoàn toàn thì phải ráng tu cho miên mật. Phật dạy người tu đến chỗ giải thoát, hết khổ đau, hết sanh tử thì hết nghiệp. Vì nghiệp dẫn mình đi trong luân hồi, bây giờ muốn hết luân hồi thì phải sạch nghiệp. Nên muốn sạch nghiệp thì chúng ta phải tu đến nơi đến chốn, chứ không thể tu lơ là được.

Ngày nay nhiều Phật tử hay ý lại mình còn khỏe, còn trẻ lo làm ăn đã, chừng nào già hãy niệm Phật rút thì Phật sẽ đón. Tu như vậy khỏe. Phật tử tưởng tượng điều đó đơn giản như thế, nhưng nó lại không có lẽ thực. Như trong kinh Di Đà nói, chúng ta niệm Phật từ một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn. Khi sắp chết Phật và Thánh chúng mới đón về Cực Lạc. Nếu nhất tâm từ một ngày, hai ngày, ba ngày đến bảy ngày thì tâm có còn nghĩ gì khác Phật không? Khi đó tâm thanh tịnh tức nghiệp cũng thanh tịnh. Như vậy là sạch các nghiệp xấu rồi.

Tôi thường nói trong ba nghiệp thân, miệng, ý thì trọng tâm là ý nghiệp. Ý nghĩ xấu thì miệng nói xấu, thân làm xấu. Ý nghĩ tốt thì miệng nói tốt, thân làm tốt. Như vậy gốc là ý. Vì vậy Phật dạy phải nhắm thẳng vào ý. Ý hoàn toàn trong sạch thì hết nghiệp, hết nghiệp thì được Phật đón về Cực Lạc không nghi. Nếu niệm sơ sơ, còn tính làm ăn đủ thứ thì chắc Phật không đón được đâu. Nhiều Phật tử tu, mang râu chuôi mà vẫn còn tính toán hơn thua nhiều quá thì làm sao mà Phật rước qua bên đó được.

Lại có người bảo mình mang nghiệp về Tây phương, thùng thẳng tu nữa cũng được. Điều đó tôi không tin. Ví dụ một con chó ghẻ lác bị xà mâu ăn, nó nằm dưới đất. Bây giờ bảo đem nó lên lầu ba cho hết xà mâu, có được không? Muốn nó hết xà mâu thì phải trị thuốc. Trị lành rồi thì ở dưới đất hay trên lầu gì nó cũng mạnh. Chúng ta ngay đây tu cho sạch nghiệp, thì dầu được về Cực Lạc hay ở đây, mình cũng thanh tịnh, an vui như ở Cực Lạc vậy thôi. Đó là một lẽ thật. Nên trong kinh Di Đà, đức Phật dạy phải niệm Phật cho tới bảy ngày được nhiếp tâm bất loạn, khi lâm chung Phật và Thánh chúng mới hiện ở trước, rước về cõi Phật.

Bây giờ tôi nói tới những vị tu Thiên. Trước tiên là tu theo thiên Nguyên thủy. Trong kinh Đại niệm xứ của bộ A Hàm, Phật có dạy rằng: Người nào quán Tứ niệm xứ: Quán thân dơ nhớp, quán cảm thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán các pháp vô ngã. Quán như vậy suốt ngày, không nghĩ gì khác, từ một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho tới bảy ngày, người đó sẽ chứng từ quả A Na Hàm đến quả A La Hán.

Như vậy Phật dạy dù tu Tịnh độ hay tu Thiên cũng phải nhiếp tâm, chuyên nhất. Một bên niệm danh hiệu Phật, một bên quán Tứ niệm xứ. Do quán nên thấy rõ trong nội tâm, buông sạch hết không nghĩ gì khác. Nhờ không nghĩ gì khác, tâm mới được trong sạch. Tâm trong sạch là nghiệp trong sạch. Nghiệp trong sạch nên chứng quả. Chứng quả là không còn trầm luân trong sanh tử nữa. Đó là tu theo thiên Nguyên thủy.

Kể đến tôi nói tu theo Thiên tông. Chúng tôi hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử tu thiên là xoay trở lại quán sát chính mình. Khi vừa mới khởi niệm nghĩ người này, người nọ liền buông, đừng chạy theo niệm. Như vậy từ một ngày, hai ngày tới

bảy ngày, đi đứng ngồi nằm đều buông hết các tạp niệm, không theo nó. Lần lần nó lặng, không khởi các niệm thì tâm thanh tịnh. Bởi vì khởi niệm là nghĩ tốt, nghĩ xấu, là tạo nghiệp. Bây giờ hết nghĩ, lặng lẽ trong sạch, đó là thanh tịnh. Thanh tịnh thì nghiệp hết. Từ đó nhận ra bản tâm thanh tịnh của mình. Chính bản tâm này mới không bị nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử nữa.

Tôi thường hay dẫn câu chuyện vua Trần Nhân Tông khi còn là Thái thượng hoàng, Ngài có làm bài phú "Cư trần lạc đạo", (ở cõi trần mà vui với đạo). Kết bài phú đó, Ngài dùng bốn câu kệ chữ Hán, câu chót Ngài nói rất rõ ràng: đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền, tức là đối với cảnh mà không có một ý niệm dính mắc thì đừng hỏi chi thiền cho dư. Tại sao? Vì khi tâm không chạy theo cảnh, không dính mắc cảnh, đó là thiền rồi.

Như vậy để thấy tất cả pháp của Phật dù Tịnh độ, thiền Nguyên thủy hay Thiên tông đều dạy chúng ta tu cho sạch hết nghiệp. Mà nghiệp phát xuất từ ý cho nên ý lặng, ý được nhất tâm, đó là trong sạch. Trong sạch thì được thấy Phật, được chứng quả, được thể nhập hoàn toàn pháp thân. Chuyện tu rõ ràng như vậy, không có gì nghi ngờ nữa.

Tất cả chúng ta tu phải đi từ bậc. Bậc thứ nhất là dừng nghiệp, bậc thứ hai là chuyển nghiệp, bậc thứ ba là sạch nghiệp. Quý Phật tử muốn tu dừng nghiệp, trước phải phát tâm qui y, nguyện giữ năm giới, để đừng sa vào hồ tội lỗi. Chặn đứng không sa vào hồ tội lỗi rồi, kẻ đó mới tiến qua bước thứ hai là làm lợi ích cho người, tạo phước lành cho mình. Đến giai đoạn thứ ba, chúng ta biết tất cả nghiệp từ ý mà sanh cho nên mình dừng niệm. Thanh lọc tâm ý trong sạch là làm cho sạch nghiệp. Sạch nghiệp thì được giải thoát sanh tử.

Phật tử giữ được năm giới thì hiện tại trong gia đình hòa vui, trong xã hội mình là người lương thiện, tốt đẹp. Đời sau do không phạm giới sát sanh nên tuổi thọ dài. Không phạm giới trộm cướp nên giàu có. Không phạm giới tà dâm nên đẹp đẽ trang nghiêm. Không phạm giới nói dối nên nói năng lưu loát, ai cũng tin quý. Không phạm giới uống rượu, xì ke ma túy nên trí tuệ minh mẫn. Tu theo pháp ấy gọi là Nhân thừa Phật giáo, tức đời này là người tốt, đời sau càng tốt hơn.

Sang bước thứ hai, làm mười điều lành gọi là tu Thiên thừa Phật giáo, tức tiến thêm một bậc nữa. Công đức của mình tốt đẹp hơn, xứng đáng hơn nên được sanh các cõi trời. Người chuyên làm nghiệp lành, không tạo nghiệp dữ thì được sanh cõi trời.

Đến bước thứ ba là tu sạch nghiệp. Đây là chặng đường của hàng xuất gia, tu để giải thoát sinh tử. Tuy nhiên, nói vậy không có nghĩa là pháp tu này chỉ dành riêng cho người xuất gia. Nếu người xuất gia không làm đúng như vậy thì cũng

không ra khỏi sanh tử. Còn người tại gia tu sạch được nghiệp rồi cũng ra khỏi sanh tử như thường.

Cho nên nhiều Phật tử không hiểu, cứ nghĩ rằng phải vô chùa, cạo đầu như quý Thầy, quý Cô tu mới giải thoát. Nếu ở chùa mà hay sân hay giận, hoặc còn tham lam thì có giải thoát nổi không? Giải thoát là do nghiệp sạch, tâm thanh tịnh, chứ không phải vô chùa mà được giải thoát. Bởi vì tâm là gốc tạo nghiệp, nếu tâm không thanh tịnh thì nghiệp không sạch, nghiệp không sạch thì làm sao giải thoát được. Chúng ta tu là phải làm sao tiến lên cho được sạch nghiệp.

Mỗi khi Phật tử qui y đều được phát lá phái, trong lá phái có bài kệ:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

Dịch:

Chớ làm các điều ác

Vâng làm các việc lành

Giữ tâm ý trong sạch

Là lời chư Phật dạy.

Chớ làm các điều ác là dừng nghiệp. Giữ năm giới, không làm các điều ác là dừng nghiệp. Vâng làm các việc lành là chuyển nghiệp. Nghiệp xấu chuyển thành nghiệp tốt. Giữ tâm ý trong sạch là sạch nghiệp. Là lời chư Phật dạy, Phật Thích Ca dạy như vậy, Phật Di Đà cũng dạy như vậy. Tất cả chư Phật đều dạy như vậy hết, chứ không riêng một đức Phật nào. Như vậy quý vị thấy rằng chỉ thuộc một bài kệ đó, tu hành chân chánh cũng đủ rồi.

Quý vị nhớ giữ năm giới cho trọn là dừng được các nghiệp ác. Từ giữ năm giới rồi, tập làm thêm các việc lành. Thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Nhưng nói thân làm lành, có nhiều Phật tử lại hiểu là phải bố thí, làm phước mới được. Gặp trường hợp mình nghèo quá làm sao bố thí. Đừng nghĩ vậy, vì trong nhà Phật dạy bố thí có ba: Một là tài thí, tức đem tiền của giúp người. Hai là pháp thí, tức đem pháp cho người. Ba là vô úy thí, tức đem không sợ hãi đến với người.

Lại trong tài thí có phân làm hai: Một là ngoại tài, hai là nội tài. Ngoại tài tức đem tiền của hoặc đồ đạc giúp người ta. Nội tài là đem công sức từ chính bản thân mình ra giúp người. Ví dụ như Phật tử biết đánh gió, có người hàng xóm bên cạnh bị trúng gió, mình liền hoan hỷ đánh gió, giúp cho người ta hết bệnh, đó bố thí nội tài. Như vậy người nghèo cũng có thể bố thí vậy. Hoặc khi ra đường quý Phật tử thấy một cụ già lụm cùm muốn băng qua đường, mà xe cộ nhiều quá qua không được, mình cầm tay cụ đưa giùm qua đường, đó là bố thí nội tài.

Còn như người tu không có nội tài, ngoại tài thì bố thí pháp. Đem pháp nói cho quý Phật tử nghe, giúp Phật tử nhận rõ chánh tà. Thế nào là đạo đức, thế nào là phi đạo đức, giúp quý Phật tử hiểu, sống và ứng dụng Phật pháp vào cuộc sống để thân tâm luôn được an vui, đó là bố thí pháp.

Như vậy ở thế gian ai cũng có thể bố thí cả, chứ không phải chỉ giàu mới bố thí được. Còn pháp cũng đâu chỉ hạn cuộc người tu mới có thể bố thí, quý Phật tử hiểu đạo rõ ràng rồi, thấy ai làm sai làm trật mình nhắc họ, chỉ cho họ sửa đổi cũng là bố thí pháp. Như vậy tất cả chúng ta đều có quyền bố thí tài, bố thí pháp hết, chứ không phải riêng người nào.

Thứ ba là bố thí vô úy. Vô úy nghĩa là sao? Là không sợ. Ví dụ có người đó bệnh trầm trọng, có thể qua không khỏi mà họ sợ chết quá. Bây giờ mình giải thích cho họ hiểu con người sinh ra, có sinh ắt phải có tử, không ai thoát khỏi. Hoặc tử sớm hoặc tử muộn thôi. Bây giờ anh hay chị đi trước thì chúng tôi cũng đi sau, chứ có ai ở lại mãi được đâu. Chúng ta an ủi giúp họ bớt sợ hãi, đó là bố thí vô úy. Hoặc như có đứa bé, ban đêm đi trên những đoạn đường vắng quá, nó sợ ma thì mình đốt đuốc, nắm tay dẫn nó về nhà, đó là bố thí vô úy. Nhiều lắm, không biết bao nhiêu việc để chúng ta làm. Trong những hạnh bố thí này, ai ai cũng có thể làm được, chớ không riêng quý Thầy, quý Cô mới làm được. Cho nên người tu theo đạo Phật là phải giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, ý của mình, chứ không phải tu chỉ biết ăn chay, chỉ biết đến chùa cúng Phật là đủ.

Ngày xưa ở Trung Quốc vào đời Đường, có một Thiên sư, người ta chưa biết Ngài tên gì, nhưng thấy Ngài trèo lên cháng ba cây, chặt nhánh kết lại thành chỗ ngồi giống như ổ quạ. Ngài tọa thiền trên đó, nên người ta đặt tên Ngài là Ô Sào Thiên sư. Ngài tu được ngộ đạo. Ai nấy biết tin đều đồn đãi khắp. Lúc đó có một nhà thơ nổi tiếng là Bạch Cư Dị rất hâm mộ Phật pháp, nghe danh Ngài ông tìm tới. Thấy Ngài ngồi trên cháng ba, ông đứng ở dưới chấp tay hỏi: "Bạch Hòa thượng, xin Ngài dạy cho con pháp yếu vấn tất nhất để con tu. " Ngài liền nói bài kệ:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

Nghe vậy ông cười: "Thưa Ngài, bài kệ này đưa con nít tám tuổi cũng thuộc nữa, nói chi con". Ngài trả lời: "Phải, con nít tám tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi làm cũng chưa xong!". Đó, quý Phật tử thấy chưa. Câu trả lời của Thiên sư cảnh tỉnh chúng ta rất nhiều. Chúng ta có thể không làm các điều ác lớn, chứ điều ác nhỏ vẫn phạm. Điều lành nhỏ đã làm, nhưng điều lành lớn cũng chưa làm được. Rồi tâm ý mình đã thanh tịnh chưa? Điều này thật khó, chớ không phải dễ. Cho nên nghe qua thì đơn giản, nhưng ứng dụng tu cho đến nơi, đến chốn thì không phải là dễ.

Cho nên tất cả quý Phật tử biết đạo lý rồi phải dè dặt, canh chừng tâm của mình, canh chừng miệng của mình, canh chừng hành động nơi thân của mình. Đừng cho nó hoặc vô tình hoặc cố ý tạo những điều tội lỗi. Lẽ thực là như vậy. Cho nên nói tới tu là nói tới nhìn lại mình nhiều hơn là nhìn kẻ khác. Phải nhớ nhìn lại xem lời nói mình có ngay thẳng chưa, ý nghĩ mình có chân chánh chưa. Để từ đó lo tu sửa lấy mình. Như vậy mới gọi là người tu.

Đa số Phật tử bây giờ nhìn mình ít mà nhìn người thì nhiều, phải không? Người ta làm quấy, làm ác, khi chết họ đọa địa ngục, chớ đâu phải mình đọa địa ngục. Can dự gì mình đâu mà cứ lo nhìn người ta hoài. Nhìn người dễ sanh ra bệnh hay phê phán. Mà phê phán chắc gì đã đúng? Nên tục ngữ ta có câu "suy bụng ta ra bụng người". Hễ ta không muốn thì người cũng chẳng ưa. Điều này đúng không? Có thể đúng mà cũng có thể không đúng. Thí dụ kẻ gian tham trộm cướp, họ nghĩ những người hiền cũng như vậy. Còn người hiền lương đức hạnh, cho rằng ai cũng hiền lương đức hạnh hết thì đúng chưa? Đó là cái nghĩ sai lầm.

Như vậy ở đời chúng ta đừng chủ quan. Phải biết rằng những gì mình làm, mình chịu trách nhiệm và cố gắng chuyển đổi nếu nó xấu, đó mới thành công. Còn chuyện của người khác làm, người khác nghĩ thì họ sẽ có quả riêng của họ, mình bận tâm lo chuyện của họ chi cho mất thì giờ, vô ích. Nhưng thường thường chúng ta có bệnh hay dòm ngó chuyện của kẻ khác. Chẳng những dòm ngó mà còn cố tình nghe lỏm chuyện của người ta nữa. Thấy ai nói rù rì, muốn ghé lại nghe coi họ nói cái gì. Nghe rồi liền nghĩ bậy, nói bậy, làm bậy. Thử hỏi làm sao ba nghiệp thanh tịnh được. Ba nghiệp không thanh tịnh thì mong chi được giải thoát!

Tôi nhắc lại câu chót trong bài kệ của vua Trần Nhân Tông: "Đôi cảnh vô tâm mặc vấn thiền", nghĩa là đôi cảnh mà tâm mình không có niệm khởi, không dính mắc, đó là thiền vậy. Nên người tu thiền là người đối với mọi cảnh, không bị nhiễm, không bị dính, không bị kẹt. Cho nên quý vị thấy hình ảnh Phật Di Lặc có sáu đứa nhỏ vây quanh, đứa móc lỗ tai, đứa móc lỗ mũi, đứa móc miệng, đứa thọc

lét, nhưng Ngài vẫn cười. Tại sao? Vì Ngài đã tự tại, không còn dính mắc. Mấy đứa bé đó tượng trưng cho sáu trần ở bên ngoài. Móc lỗ tai là thanh trần, móc lỗ mũi là hương trần; móc con mắt là sắc trần v. v... Nó quấy nhiễu mà Ngài không dính mắc. Bởi không dính mắc nên Ngài là Bồ-tát.

Chúng ta thì dính mắc đủ cả, nhiều nhất là lỗ tai và con mắt. Lỗ tai nếu nghe người ta chửi không thêm để ý là dễ, hay vừa nghe người ta chửi liền tức giận là dễ? Nghe chửi mà không thêm để ý là hết sức khó. Còn nghe người ta chửi mà nổi giận lên thì con nít cũng làm được mà.

Như vậy quý Phật tử đừng sợ người ta nói nặng nói nhẹ mình. Khi nghe nói nặng nói nhẹ mà mình bỏ lơ không thêm vướng mắc, đó không phải là thua. Mà chính nhờ đó sau này người ta mới kính mình. Còn nếu mình tranh hơn với nhau, cãi cho lanh, cãi cho thắng, thì sau này người ta cười chứ không có gì hay hết. Nên nhớ người có đạo đức không tranh giành hơn thua. Quan trọng là mình phải thắng mình. Một ý niệm xấu mình liền biết, chặn nó lại, một ý niệm tốt mình liền biết và cho nó tăng trưởng. Tu như vậy mới hay chứ không phải lắng nghe chuyện thiên hạ là hay.

Chúng ta có bệnh, khi nói về mình chỉ toàn nói tốt và giấu cái xấu. Tại sao giấu cái xấu? Vì không muốn bỏ, không muốn chữa nên mới giấu. Bây giờ chúng ta biết tu rồi, cái gì xấu, cái gì dở phải thấy cho tường tận để chữa bỏ. Còn người khác mình chưa đủ khả năng giáo hóa họ thì thôi, đừng bày chuyện nói qua nói lại cho thêm phiền. Đó là quý Phật tử biết tu và khéo tu.

Như vậy bài giảng hôm nay tôi chỉ cần kết thúc bằng bốn câu kệ:

Đừng làm các điều ác

Vâng làm các việc lành

Giữ tâm ý thanh tịnh

Là lời chư Phật dạy.

Mong quý vị nhớ bài kệ này để việc tu có kết quả tốt đẹp.

TU LÀ NGUỒN HẠNH PHÚC

Giảng tại chùa Khánh Sơn - Sóc Trăng
ngày 19-6-2000 - Canh Thìn

Hôm nay, chúng tôi thể theo lời mời của Ban trị sự Phật giáo tỉnh hội Sóc Trăng, đến đây giảng cho Tăng Ni, Phật tử một thời pháp. Chánh pháp của Phật cao siêu diệu vợi, muốn thâm nhuần được không phải là việc đơn giản. Nhưng nếu chúng ta đã có tâm quyết tu, cố gắng lắng nghe thì sẽ lãnh hội, được phần lợi ích trong sự tu hành. Bài pháp hôm nay có tên: **Tu là nguồn hạnh phúc.**

Người xưa hay nói tu là cội phúc, tình là dây oan. Nhưng ở đây, tôi chỉ nói phân nửa tu là nguồn hạnh phúc thôi. Chúng ta tu là để tìm con đường an lành hạnh phúc, thanh thoi tự tại. Không phải tu để mà tu, chẳng biết lợi ích gì trong cuộc sống. Cho nên chúng tôi muốn làm sao Tăng Ni, Phật tử đều thấy được lợi ích thiết thực trong việc tu hành của mình. Nếu không như thế thì lâu ngày chúng ta sẽ đâm ra chán nản trong việc tu hành.

Tất cả chúng ta đã được duyên lành xuất gia, học đạo, tu theo Phật. Còn quý Phật tử tuy chưa xuất gia, nhưng cũng có tâm hâm mộ, kính mến Phật pháp. Quý vị đến với đạo để trở thành con người hữu ích cho gia đình, xã hội và làm đẹp cuộc đời cho mình, cho người.

Chúng ta là đệ tử Phật, tu theo Phật để chuyển một con người phàm tục trở thành con người trí tuệ. Đó là quá trình tự chuyển hóa đời mình từ xấu trở thành tốt, từ phàm trở thành Thánh. Như vậy tu là chuyển đổi chứ không phải tu để cầu xin ân huệ của Phật. Đa số Phật tử có lòng tin Phật rất sâu, nhưng tin bằng cách cầu xin chứ không phải tin bằng sự cố gắng tu hành. Ví dụ chúng ta muốn được bình yên thì giữ tâm luôn định tĩnh sáng suốt trong mọi lúc mọi thời. Còn khi bị người ta chọc tức, mình nổi sân lên mắng chửi đánh đập người ta, thì làm sao Phật gia hộ được.

Cũng như cha mẹ có một đứa con trai, hết mực cưng chiều. Khi nó lớn lên, cha mẹ dạy bảo không được ra đường đánh lộn chửi lộn, không được hút thuốc, uống rượu, cờ bạc hoặc chơi với những đứa du đãng. Đó là cha mẹ thương, muốn cho con được yên ổn để học hành. Nhưng khi ra đường nó ngỗ nghịch, đánh lộn với người ta. Bị người ta đập lại đau quá, nó kêu: "Ba ơi, mẹ ơi, cứu con!". Khi đó cha mẹ cứu kịp không? Cứu không kịp. Rồi nói cha mẹ không thương, con kêu cứu mà không chịu cứu nó. Lời nói đó có căn cứ hay vô căn cứ?

Cũng vậy, Phật thương chúng sanh đáo đễ, lúc nào cũng hết lòng chỉ dạy, giáo hóa chúng ta. Song chúng ta không nghe theo lời Phật chỉ dạy thì làm sao Phật cứu được. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có kể lại rằng: Đức Phật đi giáo hóa trong xóm theo đạo Bà-la-môn. Dân chúng nghe pháp rồi kéo nhau theo Ngài nên bỏ đạo của họ. Khi đó vị lãnh đạo Bà-la-môn tức quá, ông đón đường Phật, kêu tên Phật chửi từ đầu tới cuối xóm. Chửi đến khô cổ họng mà Phật vẫn cứ ung dung, không trả lời gì hết. Ông càng tức, nên chặn Phật lại hỏi:

- Cù Đàm! Ngài có điếc không?

Phật đáp:

- Ta không có điếc.

- Ngài không điếc tại sao tôi chửi Ngài không trả lời?

Phật liền đưa ví dụ:

- Như ở nhà ông có đám giỗ, ông mời bà con đến. Khi dự tiệc xong, ra về. Ông đem tặng bà con, mỗi người một gói quà. Họ không nhận, thì quà đó thuộc về ai?

Vị Bà-la-môn trả lời:

- Tôi tặng họ mà họ không nhận, thì quà đó thuộc về tôi chớ về ai!

Phật nói:

- Cũng vậy, ông chửi ta mà ta không nhận, thì những lời chửi ấy có dính dáng gì với ta.

Phật chỉ nói một câu nhẹ nhàng như vậy. Quý vị thấy Phật thiết thời hay ông Bà-la-môn thiết thời? Chửi người ta mà người ta không nhận thì phần đó thuộc về mình. Nhờ vậy mà đến bây giờ chúng ta lạy Phật hoài. Nếu lúc đó Phật dừng lại, cãi lộn với ông Bà-la-môn, thì bây giờ chúng ta đâu có thờ, có lạy Ngài. Nhẫn nhịn, không chống cự, không phản đối, đó là tư cách của người tu. Cho nên dù xuất gia hay tại gia mà khéo nhẫn nhịn, đó là người có sức mạnh.

Người tu phải tập, đối với những gì trái ý nghịch lòng, chúng ta vẫn thản nhiên bỏ qua. Thường chúng ta nhịn không được là vì bản ngã mà ra. Thí dụ nghe người ta nói: "Anh ngu quá" hay "Thầy ngu quá" thì nổi nóng lên liền, cự lại để tỏ rằng mình khôn. Nhưng cự với người ta để thành khôn là ngu hay khôn? Tôi thường nói nếu có ai bảo tôi ngu thì tôi trả lời: "Phải, tôi là người ngu". Bởi vì trong thế gian này, có vô số điều mà mình chỉ biết có ít điều thôi thì không ngu sao

được? Thí dụ mình học được nghề thợ hồ thì biết trong nghề thợ hồ, chớ qua nghề điện, mình đâu có biết. Trên thế gian này có trăm ngàn muôn ức nghề, trăm ngàn muôn ức môn học, ai mà học hết cho được. Như vậy làm sao dám tự xưng là khôn được.

Chúng ta chỉ biết một phần trong triệu triệu phần, là khôn hay chưa khôn? Là chưa khôn. Thế nên người ta nói mình ngu, mình nhận là ngu, vì mình biết ít quá. Biết rõ như vậy thì ngu hay khôn? Còn nếu nghe mình ngu liền nổi tức lên chửi lộn, đánh lộn với người ta là khôn hay ngu? Như vậy mà thế gian có ai chịu ngu đâu. Lúc nào cũng nghĩ mình khôn. Vì vậy hình ảnh đức Phật ung dung đi khất thực, bị người ta chửi Ngài vẫn thản nhiên không giận không hờn. Đó là tấm gương sáng cho tất cả chúng ta noi theo.

Như vậy chúng ta biết tu, trước những cảnh thách đố, bị người ta nhục mạ, mình vẫn thản nhiên tự tại, đó là hạnh phúc. Người tu mới nhìn qua thấy như thiệt thòi, nhưng chính sự thiệt thòi đó lại là điều tốt. Vì qua những nghịch cảnh ấy, chúng ta mới biết được nhân lực của mình tới đâu, việc tu tiến hay lùi.

Hiểu như vậy tất cả chúng ta tu, nếu gặp cảnh không vui không thuận, chúng ta vẫn thản nhiên, cố gắng làm chủ được mình, thắng được mình. Đó mới thật là người tu. Ngược lại chúng ta thua giặc nóng giận, đó là chúng ta chưa khéo tu.

Trong kinh, Phật dạy: "Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất!" Chúng ta vào các chùa cổ, thường thấy tấm bảng đề trên điện thờ: "Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi". Đại hùng là sức mạnh phi thường. Đại lực cũng là sức mạnh không có gì đương nổi. Như vậy, người có sức mạnh phi thường, không gì đương nổi là một vị anh hùng.

Đức Phật đã cầm binh đánh giặc bao nhiêu lần mà chúng ta gọi Ngài là đấng Đại hùng? Thường ở thế gian hay nói ai thắng được kẻ địch, đó là người anh hùng. Như vậy Phật đã thắng được kẻ địch nào? Đức Phật không thắng ai bên ngoài hết, mà Ngài thắng được chính mình. Ngài không bị nóng giận, tham lam, si mê chi phối, làm chủ được nó là thắng mình. Thắng được mình là chiến công lớn nhất.

Chúng ta nhớ lại bao nhiêu vị anh hùng trên thế gian được nhân loại quý trọng, đều do sức mạnh thắng được người ngoài. Nhưng sự quý trọng đó chỉ một lúc, một thời nào thôi. Còn đức Phật tới ngày nay, đã trên hai mươi lăm thế kỷ mà toàn thế giới đều quý trọng. Bởi Ngài đã từng thắng được mình. Vì vậy mà nói Phật là đấng Đại Hùng.

Muốn thắng được mình phải nhờ công phu tu. Nhờ tu chúng ta thắng được tất cả tâm xấu xa, những ý niệm không tốt. Nhờ tu chúng ta dẹp bỏ được phiền não. Nhờ tu chúng ta mới có trí tuệ sáng suốt. Như vậy tu là hạnh phúc. Cho nên người tu hành mà nóng nảy thì không thể gọi là tu hành. Như vậy muốn cho bảo đảm trên đường tu chúng ta được an lành tự tại, thì cần phải sáng suốt, thấy đúng lẽ thật, đừng bị ngoại cảnh lôi dẫn, đừng bị những việc thách đố nghịch lòng làm cho chúng ta mất hết tư cách người tu. Chúng ta tu là đem lại sự an lành, tự tại cho chính mình.

Hàng cư sĩ tại gia nếu biết tu, sẽ có những hạnh phúc gì? Phật tử tại gia, sau khi quy y Tam Bảo rồi, đức Phật dạy phải giữ năm giới cấm. Tôi trở lại ví dụ trước. Như cha mẹ vì thương con, muốn bảo vệ cho con được an lành, nên cấm không được đánh lộn chửi lộn, hút thuốc, uống rượu, hoặc chơi với mấy đứa du đãng v. v... Đó là tình thương của cha mẹ muốn bảo vệ con, nên mới cấm như vậy.

Có nhiều người đặt câu hỏi: "Đạo Phật là đạo giải thoát, đạo tự do tại sao bước chân vào đạo, Phật bắt giữ giới. Như vậy là mất tự do rồi". Quý vị xét kỹ chúng ta giữ giới như cư sĩ thì năm giới; xuất gia Sa di thì mười giới, Tỳ-kheo hai trăm năm mươi giới, Tỳ-kheo Ni ba trăm bốn mươi tám giới v. v... Giữ giới là tự do hay mất tự do? Thường người ta nói tự do là không bị ràng buộc. Có ràng buộc là mất tự do. Nhưng tôi đặt trường hợp: Thí dụ như đi đường, nhất là ở thành phố, xe cộ nườm nượp. Nếu người đi đường không giữ luật đi đường, người ta đi tay phải, mình đi tay trái v. v... thì tai nạn xảy ra nhiều hay ít? Chúng ta không giữ luật đi đường, đó là chúng ta gây tai nạn cho mình, cho người. Còn nếu người giữ đúng luật đi đường, thì không gây tai nạn cho ai cả. Như vậy mình bình yên, người khác cũng bình yên.

Cũng vậy, vì chúng ta muốn bình yên, tự tại nên Phật bắt phải giữ những giới cấm. Nhờ giữ giới nên chúng ta an vui. Do đó giữ giới không phải là mất tự do, mà giữ giới là tôn trọng tự do. Nhờ giữ giới chúng ta không xâm phạm, không có gây phiền lụy cho mình cho người. Đó là sự tự do. Ngược lại, không giữ giới mới mất tự do, vì mình và người đều bị thương tổn.

Ở đây tôi dẫn năm giới cho quý Phật tử nhớ. Trong nhà Phật có chia ra Ngũ thừa Phật giáo:

- 1.Nhân thừa.
- 2.Thiên thừa.
- 3.Thanh văn thừa.
- 4.Duyên giác thừa.

5. Bò-tát thừa.

Chữ "thừa" nghĩa là cỗ xe, người Bắc đọc là "thặng". Ngũ thừa là năm cỗ xe. Tôi dùng một ví dụ cụ thể cho quý vị dễ hiểu hơn. Như bên xe của tỉnh Sóc Trăng có loại xe chạy gần, có loại xe chạy xa. Quý vị muốn đi gần thì mua vé xe chạy gần. Muốn đi trung bình thì mua vé xe trung bình. Muốn đi xa, thì mua vé xe xa. Tùy theo mình muốn tới đâu thì mua vé xe tới đó. Như vậy mỗi xe có lộ trình, có khả năng chuyên chở khác nhau.

Cũng vậy, trên đường tu có người muốn làm Bò-tát, có người muốn làm Thanh văn, Duyên giác; có người muốn sanh lên cõi Trời, có người muốn trở lại làm người tốt hơn v. v... Phật cũng tùy theo sở nguyện của mỗi người mà dạy các pháp tu khác nhau. Cho nên Phật giáo có Ngũ thừa là vậy. Như người tu Nhân thừa thì đời này làm một người tốt, đời sau sanh ra lại càng tốt hơn, an lành hơn. Hiện giờ Tăng Ni chúng ta tu là đang đi trên đường nào? Nếu chúng ta tu Thanh văn thừa thì phải giữ giới Tỳ-kheo. Còn tu Bò-tát thừa thì giữ thêm giới Bò-tát.

Trở lại năm giới của hàng cư sĩ. Giới thứ nhất không được sát sanh. Trong giới này nói một cách rõ ràng là không được giết người. Nhiều người nói không sát sanh là từ các loài côn trùng vi tế cho đến con người đều không được giết. Như vậy có đúng là giới của Phật tử tại gia không? Cấm sát sanh của Phật tử tại gia trọng tâm là không được giết người. Không được giết người có chia ra ba phần: Một là thân không giết người. Hai là miệng không xúi bảo kẻ khác giết người. Ba là thấy, nghe người ta giết nhau mình không vui. Nếu rộng hơn thì thêm những con vật lớn như trâu, bò, heo, chó v. v... quý vị tránh được bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Đó là giữ giới không sát sanh của hàng Phật tử tại gia.

Phật tử tại gia giữ giới không giết người có lợi ích gì? Nếu chúng ta không giết người thì người sẽ không giết lại mình. Không giết người thì khỏi tù tội. Nếu nóng giận giết người, đó là mình gieo tai họa cho chính mình vì sẽ bị tù tội, bị người giết lại. Và như người ta không giết lại thì cũng oán thù không có ngày trả xong. Do đó giữ giới không sát sanh thì chúng ta được bình an hạnh phúc. Ngược lại thì suốt đời sẽ bất an, chịu khổ cả thân lẫn tâm.

Phật tử không trộm cướp của người thì không bị tù tội, khinh khi. Quý vị tưởng tượng trong xóm, trong làng có kẻ trộm, kẻ cướp thì được người ta khen hay bị người ta phỉ nhổ, được bình an hay sống trong hồi hộp lo âu? Nên giữ giới không trộm cướp là chúng ta bảo vệ giá trị của mình, bảo vệ sự bình yên của mình. Đó là nền tảng để được an vui, hạnh phúc.

Phật tử không được tà dâm. Giới này có nhiều người coi thường. Nhưng sự thật, nó rất quan trọng. Bởi vì đạo Phật là đạo đem lại hạnh phúc cho mọi người. Tà dâm tức là ngoại tình, người chồng hoặc người vợ ngoại tình với kẻ khác gọi là

tà dâm. Nếu trong một gia đình đang bình an, vui vẻ, bỗng người chồng hoặc vợ ngoại tình với kẻ khác thì gia đình đó có còn bình an, hạnh phúc không? Gia đình đó sẽ tan nát, con cái khổ sở. Như vậy, không giữ giới tà dâm là làm cho mình khổ, người khổ, cha mẹ phiền hà, xã hội khinh bỉ. Nếu Phật tử khéo giữ giới này thì chẳng những bảo vệ được hạnh phúc gia đình, mà còn góp phần làm cho xã hội văn minh tốt đẹp hơn.

Phật tử không nói dối. Giới này, có nhiều người giải thích là tất cả mọi việc đều không được nói dối. Nhưng tôi nhìn khác hơn một chút. Không nói dối là không tự mình nói những lời dối trá, gạt gẫm người để thu lợi về mình, làm cho người phải thiệt thòi. Cho nên phạm tội nói dối có ba động cơ:

Một là nói dối do lòng tham. Hoặc tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi v. v... nói dối để gạt gẫm người, đó là phạm tội nói dối. Ví dụ có nhiều người đã lập gia đình rồi, khi đi xa gặp ai vừa ý, họ nói với người ấy chưa có gia đình, chưa thương ai v. v... Đến chùng sau phát giác ra đã có gia đình, có con cái, thì đủ chuyện rắc rối xảy ra phải không? Đó là do tham sắc mà nói dối. Tham tài, tham danh... mà nói dối cũng như vậy.

Hai là nóng giận mà nói dối. Nóng giận mà nói dối nghe vô lý quá. Nhưng thật ra thế này, khi nổi giận lên, mình biết người đối diện là anh A, anh B gì đó, nhưng lại gọi người ta là đồ chó, đồ trâu. Như vậy có đúng sự thật không? Người ta là người mà nói là chó là trâu, làm sao người ta không bực tức. Vì giận mà mình nói những lời không đúng lẽ thật gây phiền não cho người, gọi là phạm tội nói dối.

Ba là vì tâm ác độc, tâm oán thù muốn hại người mà nói dối. Mình biết người ta không phạm luật pháp, nhưng vì thù riêng nên làm đơn vu oan, để họ bị giam cầm khổ sở. Đó là phạm tội nói dối.

Tóm lại, tội nói dối do ba động cơ: tham lam, nóng giận, ác độc.

Ngược lại nếu người có lòng từ bi thương người, thương vật, nói dối để cứu nạn thì không có tội. Thí dụ có một người hàng xóm bệnh trầm trọng đang nằm ở bệnh viện, chúng ta lại thăm. Nghe bác sĩ nói bệnh này không qua khỏi. Chúng ta biết bệnh này thế nào cũng chết, nhưng khi bệnh nhân hỏi: "Thưa thầy (anh) bệnh tôi có qua khỏi không? " Mình có nở miệng định là anh phải chết không? Biết họ sẽ chết mà chúng ta không dám nói thật. Mà lại nói: "Không sao đâu, uống thuốc từ từ sẽ lành". Vì thương họ, sợ họ khổ mà mình nói dối cho nên không phạm giới. Hoặc như có người thợ săn đến vườn chùa, trong vườn có thỏ chồn. Nhưng khi thợ săn hỏi: "Vườn chùa thầy có thỏ, chồn không? " Mình nói: "Vườn tôi không có thỏ, chồn. " Như vậy nói dối mà không có tội. Vì thương không muốn cho chúng bị giết nên ta nói dối.

Hiểu như vậy chúng ta mới thấy nói dối phạm tội hay không là do nơi tâm. Với tâm tham lam, tâm nóng giận, tâm ác độc mà nói dối thì phạm tội. Với tâm từ bi thương người thương vật, mà nói dối thì không phạm. Cho nên việc lợi hại tùy theo quan niệm, tùy theo tâm tư của mình. Không phải bất cứ lúc nào nói dối cũng phạm tội hết.

Phật tử không được uống rượu. Trong giới này chúng ta nên xét đến những trường hợp ngoại lệ. Như người Tây phương ở xứ lạnh, không uống bia họ chịu lạnh không nổi. Bây giờ kể cả rượu mạnh, rượu nhẹ đều cấm không được uống thì họ giữ không được. Cho nên với tôi, thì nên châm chước thể này, cấm uống rượu mạnh, cấm uống say. Trong thời đại hiện nay cần phải cấm thêm các chất nữa: không được hút á phiện, xì ke, ma túy. Hồi xưa không có ba thứ đó, chỉ cấm rượu thôi. Nhưng bây giờ, xì ke, ma túy, á phiện còn nguy hại hơn cả rượu nữa. Cho nên phải cấm hẳn, tuyệt đối không được dùng xì ke, ma túy, á phiện dù chỉ một chút thôi.

Như vậy giữ giới có giá trị, có lợi ích rất cụ thể. Phật tử không giết người, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không hút á phiện, xì ke, ma túy thì gia đình chắc chắn được hạnh phúc. Bây giờ cả xóm, cả làng đều tu theo Phật, đều giữ năm giới trọn vẹn thì xóm làng đó có sợ ăn trộm, có nghi kỵ nhau về tà dâm hoặc cãi vã không? Một xóm làng khéo tu, giữ tròn năm giới thì tối ngủ không cần đóng cửa. Trong sinh hoạt không sợ ai lường gạt mình. Tất cả mọi người tin tưởng nhau, không nghi ngờ nhau cũng không có những tai họa như á phiện, xì ke, ma túy v. v... Đó là một xóm, một làng rất đẹp.

Nên biết Phật tử chỉ cần giữ năm giới là đã đem lại hạnh phúc cho bản thân, cho gia đình và cho xã hội nữa. Đó là điều hết sức cần yếu. Do đó tôi nói: "Người biết tu là người tạo được nguồn hạnh phúc cho mình, cho người". Đó là lợi ích trong đời này. Cho nên tu Nhân thừa Phật giáo, ngay trong đời này chúng ta là một người Phật tử chân chính, mà chết đi đời sau tái sinh lại, càng được tốt đẹp hơn.

Người giữ giới không sát sanh thì đời sau được tuổi thọ dài. Người giữ giới không trộm cướp thì đời sau sanh ra được nhiều tiền của. Người giữ giới không tà dâm thì đời sau sanh ra được đẹp đẽ trang nghiêm. Người giữ giới không nói dối thì đời sau sanh ra nói năng lưu loát, nói ra điều gì người ta cũng tin, cũng quý. Người giữ giới không uống rượu, không hút á phiện, xì ke, ma túy thì đời sau sanh ra trí tuệ sáng suốt.

Nếu người giữ được bốn giới, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu mà không giữ được giới sát sanh; thì người đó đời sau được trí tuệ thông minh, nói năng lưu loát, đẹp đẽ, giàu sang nhưng lại chết yểu. Được tất cả mà chết yểu, quý vị có muốn không? Chắc không muốn. Cho nên tốt nhất là giữ đủ năm giới.

Hoặc có người giữ giới không sát sanh, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu nhưng lại phạm giới trộm cắp; thì đời sau được sống lâu, đẹp đẽ, nói năng lưu loát, trí tuệ thông minh nhưng lại nghèo xơ xác, không có gạo ăn. Như vậy quý vị có chịu không? Hoặc được sống lâu, nhiều cửa, thông minh, nói năng lưu loát nhưng vì không giữ giới tà dâm nên đời sau xấu xí, không ai muốn nhìn hết. Chắc quý vị cũng không chịu.

Hoặc giữ giới không sát sanh được tuổi thọ dài lâu, không trộm cắp được giàu sang, không tà dâm được đẹp đẽ, không uống rượu được thông minh nhưng vì không giữ giới nói dối nên đời sau nói ngọng, nói lịu, nói ra điều gì người ta cũng chê cười, không tin. Quý vị có chịu không? Chắc cũng không chịu. Hoặc trong bốn thứ: sống dai, có cửa, nói năng lưu loát, đẹp đẽ nhưng ngu tối, quý vị chịu không?

Nói chung nếu chúng ta giữ tròn năm giới thì hiện đời là một người tốt, một người xứng đáng. Khi chết đi, đời sau trở lại sanh làm người được tuổi thọ dài, giàu sang, đẹp đẽ, nói năng lưu loát, trí tuệ thông minh. Chúng ta có muốn thiếu điều nào không? Nếu không muốn thiếu thì phải giữ đủ năm giới. Nhân thế nào quả sẽ thế ấy. Nên cũng ở thế gian, mà người được điều này, thiếu điều kia, không trọn vẹn. Đó là vì không khéo tu. Nếu chúng ta khéo tu, giữ tròn năm giới thì đời này đã tốt, đời sau sanh ra càng tốt hơn.

Phật tử nào hiện đời tu giữ tròn năm giới, khi sắp lâm chung, có ai đến hỏi: " Anh hay chị chết rồi sẽ đi về đâu? " Quý vị sẽ trả lời: "Tôi giữ tròn năm giới nên sẽ ngồi trên cỗ xe Nhân thừa Phật giáo, đời sau nhất định trở lại làm người và tiếp tục tu nữa". Nên người biết tu sẽ nắm rõ ngày mai kết quả ra sao. Chứ không phải tu thì tu, mà khi gần chết không biết mình đi đâu, rồi đâm ra hoang mang, hoảng hốt.

Chính chỗ này, ngày xưa Ma Ha Nam hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, con giữ tròn năm giới và tinh tấn tu hành các pháp Phật dạy, như vậy nếu con ra đường lỡ như bị tai nạn chết liền tại chỗ, thì đời sau con sẽ sanh về đâu?

Khi đó đức Phật đưa tay lên, nghiêng sang một bên và nói:

- Như cây nghiêng như vậy, khi cưa nó sẽ ngã về đâu?

Ma Ha Nam trả lời:

- Nếu cây nghiêng chiều nào, khi cưa nó sẽ ngã theo chiều ấy.

- Cũng vậy, ông đang tu pháp nào, đang gây tạo nghiệp gì thì khi chết sẽ đi theo đường đó.

Chính chỗ này, Phật tử cũng hoang mang lắm. Mình bệnh, có quý thầy quý cô đến nhắc nhở đạo lý, còn hy vọng được theo Phật. Nếu ra đường lỡ xe đung chết bất đắc kỳ tử, chừng đó hoảng hốt không biết đi đâu? Trong đạo Phật nói nghiệp có nhiều thứ, nhưng có hai thứ rất trọng yếu: Một là tích lũy nghiệp, hai là cận tử nghiệp.

Tích lũy nghiệp là nghiệp tích lũy trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta thường làm điều lành, đó là tích lũy nghiệp lành. Khi nhắm mắt nếu không được Tăng Ni trợ niệm hay nhắc nhở đạo lý, nhưng nhờ tích lũy nghiệp đó dẫn chúng ta đi con đường lành. Cũng như cây nghiêng chiều nào thì nhất định sẽ ngã chiều đó.

Cận tử nghiệp tức là nghiệp lúc gần chết. Trước kia có thể chúng ta phạm nhiều tội lỗi, nhưng khi gần chết năm bảy tháng gì đó, lại phát tâm hướng về Tam Bảo, biết ăn năn hối hận những lỗi lầm trước. Từ đó ra sức làm những việc thiện. Đó là cận tử nghiệp thiện. Lúc lâm chung lại được Tăng Ni hộ niệm, người đó lý đáng phải đọa, nhưng nhờ cận tử nghiệp tốt, nên được sanh cõi lành. Song thọ mạng ở cõi lành ngắn ngủi, vì họ phải đọa vào các đường ác để trả lại nợ trước. Do đó chúng ta thấy có người sanh ra trong gia đình giàu sang, nhưng chừng năm bảy tuổi thì chết. Bởi vì họ có phát tâm lành, nên hưởng được quả lành, nhưng quả lành rất ngắn nên họ hưởng cũng ngắn thôi. Hiểu như vậy chúng ta mới không ngạc nhiên tại sao người có phước, sanh ra trong gia đình khá giả mà lại chết yểu.

Như vậy tích lũy nghiệp là nghiệp chúng ta tạo hàng ngày, còn cận tử nghiệp là nghiệp gần chết chúng ta mới tạo. Hai nghiệp đó đều có quả. Nhưng quả theo hai hướng khác nhau. Mới thấy lý nghiệp báo trong đạo Phật rất công bằng, rất hợp lý. Chúng ta tạo điều lành thì được quả lành, tạo điều ác thì phải bị quả ác. Do tạo nghiệp mà phải chịu quả, chứ không có Phật trời nào can dự vào được.

Chúng ta tu hành, biết hướng về Tam Bảo, cải đổi những thói quen, những tật xấu để trở thành người hay, người tốt. Nhờ vậy sau khi nhắm mắt, mình được đi đường lành. Ngược lại nếu không biết cải đổi, mà cứ xin Phật cho cái này cho cái kia, thì kết quả không được gì cả. Cho nên tu nhiều thì hạnh phúc nhiều, tu ít thì hạnh phúc ít. Mình là người chủ tạo duyên lành quả tốt cho mình, chứ không phải ai khác.

Trên đường tu, chúng ta hiểu thấu được lẽ này thì không còn trông chờ đức Phật cứu. Cho dù Phật có cứu mà không chịu tu thì cũng không bao giờ được hưởng quả tốt. Đó là một lẽ thật. Cho nên nguồn hạnh phúc là ở nơi chính mình,

do công của mình chăm sóc, nuôi dưỡng, chứ không phải từ đâu đến. Thế nên chúng ta phải cố gắng tạo cho mình một tương lai tốt đẹp.

Bài giảng hôm nay tôi nói tu hành là nguồn hạnh phúc cho tất cả Tăng Ni, Phật tử hiền. Để từ đó chúng ta chọn lấy một con đường tốt, dẫn mình tới chỗ an lạc giải thoát. Mong tất cả quý vị sáng suốt chọn lấy cho mình một con đường.

CHỮ KHÔNG

TRONG BÀI KINH BÁT NHÃ

Chùa Tam Bảo Hà Tiên - 1999.

Đề tài tôi nói hôm nay là chữ Không trong bài kinh Bát Nhã. Tất cả Tăng Ni cũng như Phật tử đến chùa thường đọc tụng thuộc lòng bài kinh Bát Nhã. Học kinh Bát Nhã mà không hiểu chữ Không của kinh Bát Nhã sẽ dẫn đến hiểu lầm, có thể đâm ra hoang mang. Tại sao vậy? Bởi vì trong chùa thường nói câu "chẳng thà chấp có bằng núi Tu Di, chớ nên chấp không bằng hạt cải. "

Người tu chấp có, không thể tốt được lý đạo. Nhưng dù chấp có nhiều như núi Tu Di vẫn không tai hại như chấp không bằng hạt cải. Đó là tai họa lớn. Vì vậy người xưa hay nhắc nhở chúng ta đừng nên chấp không, thế mà trong Bát Nhã nói cái gì cũng không hết. Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không sắc, thanh, hương, vị, xúc v. v... Trong kinh nói không mà các vị tiền bối bảo đừng chấp không. Vậy hai chữ không đó khác nhau chỗ nào? Đây là điều tôi muốn giảng trạch cho tất cả Tăng Ni, Phật tử nắm cho vững, để đường tu chúng ta không bị trở ngại lại còn có thể tiến nhanh hơn.

Muốn biết chữ Không trong kinh Bát Nhã hay cả hệ thống Bát Nhã, trước hết chúng ta phải nắm thật vững giáo lý nhân duyên. Người không nắm vững giáo lý nhân duyên thì không bao giờ hiểu được chữ Không trong kinh Bát Nhã. Chữ Không của Bát Nhã đứng vững là dựa trên lý nhân duyên, nếu lý nhân duyên là chân lý thì chữ Không cũng sẽ là chân lý.

Trước hết chúng ta thử xem xét các pháp trên thế gian này có pháp nào không phải nhân duyên sanh hay không? Như chúng ta nhìn thấy ngôi chùa, vậy ngôi chùa từ đâu mà thành? Ai cũng biết đều do nhân công, thợ, thầy, gạch, cát, đá, xi măng v. v... hợp lại thành ngôi chùa. Chớ không bao giờ bỗng dưng nó tự thành, phải đủ nhân, đủ duyên hội hợp mới có. Nhân duyên thì không phải một thứ mà rất nhiều thứ tụ hợp lại thành sự vật. Cũng vậy, tất cả muôn sự muôn vật trên thế gian này có cái nào vượt ngoài vòng nhân duyên đâu.

Gần đây các nhà khoa học khi tìm hiểu đạo Phật, thấy rõ chủ trương các pháp do nhân duyên sinh của đạo Phật rất phù hợp với khoa học. Bởi vì khoa học là môn học phân tích sự vật, mà phân tích sự vật thì không vật nào tự nó có, tất cả

đều do sự kết hợp nhiều thành phần mà có. Như vậy vật nào cũng không đơn độc một nhân một duyên có thể thành. Mà chúng rất phức tạp, do nhiều nhân nhiều duyên tụ lại. Chúng ta mới thấy cái nhìn của đức Phật hơn hai ngàn năm về trước rõ ràng, tường tận như thế nào.

Sự vật không tự có, không phải ngẫu nhiên có, cũng không do ai làm ra, chỉ khi nhân duyên tụ hội thì sự vật hiện có, thiếu duyên thì sự vật ly tán. Giáo lý Phật chỉ rõ cho chúng ta không còn mê lầm, nghĩ rằng sự vật do người nào hoặc ngẫu nhiên nó có. Từ cái nhà chúng ta nhìn tới cái bàn, cái ghế, vật nào không phải từ nhân duyên sinh? Cây cối trước mắt chúng ta cũng là nhân duyên sinh, rồi đến con người có phải từ nhân duyên sinh không? Nếu nói đơn giản là do tinh cha huyết mẹ kết tụ lại thành thân con người. Ngày nay với con mắt y học, người ta phân tích có bao nhiêu tỷ tế bào, phân ra từng loại rồi phối hợp lẫn nhau. Nhờ chúng phối hợp sinh hoạt, phát triển thì thân chúng ta còn sống, nếu chúng hư hoại thì thân này tan nát. Như vậy tất cả sự vật trên thế gian không có cái nào thoát ngoài lý nhân duyên.

Như xét cái đồng hồ, vật gì là chủ thể của nó? Chúng ta không thể nói cây kim là chủ thể, số là chủ thể. Bộ phận nào là chủ thể cũng không được, mà do đủ các bộ phận ráp lại thành cái đồng hồ. Như vậy duyên hợp thì nó có, nếu các bộ phận phân tán ra thì đồng hồ cũng không. Trước mắt chúng ta thấy có đồng hồ, nhưng thực thể cái đồng hồ có hay không? Chỉ là duyên hợp tạm có chớ không thật, vì nó không có chủ thể. Bởi không có chủ thể nên đủ duyên nó còn, thiếu duyên nó mất, không có gì cố định hết. Như vậy làm sao nói đồng hồ là thật được. Đã không thật thì cái gì là chủ thể của nó, chẳng qua duyên hợp tạm có, duyên hết hoàn không.

Trong kinh A Hàm đức Phật có dạy, người nào thấy được lý nhân duyên thì người đó thấy được pháp. Thấy được pháp tức là thấy đạo hay thấy Phật. Qua đó chúng ta thấy tầm quan trọng của lý nhân duyên như thế nào rồi. Cũng như vậy, con người do nhân duyên sinh nên không chủ thể, không cố định. Muôn vật trên thế gian này do nhân duyên sinh cũng không chủ thể, không cố định. Tuy không cố định, không chủ thể nhưng đồng hồ vẫn có, đủ duyên thì nó hiện tiền. Hiểu lý này rồi chúng ta mới bước qua bước thứ hai là chữ Không trong kinh Bát Nhã.

Chúng ta đừng lầm chữ Không trong kinh Bát Nhã là trống rỗng, không có gì hết. Không là đối với có. Nhưng chữ Không đây là ngay nơi sự vật hiện tiền mất thấy, tay sờ mó được song chủ thể nó là không, không cố định. Như vậy dù mất thấy, tay sờ mó được mà nói là Không, đó là không chủ thể, không cố định. Bát Nhã nói Không vì nó do nhân duyên sinh nên không chủ thể. Cho nên chữ Không trong kinh Bát Nhã còn gọi là tánh Không. Hệ thống Bát Nhã gọi đó là tự tánh Không. Tức là không có chủ thể, không tự tánh nhưng sự vật vẫn có giả tướng của nó khi đủ duyên tụ hội.

Con người chúng ta cũng do nhân duyên sinh, không có chủ thể, cố định. Vậy gọi ta được không? Chỉ là cái ta tạm bợ, còn mất theo duyên, không có giá trị thật. Thế mà lâu nay chúng ta cứ lầm nhận ta là thật, sự vật là thật. Nhà Phật gọi lầm nhận đó là vô minh, là si mê. Người học Phật phải có trí tuệ sáng suốt, thấy đúng như thật. Những gì Phật dạy chúng ta quán sát, thấu suốt mới đem ra hướng dẫn chỉ dạy cho người khác, chớ không phải học hiểu suông mà thấy được lẽ thật.

Chúng ta thử nghiệm lại thân mình có phải là tạm bợ hay không? Nếu thân chắc chắn chân thật thì không bao giờ hoại. Vì do duyên hợp nên thiếu duyên thì nó sanh ra bệnh tật rồi đi đến bại hoại. Đó là lẽ thật, không còn gì nghi ngờ nữa. Vì vậy chữ Không của Bát Nhã là không có thực thể, chớ không phải không ngờ giữa có và không. Người ta cứ ngỡ cái bàn trước mắt là có, hư không trông rỗng là không. Đó là cái có không của người đời, còn Không của Bát Nhã là không tự tánh, không tự tánh tức là không thực thể. Vì vậy đức Phật nói thân này vô ngã. Vì vô ngã nên không chủ thể, bởi không chủ thể nên tùy duyên mà thành, tùy duyên mà hoại, không phải lúc nào cũng nguyên vẹn. Đó là ý nghĩa cụ thể của đạo Phật.

Chúng ta thấy rõ ý nghĩa của chữ Không rồi thì đối với sự vật hiện tiền mắt thấy, tay sờ mó được là thật có hay thật không? Nói thật có hay thật không đều sai cả vì nó tạm bợ, chỉ có giả tướng hiện tiền. Như vậy phải nói sao? Nói các pháp không thật có, do duyên sinh, chỉ tạm có nên nhà Phật gọi như huyễn, như hóa. Đến đây tôi nhớ Thiền sư Từ Đạo Hạnh ở đời Lý có bài kệ:

Tác hữu trần sa hữu

Vi không nhất thiết không Hữu không như thủy nguyệt

Vật trước hữu không không.

Tạm dịch:

Có thì muôn sự có

Không thì tất cả không

Có không trăng đáy nước

Đừng mắc có không không.

Ngài Từ Đạo Hạnh diễn đạt hình ảnh cho chúng ta thấy rất linh động. Tất cả sự vật nếu nói có thì vật nào cũng có hết. Tại sao? Vì trên giả tướng mắt thấy, tay sờ mó được. Còn nếu nói không thì tất cả đều không hết, vì chúng là duyên hợp không thật. Không thật nên nói là không. Như vậy nói có và không giống như mặt trăng dưới đáy nước. Đêm rằm ta nhìn xuống hồ nước, thấy mặt trăng hiện

dưới đáy nước. Mặt trăng ở đáy nước là thực có hay thực không? Nếu thực có sao đưa tay vớt lên không được. Nếu thực không sao mắt chúng ta thấy rõ ràng. Nên gọi là có mà chỉ là cái bóng, chứ không phải không có. Nhưng là bóng thì nó không thật.

Muôn sự vật ở thế gian này cũng như bóng trăng đáy nước, nhìn thấy như có nhưng rốt cuộc không thực thể. Cho nên có cũng như không, chỉ vì duyên hợp tạm có. Người ta cứ ngỡ rằng những gì mắt thấy tai nghe là thực có, nhưng không ngờ chúng là duyên hợp. Đã là duyên hợp, chúng ta đừng làm chấp nó thật thì sẽ không đau khổ. Đây là chỗ khó của người học Phật. Nếu thấy được lý này thì chúng ta sẽ thấy đạo Phật hay đáo để.

Chúng ta tu khó khăn vì chúng ta thấy cái gì cũng thật nên dễ nhiễm, dễ kẹt. Nhiễm kẹt thì sự tu không tiến, còn thấy các pháp không thật thì chúng ta không có gì để chấp, mà không chấp thì đường tu hết sức dễ dàng. Cho nên si mê là động cơ chủ yếu đưa chúng ta đến chỗ sai lầm. Từ sai lầm đó khiến chúng ta không thấy lẽ thật, rồi bị chìm đắm trong sinh tử, kiếp này kiếp nọ không cùng. Tuy nhiên những thứ đó cũng là tướng duyên hợp không thật. Nhưng không khéo tu chúng ta sẽ không ra khỏi nó, chỗ này rất là quan trọng.

Tôi nhấn mạnh lại chữ Không trong kinh Bát Nhã tức là tánh không của các pháp. Từ con người cho tới muôn vật đều giả có, không có thực thể. Đã là giả có mà chúng ta thấy thật thì đó là mê lầm, giả có mà nói không thì trái với lẽ thật. Vì vậy không thể khẳng định là không. Phải biết muôn sự muôn vật trước mắt chúng ta là tướng duyên hợp giả có.

Kinh Bát Nhã có câu: "Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai Không, độ nhất thiết khổ ách". Nghĩa là, Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu vào trí tuệ Bát Nhã, Ngài xem thấy tất cả sự vật, tất cả pháp hay nói gọn là con người gồm năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không có thực thể, không cố định. Khi thấy như vậy Ngài liền qua hết thảy khổ nạn.

Ngày nay chúng ta tụng kinh Bát Nhã từ lúc mới vào chùa cho tới năm sáu mươi tuổi, biết bao nhiêu biến? Trăm ngàn biến mà khổ ách vẫn là khổ ách. Bởi vì tụng Bát Nhã thì tụng mà nhìn thấy thân năm uẩn thật. Nếu thấy thân năm uẩn duyên hợp hư dối thì có ai chửi thân năm uẩn này chúng ta thấy sao? Thân năm uẩn đã không thật thì lời chửi có thật đâu. Chẳng qua cũng là tạm bợ hư giả thôi. Mình hư giả, người hư giả, lời nói hư giả, có gì mà khổ, có gì mà phiền. Cho tới tất cả những thiệt thòi, khổ sở khác, nếu xét kỹ chúng có thật không? Cũng không thật. Như vậy có gì làm chúng ta khổ sở đâu? Chỉ cần dùng trí tuệ Bát Nhã soi thấu muôn sự vật, soi thấu lại bản thân mình đều là duyên hợp hư giả. Thấy được như vậy thì khổ ách nào cũng qua hết.

Như vậy chúng ta chỉ cần tụng một câu đó cũng hết khổ rồi, đâu cần phải tụng nhiều. Chủ yếu là biết vận dụng lời Phật dạy vào việc tu của mình. Lời Phật dạy rất chí lý nhưng chúng ta cứ đọc thuộc lòng. Đọc lại cho Phật nghe phải không? Chúng ta đọc kinh đúng ra là đọc cho mình nhớ và thực hành theo lời Phật dạy. Nhưng thường Phật tử cứ nghĩ rằng đọc như vậy có phước. Đọc hai lần phước nhiều hơn một chút. Do không biết lời Phật dạy để ứng dụng quán chiếu lại bản thân và mọi vật chung quanh, thấu triệt được lẽ thật của nó nên chúng ta cứ đọc cho Phật nghe hoài, còn mình thì không dính dáng gì hết. Phật nói chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách, chúng ta tụng hoài sao không qua được khổ ách? Bởi vì có chiếu kiến đâu! Chiếu kiến là soi sáng, mà chúng ta không chịu soi sáng thì làm sao thấu tỏ được. Đó là lầm lẫn của chúng ta.

Đức Phật dạy thân này được kết hợp từ năm uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn. Sắc uẩn là tứ đại đất nước gió lửa hợp lại. Thọ uẩn là những cảm giác của chúng ta như đang nóng có ngọn gió thổi qua nghe mát, cảm giác ấy gọi là thọ. Lưỡi chúng ta nếm một món ăn nghe ngọt, nghe đắng v. v... cảm giác ấy là thọ. Mắt chúng ta nhìn thấy người thấy vật, nhận ra đẹp xấu. Thân xúc chạm sanh thích hoặc chán v. v... Đó là cảm giác của thọ. Sáu căn tiếp xúc sáu trần có cảm giác khổ vui, không khổ không vui. Đó gọi là thọ. Tưởng uẩn là tâm mình tưởng tượng việc quá khứ vị lai. Hành là suy tư, những ý niệm nhẹ nhàng tế nhị. Có chỗ nói hành cũng là ý chí. Ý chí vươn lên hay ý chí mạnh mẽ. Thức uẩn, phân biệt cái này tốt, cái kia xấu, cái này phải, cái kia quấy v. v...

Như vậy thân chúng ta có năm phần. Một phần thuộc về sắc chất, bốn phần kia thuộc về tinh thần. Có chỗ khác lại chia thân này do bốn thứ hợp lại là sắc. Sắc đó gồm bốn thứ đất nước gió lửa. Phần tinh thần bốn thứ: thọ, tưởng, hành, thức. Hai thứ cộng lại thành tám thứ đều nhau.

Tóm lại, thân này từ vật chất cho đến tinh thần đều do duyên hợp, không có gì cố định. Xưa Thiên sư Lương Giới, Tô tông Tào Động, lúc mới cạo tóc vào chùa, đọc kinh Bát Nhã, Ngài thấy kinh nói: "Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp", Ngài bạch với thầy:

- Con có mắt tai mũi lưỡi thân ý, nhưng sao trong kinh nói không có. Nghĩa này thế nào?

Vị thầy lắc đầu bảo Ngài đi tìm học chỗ khác, vì thầy giải nghĩa không nổi. Người học đạo thấy kinh nói sao là hay như vậy, không thắc mắc tìm hiểu nghĩa lý thì chúng ta không tiến bộ được. Ngài Lương Giới đọc kinh không hiểu liền sinh nghi nên Ngài phăng tìm cho ra. Sau này ngộ đạo Ngài mới thấy được lý chân thật của Phật dạy. Tất cả lời Phật dạy không có câu nào, lời nào là vô ý vô nghĩa, tất cả đều chỉ lẽ thật cho chúng ta. Nhưng vì trình độ thấp nên chúng ta không nắm vững thành ra cứ mê muội mãi.

Trong kinh Bát Nhã có đoạn: "Tướng không của các pháp không như, không sạch, không thêm, không bớt v. v..." cho tới không mắt tai mũi lưỡi thân ý, rồi không cả sắc thanh hương vị xúc pháp v. v... tất cả đều không. Như vậy tánh Không là thực thể không của các pháp. Trên phương diện không thực thể thì không có pháp gì có thật cả, nên nói không tất cả. Ngũ uẩn không, thập nhị xứ không, thập bát giới không v. v...

Tới đoạn sau "vô vô minh tận, vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệt vô đắc". Nghĩa là tất cả pháp như năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới. Năm uẩn là chỉ thân này, mười hai xứ tức là sáu căn và sáu trần, mười tám giới là căn trần thức cộng lại là mười tám. Vậy thì thân này, tâm thức này và trần cảnh này trên tánh Không đều không có, không thực thể. Về thế tục đế, những thứ này không thật có.

Còn như pháp Thập nhị nhân duyên, Tứ đế lẽ ra nhất định phải có. Vì Phật nói pháp Tứ đế là chân lý, không thể sai chạy, pháp nhân duyên cũng chân lý, không thể sai chạy được. Nhưng tại sao kinh Bát Nhã nói cũng không luôn, như vậy chúng ta tu cái gì? Điểm này có nhiều người thắc mắc. Không khổ tập diệt đạo, không vô minh và không hết vô minh v. v... thì chúng ta tu làm sao đây?

Tôi thường hay nhắc, pháp của Phật dạy là phương thuốc trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng sanh có bệnh gì Phật có thứ thuốc ấy. Vậy nếu bệnh không thật thì thuốc có thật không? Thân ngũ uẩn này không thật tức là bệnh không thật. Thuốc là để trị bệnh, bệnh đã không thật thì thuốc làm gì có thật. Rõ ràng pháp của Phật dạy chỉ là phương tiện trị bệnh cho chúng sanh. Nếu chúng sanh hết bệnh thì thuốc cũng không dùng. Chúng sanh không thực thể thì thuốc cũng không thực thể.

Người đời thường nghĩ lời phạm tục không thật, còn lời Phật dạy là chân lý, là thật. Nhưng sự thật Phật chỉ tùy theo bệnh của chúng sanh mà dạy, giúp họ giải trừ được căn bệnh của mình, chớ ngôn ngữ ấy cũng không thật. Cho nên nói kinh điển như ngón tay chỉ mặt trăng hay chiếc bè đưa người qua sông v. v... Hiểu như vậy chúng ta mới không nghi. Tất cả pháp thế gian (tục đế) và pháp xuất thế gian (chân đế) đều không có thực thể, chỉ là giả tướng tạm bợ, đối bệnh cho thuốc thôi. Thấy rõ như vậy nên không chấp, sẽ đi tới chỗ cứu kính Niết Bàn, không còn mê lầm nữa.

Thấy được chữ Không của Bát Nhã rồi thì chúng ta dễ tu. Bởi vì chúng ta đang mắc bệnh chấp không. Nói tất cả pháp không có chủ thể liên chấp không ngờ. Nếu ai chấp không ngờ là lầm, bởi sự vật đang có giả tướng hiện tiền làm sao nói không được. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ, Không là không chủ thể, không cố định, chớ lầm là không ngờ. Hiểu như vậy chúng ta sẽ không còn chấp nữa.

Tất cả sự vật đến với ta, ta không chấp thì dễ tu biết mấy. Mình có phải khổ sở để dẹp nóng giận, dẹp phiền não không? Sở dĩ chúng ta phiền não, chúng ta

nóng giận là vì chúng ta chấp nó thật. Nếu biết rõ nó không thật, chỉ tạm bợ do duyên hợp thì có gì mà chấp. Do không chấp nên thành thơi tự tại đi giữa cuộc đời mà chúng ta không dính mắc gì cả.

Như vậy Phật độ chúng ta hết khổ, hay chúng ta dùng trí tuệ thấy muôn sự vật xảy đến với mình không thật, liền vượt qua các khổ. Nỗi khổ không ai cứu ta được mà do ta nhận ra chân tướng của nó không thật thì có gì làm ta phiền hà, khổ sở nữa! Thấy tường tận đạo lý thì không còn chấp. Nên nhớ chấp là gốc từ si mê, là nhân của đau khổ. Nhờ trí tuệ sáng không chấp nên đau khổ cũng không còn. Tụng một bài kinh Bát Nhã mà thấu triệt rồi thì chúng ta tự tại đi trong cuộc đời. Đó là điều chắc chắn vậy.

Nhưng sẽ có người nói thế này, Phật dạy các pháp hư giả tạm bợ như kinh Kim Cang nói: "Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh". Nếu mọi thứ đều tạm bợ huyễn hóa hết thì không cần làm gì nữa. Cuộc đời cứ thả trôi thì xã hội sẽ ra sao? Đây là nghi vấn của nhiều người hiện nay. Thật ra người tu Phật phải có đủ hai mặt: Một là trí tuệ tức trí Bát Nhã, hai là từ bi.

Chúng ta quán sát thấy rõ tánh các pháp là không, do duyên hợp tạm có, thấy tường tận như vậy là chúng ta có trí tuệ Bát Nhã. Nhưng giả sử cạnh ta có người đói khổ, chúng ta cũng bỏ mặc chỉ ngồi cười thôi, không làm gì hết, như vậy trở thành khô khan tiêu cực. Cho nên phải phát tâm từ bi. Phật dạy có trí tuệ mà không có từ bi là càn tuệ tức trí tuệ khô. Vì vậy trí tuệ phải có từ bi thì trí tuệ ấy mới tươi nhuận. Còn từ bi mà thiếu trí tuệ thì gọi là từ bi mù, nên chúng ta tu Phật phải có đủ từ bi và trí tuệ.

Bởi vì có trí tuệ rồi chẳng lẽ ngồi không, ai khổ mặc họ không cần biết đến? Như vậy là ích kỷ, không có lợi ích gì cả. Cho nên người tu phải phát tâm từ bi, chúng sinh tuy hư giả nhưng lại không biết hư giả. Vì vậy họ khổ, chúng ta phải thương, phải cứu họ, làm cho họ hết khổ. Như vậy nhờ trí tuệ phá kiến chấp sai lầm, phá ngu muội tăm tối. Nhờ lòng từ bi thương người mê lầm, ta chỉ cho họ thấy được lẽ thật, không còn chấp, không còn đau khổ nữa. Đó mới gọi là làm tròn bổn phận người tu.

Vì vậy trí tuệ và từ bi phải nhịp nhàng theo nhau. Người tu Phật dù bậc thượng hay bậc hạ cũng phải đồng thời huân tập hai phương diện đó. Phải có đầy đủ trí tuệ tức trí Bát Nhã và từ bi để độ chúng sanh. Không vị Phật nào chỉ có trí tuệ mà thiếu từ bi. Hiểu như vậy chúng ta mới sẵn sàng lăn vào cuộc đời để cứu khổ, để đánh thức những người mê muội. Không nên nói thân giả, cảnh giả, khổ cũng không thật, có gì đâu lo. Thiên hạ đối cũng là chuyện giả thôi, có chi phải bận lòng rồi ngồi đó không làm gì hết.

Nên trong kinh Phật dạy phước và huê, cả hai phải song hành như nhau, giống con chim có hai cánh. Chim muốn bay được phải đủ đôi cánh, nếu chích đi một cánh thì chim bay không được. Người tu cũng vậy, phải có trí tuệ để thấy tường tận lẽ thật của cuộc đời và có lòng từ bi để san sóc, chia xẻ những nỗi khổ của chúng sanh. Đó mới là người tu Phật chân chính.

Mong tất cả quý vị nghe suy ngẫm và ứng dụng giáo pháp Phật dạy vào đời sống tu tập của mình. Nếu ứng dụng được sẽ thấy giá trị cao siêu của Phật pháp, bằng ngược lại chỉ hiểu suông, không thực hành gì cả thì không bao giờ thấy được sự mầu nhiệm của đạo Phật. Và như vậy chúng ta không xứng đáng gọi là đệ tử của đức Phật. Tất cả hãy ghi nhớ và cố gắng nỗ lực thực hành để có niềm vui chân thật ngay trong hiện đời.